

Masanobu Fukuoka

CUỘC CÁCH MẠNG MỘT-CỌNG-RƠM

PHOENIX BOOKS

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CUỘC CÁCH MẠNG MỘT-CỌNG-RƠM

MASANOBU FUKUOKA

(Bản sách điện tử lần thứ nhất)

Biên dịch:
XanhShop

Lời giới thiệu và hiệu đính:
Hoàng Hải Vân

Lời giới thiệu cho lần tái bản thứ nhất:
Dịch giả Phương Huyên

Thiết kế và vẽ bìa:
Đỗ Hữu Chí

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CUỘC CÁCH MẠNG MỘT-CỌNG-RƠM

Mọi góp ý về bản dịch xin vui lòng gửi đến:
Tủ sách Xanh 489 Cộng Hòa, P.15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Email: books@xanhshop.com

Tham gia đóng góp các ý kiến của bạn online tại đây:
https://www.facebook.com/groups/cachmangrom/

Các bạn thân mến,

Bản sách này là ebook có bản quyền, được đưa đến các bạn nhờ sự đóng góp của các bên sau đây:

1. XanhShop.com và các cộng sự trong việc biên dịch và liên lạc mua bản quyền;
2. Một số mạnh thường quân yêu cuốn sách muốn đưa tư tưởng của cụ Fukuoka tới cộng đồng đã ủng hộ về tài chính để trả tiền bản quyền cho bản ebook cùng phí chuyển tiền ra nước ngoài;
3. PhoenixBooks.vn giúp tạo ebook với giá 0đ;

Chân thành cám ơn mọi người đã chung sức!

Chúng tôi mong muốn cuốn sách đến được với thật nhiều người Việt Nam, kể cả những người không có điều kiện mua sách, cũng không có điều kiện truy cập tới mạng internet và máy vi tính, nhất là các nông dân và những người ở vùng sâu vùng xa.

Vì thế, chúng tôi mong các bạn, sau khi đọc bản ebook này, nếu bạn thấy nó hữu ích và bạn có điều kiện tài chính, thì hãy ủng hộ bằng cách mua sách giấy để gửi tặng các đối tượng trên.

Sách có thể mua tại các điểm bán ở link này Mua sách Cuộc-Cách-Mạng-Một-Cọng-Rơm ở đâu?

Hoặc email về books@xanhshop.com; điện thoại 0909.000.202 để hỏi thông tin.

XanhShop.com

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Có thể gọi ông Masanobu Fukuoka, tác giả cuốn sách, là người nông dân vĩ đại nhất hành tinh cũng không có gì là lạm dụng từ ngữ. Ông là người đạt đến cảnh giới vô vi trong nông nghiệp và là vị sư tổ của nông nghiệp tự nhiên.

Nhưng bạn không nên để tựa đề cuốn sách đánh lừa. "Cuộc cách mạng một-cọng-rơm," nhưng chẳng có "cuộc cách mạng" nào ở đây cả. Cuốn sách chỉ là những ghi chép của một người làm nông khiêm nhường rón rén trước thiên nhiên vườn ruộng, như thể mỗi một từ được viết ra tác giả đều sợ làm tổn thương đất đai cây cỏ.

Bạn cũng sẽ thất vọng nếu có ý định tìm trong cuốn sách này những tri thức về nông nghiệp, dù là nông nghiệp hữu cơ hay nông nghiệp tự nhiên. Bởi vì đối với ông Fukuoka, tri thức là hữu hạn, còn thiên nhiên cây cối là vô cùng, cái hữu hạn không thể thâu tóm được cái vô cùng.

Cuốn sách cũng không nhằm góp phần làm đa dạng hoá kiến thức của bạn về thiên nhiên và cuộc sống. Bạn sẽ thấy tác giả của nó không hề có ý định như vậy.

Trong kho tàng sách vở của nhân loại, trừ cuốn Pháp bảo đàn kinh của Lục tổ thiền tông Huệ Năng, hiếm có cuốn sách nào như cuốn sách này, khi mà tác giả không hướng người đọc theo tư tưởng và quan niệm của người viết sách mà hướng người đọc vào chính bản thân họ trong mối quan hệ tương tác với môi trường sinh ra và nuôi dưỡng họ.

Viết về nông nghiệp nhưng ông Fukuoka không để người đọc dính mắc vào các kiến thức trồng trọt và chăn nuôi, cũng không dính mắc vào chính cuốn sách của ông. Người ta bảo phương pháp Fukuoka là Thiền trong nông nghiệp là vì vậy.

Đọc cuốn sách này và gấp nó lại, bạn sẽ không còn nghĩ ông Fukuoka đã viết những gì, nhưng bạn sẽ nhận ra vô số những điều mà trước đây do những tri thức học ở sách vở, trong trường lớp đã biến thành định kiến trong đầu bạn khiến cho bạn không nhận ra. Bạn sẽ nhìn cái cây không phải là giống thực vật vô tri được mô tả trong sách trồng trọt mà là cái cây có tâm hồn. Bạn sẽ thú vị nhớ lại, trong câu chuyện cổ tích *Một người mẹ*, nhà văn Andersen đã từng bảo mỗi một cái cây đều có một số phận, mỗi cái cây đều có một trái tim. Và bạn sẽ hiểu vì sao ông Fukuoka lại nói chỉ có những đứa trẻ mới nhìn được thiên nhiên như thiên nhiên vốn có.

Bạn sẽ hiểu vì sao trong những khu rừng tự nhiên cây cối vẫn phát triển xanh tốt cùng với thú hoang và côn trùng mà không cần ai chăm sóc, không cần đến thuốc thú y hay thuốc bảo vệ thực vật, trong khi chúng ta trồng trọt chăn nuôi lại phải cày xới đất đai và dùng không biết bao nhiêu là thứ thuốc men hoá chất. Muôn loài dựa vào nhau để sống, chúng nuôi dưỡng nhau, chế ước nhau và loại bỏ những gì cần loại bỏ để duy trì sự sống vĩnh hằng trên trái đất.

Con người dù tự cho mình là thứ gì đi chăng nữa thì trước hết cũng là một sinh vật, nếu tách rời khỏi sự tuần hoàn của thiên nhiên thì sẽ không tồn tại. Chúng ta vốn là như thế nhưng chúng ta không muốn nghĩ thế. Chúng ta nghĩ chúng ta đứng trên muôn loài, chúng ta phải chiếm hữu, chúng ta phải cải tạo, chúng ta phải bắt muôn loài phục vụ cho nhu cầu của chúng ta. Chúng ta được dạy dỗ để làm việc đó.

Gấp cuốn sách này lại, chúng ta sẽ nhận ra những tri thức mà lâu nay chúng ta được trang bị không phải để sống thuận với thiên nhiên mà để chống lại thiên nhiên. Những tri thức đó khiến cho đầu óc chúng ta bị mê chấp, chúng ta không nghĩ rằng tạo hoá chỉ cho phép mỗi loài được nhận phần dành cho chúng để duy trì một sự sống cân bằng, nếu lạm dụng lập tức sẽ bị trả giá. Bệnh tật chính là lời cảnh báo đầu tiên.

Gấp cuốn sách này lại, chúng ta sẽ nhìn thấy con đường hoàn nguyên của con người. Đó là sự buông bỏ tất cả những gì chống lại thiên nhiên và trái với thiên nhiên để quay về với thiên nhiên, để con người trở lại là một thành tố của thiên nhiên.

Sự hoàn nguyên bắt đầu từ việc ăn ở. Bạn sẽ nhận ra bệnh tật là phản ứng của cơ thể trước sự ăn ở trái với tự nhiên của con người. Chân lý giản đơn để thoát khỏi bệnh tật là chỉ thụ hưởng những gì mà tự nhiên ban tặng. Trải nghiệm của ông Fukuoka cho bạn thấy cái để phòng ngừa bệnh tật nằm ngay

trong chính thức ăn, thuốc men và thức ăn là hai mặt của một sản vật. Rau quả trồng bằng kỹ thuật canh tác hiện đại có thể ăn được nhưng không có tác dụng phòng ngừa bệnh tật, dù là rau quả "sạch." Còn rau quả mọc tự nhiên hoặc trồng trong một môi trường tiệm cận với tự nhiên thì vừa là thức ăn vừa là những vị thuốc.

Các nhà nông học coi cách làm nông nghiệp của ông Fukuoka là phương pháp canh tác tự nhiên. Cứ tạm cho là như vậy, dù bản chất của nó không phải là một phương pháp. Phương pháp của ông là không có phương pháp nào cả, là buông bỏ, là vô vi, là tiến tới không làm gì hết. Nhưng để buông bỏ, để không làm gì hết là điều không hề dễ. Đó là sự phá chấp mà Đức Phật đã phải dùng đến Kinh Kim Cang, hàm ý là phải dùng đến một thứ rắn chắc như kim cương mới có thể tiêu diệt được sự chấp mê trong đầu óc con người.

Các nhà Phật học coi phương pháp canh tác của ông Fukuoka là Thiền trong nông nghiệp, là sự ứng dụng Phật pháp trong nông nghiệp. Cũng cứ tạm coi như vậy, dù những ghi chép của ông Fukuoka không dính mắc với một "pháp" nào và bản thân Thiền vốn không dính mắc, dù là dính mắc với thiền, với chính sự yên tịnh.

Cho nên tốt nhất là đọc xong cuốn sách này, bạn hãy quên nó đi, khi ấy một đám mây mù như được vén lên và bạn sẽ nhìn thiên nhiên khác trước, bản thân mình cũng khác trước. Bạn sẽ thú vị thốt lên "À, thì ra là như vậy." Nhưng nếu như bạn vẫn còn dính mắc với cuốn sách, dù là tin theo hay có ý định phản biện, đám mây mù kia sẽ lại phủ xuống.

Cuốn sách của ông Fukuoka được viết bằng tiếng Nhật. Bản dịch tiếng Việt này được dịch từ bản dịch tiếng Anh. Do dịch từ một bản dịch trung gian nên sự sơ sót là khó tránh khỏi, nhưng tôi nghĩ nhóm dịch thuật đã hết sức cố gắng và đã chuyển tải một cách căn bản nội dung lẫn những ẩn ngữ mà tác giả muốn gửi gắm.

Nhà báo Hoàng Hải Vân

LỜI GIỚI THIỆU CHO TÁI BẢN LẦN THỨ NHẤT

Cuốn sách này đến với tôi trong những ngày tháng khó khăn của cuộc đời, khi cả sức khỏe cơ thể và tinh thần đều giảm sút. Mỗi ngày, tôi uống hàng vốc thuốc, để chống lại những thứ bệnh tật do cả thói quen ăn uống và lối sống căng thẳng gây ra. Tôi nhìn vào chính mình và mọi thứ bằng đôi mắt nghi ngờ, cho rằng thế giới và chính mình sắp đến lúc tận diệt.

Và giờ đây, tôi có thể ở đây và nói với bạn rằng việc đọc cuốn sách này chính là một hạnh ngộ. Vì dù tôi có thể không bao giờ trở thành một người nông dân giỏi giang, nhưng tôi sẽ luôn là một người an bình và hạnh phúc.

Lúc này và mãi mãi về sau, tôi muốn nói về cuốn sách này như một tặng phẩm.

Dù tôi mang cuốn sách này tới tặng bạn, có thể bạn sẽ tự hỏi "Tại sao mình phải đọc một cuốn sách về làm nông trong khi toàn bộ phần đời còn lại của mình sẽ diễn ra tại thành phố?" Thế nhưng, có lẽ đã tới lúc ta nhìn vào việc làm nông theo một con mắt khác, con mắt mà đáng lẽ tất cả chúng ta đã có từ khi còn thơ bé, và rồi bị những tiện nghi làm lu mờ đi.

Tôi đã sống cả một năm mà chỉ bước vào bếp vài ba lần. Bởi lẽ, chỉ cần bước ra đường, tạt ngang vào cửa hàng tiện lợi nào, tôi có thể mua được mọi thứ đồ ăn – tất cả đều được đóng gói kĩ càng, được đóng dấu đảm bảo vệ sinh. Đó là cách của người ta sống nhiều thập kỉ nay, và cũng sẽ là cách mà nhiều người trên thế giới sẽ sống trong nhiều thập kỉ tới. Con người đã quen với sự tiện lợi của mọi thứ tiện nghi mang lại. Chúng ta sống lệ thuộc vào tất cả sự tiện nghi đó mà không nhận ra.

Tôi nhận thấy nỗ lực phát triển của con người từ trước cho tới nay chỉ nhằm hai mục đích: Biến đổi tự nhiên theo ý mình và Ngăn cách mình khỏi tự nhiên. Điều ấy rõ ràng bước đầu mang lại ích lợi cho loài người, giúp chúng ta phân biệt mình ra khỏi các giống loài khác. Chúng ta là loài động vật đầu tiên không chỉ săn bắt hay hái lượm những thứ có sẵn, chúng ta nuôi trồng, sản xuất. Tuy nhiên, điều đáng tiếc của loài người là không bao giờ thấy đủ.

Sản xuất nông nghiệp là bước tiến văn minh đầu tiên của loài người, nhằm đáp ứng cho nhu cầu được đảm bảo sống sót qua những mùa khó săn bắt, không hái lượm. Tuy nhiên, cho đến nay, hàng năm, loài người lãng phí 1/3 lượng thức ăn chúng ta có được. Và để có được từng đó thức ăn mà lãng phí, những người sản xuất lương thực thực phẩm đã không ngừng bón phân, diệt trừ cỏ và sâu bọ, vận chuyển thực phẩm từ lục địa này sang lục địa khác và bảo quản chúng bằng các hóa chất nhân tạo. Thế rồi sau đó, chúng ta cuống quýt tìm cách chữa trị các căn bệnh do hóa chất gây ra. Con người đã tìm cách diệt vong chính mình theo cách đó.

Tôi tự nhận thấy mình chính là nạn nhân của bản thân vì cách sống, ăn uống và suy nghĩ tách rời tự nhiên như vậy. Và nếu mọi sự cứ diễn ra như thế, tôi sẽ đi xa khỏi chính mình, khỏi tự nhiên, và tôi sẽ mãi mãi tự hỏi: Mình phải làm gì đây?

Đúng vậy, chúng ta phải làm gì đây? Câu trả lời nằm trong chính cuốn sách này. Masanobu Fukuoka từng là một nhà nghiên cứu cây trồng và giống tôi, ông từng sống cuộc đời vô tâm, tiện nghi của những con người đô thị. Tuy nhiên, ông đã đi qua một quá trình tự vấn khắc nghiệt để rồi nhận ra tất cả những sự phi lý trong sản xuất nông nghiệp, trong lối sống và tư duy của con người đối với tự nhiên. Hành trình cuộc đời ông, từ khi còn là một nhà nghiên cứu nông nghiệp tuyệt vọng cho đến lúc trở thành một lão nông hạnh phúc, được trình bày lại toàn bộ trong cuốn sách nhỏ này.

Fukuoka vừa là một nhà nghiên cứu, vừa là một người thực hành. Và chính thông qua việc thực hành đó, ông đã chứng minh được sự phi lý trong những nỗ lực của loài người. Ông đưa ra nguyên tắc "4 Không" trong sản xuất nông nghiệp, chỉ nhằm một mục đích duy nhất là giúp những người nghiên cứu và lao động nông nghiệp khác nhận ra rằng chúng ta không cần phải "đè đầu cưỡi cổ" tự nhiên. Tự nhiên đã là một chỉnh thể hài hòa, hoàn hảo, và may mắn thay, nó cho phép loài người là một phần trong chỉnh thể đó.

Nông nghiệp trong thế giới quan của Fukuoka không phải là một thứ ngành nghề phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ của loài người. Trái lại, đó là cách giúp chúng ta hiểu tầm quan trọng của việc sống thuận

tự nhiên, và giảm bớt đi những nhu cầu vốn chỉ đưa ta đến bệnh tật và đau khổ. Trồng cây là một cách thanh lọc và bồi đắp cho cá nhân, và chúng ta có thể làm điều đó một cách đơn giản, nhàn tản khi đã hiểu thế nào là thuận tự nhiên.

Thông qua chính việc sản xuất và sử dụng lương thực, lão nông này còn giúp chúng ta nhận ra được ý nghĩa của sự tồn tại trong thế giới. Khi tự coi mình là một phần của tự nhiên, chúng ta sẽ hiểu thế nào là ngon, là đủ. Và điều đó không chỉ áp dụng cho riêng việc ăn uống để duy trì sự tồn tại, mà còn cho tất cả những phương diện khác trong cuộc sống. Tác giả chỉ cho ta một con đường đi đến hạnh phúc, và con đường đó không cần đến một nỗ lực khó khăn nào hay chiến thắng nào cả, đó là điều cốt lõi của việc "vô canh."

Đối với riêng tôi, điều lớn lao nhất của cuốn sách này là sự khai sáng: Biết cách "không làm gì cả" chính là việc sống có ý nghĩa. Masanobu Fukuoka đã phải thử và thất bại rất nhiều để đi đến cái đích "Vô" của ông. Gấp cuốn sách lại, tôi "biết" đâu là điều tôi cần chọn bởi đây là một cuốn sách về sự "Biết." Biết đủ, và biết như thế nào là đủ. Sự biết đó, đưa chúng ta trở về với vị trí của mình và an nhiên. Fukuoka đã trao tặng cho chúng ta điều đó, bằng toàn bộ cuộc đời ông.

Thế nên, tôi thấy mình thật may mắn làm sao đã được trải nghiệm món quà này, để tôi có thêm một lựa chọn để đi đến cái đích hạnh phúc của cá nhân mình. Và bạn cũng vậy, dù bạn ở đâu, bạn là ai, bạn đang làm trong lĩnh vực gì và trạng thái của bạn là như thế nào.

Dịch giả Phương Huyên

CHÚ THÍCH BẢN DỊCH

Một bản dịch trực nghĩa từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác đã là khó, giữ được phong vị và hàm nghĩa đúng bối cảnh văn hoá của bản gốc lại càng khó khăn hơn. Đặc biệt tiếng Nhật vốn tinh tế hơn tiếng Anh trong việc biểu đạt những trải nghiệm tinh thần và triết lý, như trong quyển sách này. Một số thuật ngữ, chẳng hạn như kiến thức "phân biệt" và "phi phân biệt," "vô tâm," hay "không-làm-gì-cả" không có từ tương đương trong tiếng Anh, thế nên chúng được biện giải theo nghĩa đen và bổ sung lý giải ở dạng chú thích.

Các triết gia phương Đông khi truyền dạy thường dùng phép đối nghịch, phủ định và sự mâu thuẫn rành rành để bẻ gãy lối tư duy thông thường. Những đoạn như vậy không nhất thiết phải hiểu theo nghĩa đen hay nghĩa bóng, bạn đọc có thể xem như một dạng bài tập nhằm mở rộng tâm thức ra với cách nhìn nhận vượt khỏi tầm trí năng.

Trong tiếng Nhật, *mugi* được dịch là "ngũ cốc mùa đông," bao gồm lúa mì, hắc mạch và đại mạch. Các phương pháp trồng những loại ngũ cốc này đều như nhau, ngoại trừ một việc lúa mì nhìn chung mất thời gian dài hơn ít tuần để chín. Đại mạch và hắc mạch được trồng phổ biến tại Nhật Bản hơn vì lúa mì phải đến giữa mùa mưa ở Nhật mới kịp lớn đủ để thu hoạch.

Trong tiếng Nhật, *mikan* được dịch thành cam. Loại cam phương Đông phổ biến nhất là quýt. Tại Nhật người ta trồng nhiều loại quýt khác nhau, nhưng loại phổ biến nhất có trái nhỏ màu cam rất giống với quả quýt quen thuộc của chúng ta.

Khi ngữ cảnh đòi hỏi, chúng tôi sẽ dùng chính xác tên của loại ngũ cốc mùa đông và loại cam cần nhắc tới.

Bản dịch cuốn *Cuộc cách mạng một-cọng-rơm* được khởi sự từ trang trại của ông Fukuoka, thực hiện dưới sự giám sát của ông vào mùa xuân 1976. Nó không hoàn toàn đúng nguyên văn. Một số phần tác phẩm khác của ông Fukuoka cũng như các phần trò chuyện với ông đã được đưa thêm vào.

Larry Korn

I

HÃY NHÌN HẠT LÚA NÀY

Tôi tin rằng chỉ một cọng rơm cũng có thể làm nên cả một cuộc cách mạng. Thoạt nhìn, cọng rơm có vẻ mỏng manh và không đáng kể gì. Khó có ai lại có thể tin rằng nó có thể khơi nguồn cho một cuộc cách mạng. Nhưng tôi đã đi đến chỗ nhận ra được sức nặng và quyền năng của cọng rơm này. Đối với tôi, cuộc cách mạng này rất thực.

Hãy nhìn những cánh đồng đại mạch và hắc mạch này. Khi chín, chúng sẽ đạt năng suất khoảng 22 giạ (gần 6 tạ) trên một nghìn mét vuông. Tôi tin rằng năng suất này ngang ngửa với tốp đầu ở tỉnh Ehime. Mà nếu ngang ngửa tốp đầu của tỉnh Ehime, thì nó có thể dễ dàng ngang bằng với sản lượng thu hoạch tốp đầu trên toàn quốc – vì đây là một trong các khu vực nông nghiệp trọng yếu của Nhật Bản. Thế mà những thửa ruộng này không hề được cày đất suốt hai mươi lăm năm qua.

Để trồng, tôi chỉ đơn giản rải hạt giống đại mạch và hắc mạch lên những thửa ruộng riêng rẽ vào mùa thu, trong lúc lúa[1] vẫn còn trên ruộng. Ít tuần sau đó, tôi thu hoạch lúa rồi rải rơm của chúng trở lại khắp đồng.

Với lúa thì cũng gieo tương tự. Ngũ cốc mùa đông sẽ được gặt vào khoảng 20 tháng năm. Chừng hai tuần trước khi ngũ cốc mùa đông chín hẳn, tôi vãi hạt giống lúa lên ruộng đại mạch và hắc mạch. Sau khi ngũ cốc mùa đông được thu hoạch và đập lấy hạt, tôi lại rải rơm đại mạch và hắc mạch lên khắp ruộng.

Tôi cho rằng việc sử dụng cùng phương pháp để trồng lúa và ngũ cốc mùa đông là điểm độc đáo chỉ có trong cách làm nông tự nhiên này. Nhưng có một cách còn dễ hơn. Khi sang tới thửa ruộng bên cạnh, tôi sẽ chỉ ra cho các bạn thấy rằng lúa ở đó đã được gieo vào mùa thu năm ngoái cùng lúc gieo ngũ cốc mùa đông. Trên thửa ruộng đó, việc gieo trồng của cả năm đã xong vào thời điểm đón chào năm mới.

Hẳn các bạn cũng để ý thấy rằng cỏ ba lá hoa trắng và cỏ dại đang sinh sống trên những cánh đồng này. Hạt giống cỏ ba lá được gieo giữa đám lúa vào đầu tháng mười, trước khi gieo đại mạch và hắc mạch một thời gian ngắn. Còn cỏ dại thì tôi chẳng cần phải lo gieo hạt, chúng tự làm việc đó khá dễ dàng.

Vậy là thứ tự trồng trọt trên cánh đồng này như sau: vào đầu tháng mười, cỏ ba lá được vãi vào đám lúa đang sinh trưởng; tới giữa tháng thì đến lượt gieo ngũ cốc mùa đông. Đầu tháng mười một, lúa được thu hoạch, sau đó gieo luôn hạt giống lúa cho năm sau rồi phủ rơm lên khắp ruộng. Chỗ đại mạch và hắc mạch mà các bạn đang thấy ở trước mắt được gieo trồng theo phương cách này.

Để chăm lo cho mỗi nghìn mét vuông ruộng, một hay hai người có thể làm tất tật công việc trồng lúa gạo và ngũ cốc mùa đông chỉ trong vòng một vài ngày. Có lẽ không có cách trồng ngũ cốc nào đơn giản hơn thế.

Phương pháp này hoàn toàn mâu thuẫn với kỹ thuật canh tác hiện đại. Nó vứt bỏ hoàn toàn các kiến thức khoa học và bí quyết làm nông truyền thống. Với kiểu làm nông không sử dụng đến máy móc, không chuẩn bị sẵn phân bón và không hoá chất này, sản lượng mà ta có thể thu hoạch được bằng hoặc cao hơn so với sản lượng của những nông trại trung bình ở Nhật Bản. Minh chứng đang rành rành trước mắt các bạn đấy thôi.

---

[1] Từ đây về sau, khi dùng từ 'lúa' sẽ được hiểu là 'lúa gạo' (ND).

CHẲNG GÌ CẢ

Gần đây, mọi người hay hỏi tôi lý do tại sao nhiều năm trước đây tôi khởi sự làm nông theo kiểu này. Cho tới giờ, tôi chưa từng trao đổi về vấn đề này với bất cứ ai. Có thể nói điều đó là bất khả thuyết. Chỉ đơn giản là - nên nói thế nào nhỉ - một cú sốc, một ánh chớp, một trải nghiệm nhỏ đã khởi sự tất cả.

Sự nhận ra đó đã hoàn toàn thay đổi cuộc đời tôi. Nó chẳng phải là thứ mà ta có thể thực sự nói tới, nhưng nó có thể được diễn đạt lại thế này: "Loài người chẳng biết gì hết. Chẳng có một giá trị nội tại sẵn có trong bất kỳ thứ gì, và mọi hành động đều là gắng công vô ích, vô nghĩa." Điều này nghe có vẻ phi lý, nhưng nếu phải nói thành lời, thì đó là cách duy nhất để mô tả nó.

"Tư tưởng" này hình thành đột ngột trong đầu khi tôi còn khá trẻ. Tôi đã không biết liệu sự thấu triệt, rằng mọi hiểu biết và nỗ lực của con người đều vô dụng, là có đúng hay không, nhưng nếu tôi thẩm xét những tư tưởng này và cố tìm cách xua đuổi chúng đi thì tôi lại không nhận thấy có điều gì trong bản thân tôi mâu thuẫn với chúng cả. Chỉ có niềm tin đích xác này là còn cháy hoài trong tôi.

Người ta thường nghĩ rằng chẳng có gì tuyệt vời hơn trí tuệ con người, rằng con người là những tạo vật mang giá trị đặc biệt, và rằng những sáng tạo và thành tựu của họ, như được phản ánh trong văn hoá và lịch sử, là những điều kỳ diệu cần chiêm ngưỡng. Dù sao thì đấy là niềm tin phổ biến.

Vì điều tôi tin tưởng lại phủ định niềm tin trên của mọi người, nên tôi chẳng thể truyền đạt quan điểm của mình với bất cứ ai. Cuối cùng thì tôi đã quyết định phải tạo một hình hài cho những tư tưởng của mình, đưa chúng vào thực hành, để xem liệu sự hiểu biết của tôi là đúng hay sai. Dành cả cuộc đời mình để làm nông, trồng lúa gạo và ngũ cốc mùa đông, đấy là con đường mà tôi đã kiên định đi theo.

Vậy trải nghiệm đã thay đổi cuộc đời tôi là gì?

Bốn mươi năm trước, lúc hai mươi lăm tuổi, tôi làm việc cho Cục Hải quan Yokohama ở Bộ phận Thanh tra cây trồng. Công việc chính của tôi là kiểm tra các loại cây trồng được đưa tới và đưa đi để tìm các loại côn trùng mang bệnh. Thật may mắn là tôi có khá nhiều thời gian rảnh rỗi, tôi dùng nó cho việc nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, tiến hành những nghiên cứu trong chuyên ngành của mình về bệnh trên cây trồng. Phòng thí nghiệm này nằm cạnh công viên Yamate, chỗ triền dốc nhìn xuống cảng Yokohama. Ngay trước toà nhà là nhà thờ Công giáo, phía đông là trường nữ sinh Ferris. Ở đó rất yên tĩnh, xét về mọi mặt là môi trường hoàn hảo cho việc tiến hành nghiên cứu.

Nhà nghiên cứu về bệnh học của phòng thí nghiệm này là Eiichi Kurosawa. Tôi đã từng học hỏi về bệnh học cây trồng dưới sự hướng dẫn của Makoto Okera, một giáo viên tại trường Trung học Nông nghiệp Gifu, và nhận được sự hướng dẫn từ Suehiko Igata ở Trung tâm Kiểm nghiệm Nông nghiệp tỉnh Okayama.

Được làm học trò của Giáo sư Kurosawa quả là một điều rất may mắn cho tôi. Mặc dù trong giới học thuật hầu như không được ai biết tới, nhưng ông chính là người đã tách và nuôi cấy được loại nấm gây ra bệnh *bakanae*[2] làm hại lúa. Ông trở thành người đầu tiên chiết xuất được hoc-môn tăng trưởng ở cây cối từ loại nấm nuôi cấy được này, đó là chất gibberellin. Khi cây lúa non hấp thụ một lượng nhỏ hoc-môn này, nó sẽ sinh trưởng cao đột biến. Tuy nhiên, khi hấp thụ quá nhiều, nó sẽ gây tác dụng ngược lại, khiến cho sự sinh trưởng của cây bị chậm

---

2 Ở Việt Nam gọi là bệnh lúa von hay lúa đực (ND)

lại. Tại Nhật Bản, chẳng mấy ai chú ý nhiều đến phát hiện này, nhưng ở nước ngoài, nó trở thành một chủ đề nghiên cứu thiết thực. Chẳng bao lâu sau đó, một người Mỹ đã tìm ra cách dùng chất gibberellin vào việc phát triển giống nho không hạt.

Tôi xem tiên sinh Kurosawa như cha của mình, và với sự hướng dẫn của ông, tôi đã ráp được một chiếc kính hiển vi giải phẫu và tận tâm nghiên cứu các chứng bệnh về nhựa cây gây thối rữa thân, cành, nhánh và quả ở những cây họ cam quýt Mỹ và Nhật.

Qua kính hiển vi, tôi đã quan sát những mẻ nấm nuôi cấy, lai tạp nhiều loại nấm với nhau và tạo ra những chủng loại nấm mới. Tôi phấn khích với công trình của mình. Do công việc đòi hỏi sự tập trung cao độ và liên tục, có khi tôi còn lăn ra bất tỉnh giữa lúc làm việc trong phòng thí nghiệm.

Đây cũng là thời kỳ tuổi trẻ đầy tinh thần phấn chấn, tôi không hề dành toàn bộ thời gian khoá mình trong phòng nghiên cứu. Nơi này là thành phố cảng của Yokohama, chẳng còn nơi nào tuyệt hơn để vui chơi và tận hưởng. Chính trong thời gian đó mà chương đời tiếp theo đây đã diễn ra. Hăng hái với chiếc máy chụp ảnh trong tay, tôi đi dọc theo bến tàu và trông thấy một người phụ nữ rất đẹp. Nghĩ rằng cô ấy sẽ trở thành chủ đề tuyệt vời cho một bức ảnh, nên tôi nhờ cô ấy làm dáng để tôi chụp. Tôi giúp cô gái lên lan can một chiếc tàu nước ngoài đang neo ở đó, bảo cô nhìn sang hướng này hướng khác rồi chụp nhiều bức. Cô ấy bảo tôi gửi ảnh tới cho cô khi rửa xong. Khi tôi hỏi cần gửi đến đâu, cô ấy chỉ nói “Đến Ofuna,” rồi bỏ đi mất mà chẳng hề nói tên.

Sau khi đem cuộn phim đi rửa, tôi cho một người bạn xem ảnh, hỏi cậu ta có nhận ra cô gái không. Cậu ta há hốc và nói, “Đó là Mieko Takamine, ngôi sao điện ảnh rất nổi tiếng!” Ngay lập tức, tôi gửi mười bức ảnh phóng to tới thành phố Ofuna cho cô ấy. Ít lâu sau, chỗ ảnh được gửi lại cho tôi bằng đường thư tín – kèm với chữ ký. Nhưng thiếu một tấm. Về sau khi nghĩ lại, tôi nhận ra đó là tấm ảnh chân dung chụp gần, hẳn là nó để lộ vài nếp nhăn trên gương mặt cô. Tôi rất phấn khởi, cảm thấy như mình đã có được chút ý niệm về tâm lý phụ nữ.

Những lần khác, dù khá vụng về và ngượng ngùng, tôi cũng hay đến một vũ trường ở khu Nankingai. Tại đó tôi thoáng thấy một ca sĩ nổi tiếng, Noriko Awaya, bèn mời cô cùng nhảy. Tôi không bao giờ quên được cảm giác của lần nhảy đó, vì tôi đã choáng ngợp bởi thân thể to lớn của cô nàng tới mức chẳng thể vòng tay trọn hết được vòng eo cô.

Tại mọi sự kiện, tôi luôn là chàng trai trẻ vô cùng bận rộn và may mắn, được sống những ngày choáng ngợp với thế giới tự nhiên được hé lộ qua ống kính hiển vi, choáng váng bởi sự tương tự của thế giới nhỏ bé đó với thế giới to lớn của vũ trụ khôn cùng. Vào buổi tối, dù đang yêu đương hay không, tôi đều vui chơi và tận hưởng. Tôi tin rằng chính cuộc sống vô chừng này, đi kèm với sự mệt mỏi do làm việc quá độ, cuối cùng đã dẫn tới những lần ngất xỉu trong phòng nghiên cứu. Hệ quả của mọi sự là tôi mắc chứng viêm phổi cấp, bị đưa vào phòng điều trị tràn khí màng phổi ở tầng trên cùng của bệnh viện Quân y.

Lúc đó là mùa đông. Qua khung cửa sổ vỡ, gió thổi những cuộn tuyết xoáy bay quanh phòng. Bên dưới chăn đắp thì ấm, nhưng mặt tôi lại lạnh như băng. Y tá tới kiểm tra nhiệt độ của tôi rồi đi ngay.

Vì đó là phòng bệnh riêng, nên gần như chẳng có ai ngó vào. Tôi cảm thấy như mình bị vứt ra ngoài, giữa cái lạnh đầy cay đắng, rồi đột nhiên bị ném vào một thế giới cô độc, lẻ loi. Tôi thấy mình kề cận với nỗi sợ chết. Giờ khi nghĩ lại, có vẻ nó là nỗi sợ vô ích, nhưng vào lúc đó, tôi sợ thực sự.

Cuối cùng tôi cũng được xuất viện, nhưng không tài nào kéo bản thân vượt ra khỏi cơn trầm cảm. Cho tới lúc đó, tôi đã đặt sự tự tin của tôi vào cái gì cơ chứ? Tôi đã chẳng lo nghĩ gì, và thoả mãn, nhưng bản chất của sự thoả mãn đấy là gì? Tôi rơi vào nỗi giằng xé, nghi ngờ về bản chất của sự sống và cái chết. Tôi không ngủ được, không thể buộc mình tập trung vào công việc. Những đêm lang thang nơi triền dốc và gần bến cảng cũng chẳng thể nào làm tôi nguôi ngoai.

Một buổi tối, trong lúc lang thang, tôi khuỵu xuống vì kiệt sức trên một ngọn đồi nhìn ra bến cảng, cuối cùng dựa được vào một gốc cây to. Tôi nằm đó, chẳng ngủ cũng chẳng thức, cho đến tận bình minh. Tôi vẫn còn nhớ đó là buổi sáng ngày 15 tháng năm. Trong cơn mê mụ tôi ngắm nhìn khu cảng sáng dần, nhìn mặt trời ló dạng, nhưng bằng cách nào đó lại chẳng thấy gì hết. Gió thổi lên từ dưới triền dốc, sương sớm bỗng dưng tan biến. Đúng khoảnh khắc đó, một con diệc ăn đêm xuất hiện, kêu lên một tiếng chói tai, rồi bay mất về phía xa. Tôi có thể nghe được tiếng nó đập cánh. Trong khoảnh khắc, toàn bộ nghi ngờ lẫn màn sương u tối trong tôi đều tan biến. Mọi thứ tôi vốn tin chắc, mọi thứ mà cho tới bấy giờ tôi thường trông cậy vào đều cuốn đi cùng với gió. Tôi cảm thấy mình chỉ hiểu được một điều duy nhất. Không nghĩ ngợi gì, lời lẽ từ miệng tôi bật ra: "Trong thế giới này chẳng có gì sất..." Tôi cảm thấy mình chẳng hiểu gì cả.

Tôi có thể nhận ra rằng mọi khái niệm mình đã từng bám víu vào, ngay chính cái ý niệm về bản thân sự tồn tại, cũng chỉ là những thêu dệt rỗng tuếch. Tâm trí tôi trở nên nhẹ nhàng, sáng sủa. Tôi nhảy nhót điên cuồng vì vui sướng. Tôi có thể nghe được tiếng những chú chim nhỏ kêu chiêm chiếp trên cây, và thấy những con sóng lấp lánh phía xa dưới vầng thái dương đang lên. Những chiếc lá cây nhảy múa, xanh và lóng lánh. Tôi cảm thấy rằng đây chính thực là thiên đường trên địa giới. Tất cả những thứ từng chiếm lấy tâm hồn tôi, mọi thống khổ, đều biến mất, tựa những giấc mơ, những ảo ảnh, và rồi một thứ gì đó mà người ta có thể gọi là "bản tính thực" hiển lộ.

Có thể không ngoa khi nói rằng từ trải nghiệm của buổi sáng hôm đó, cuộc đời tôi đã thay đổi toàn bộ.

Mặc cho sự thay đổi đó, sâu trong gốc rễ, tôi giữ nguyên là một gã đàn ông bình thường, khờ khạo, và trong chuyện này, chẳng hề có sự thay đổi nào kể từ lúc đó cho đến tận bây giờ. Chỉ nhìn bề ngoài thì chẳng có gã nào tầm thường hơn tôi, còn cuộc sống hàng ngày của tôi thì chẳng có gì phi thường cả. Nhưng sự quả quyết mà tôi biết đến[3], chỉ riêng một điều này thôi, là chưa từng thay đổi kể từ dạo đó. Tôi đã dành ba mươi năm, bốn mươi năm để kiểm nghiệm xem liệu mình có nhầm lẫn hay không, vừa làm vừa nghiền ngẫm, nhưng chưa lần nào tôi tìm ra được bằng chứng chống lại điều ấy cả.

Nói rằng bản thân sự nhận thức đó có giá trị lớn lao không có nghĩa là con người tôi được gán cho bất kỳ một giá trị đặc biệt nào. Tôi vẫn là một người đàn ông đơn giản, chỉ là một con quạ già, có thể nói như vậy. Với những kẻ quan sát bình thường, tôi có thể trông như hoặc là khiêm tốn, hoặc là cao ngạo. Tôi bảo những người trẻ sống trên vườn của mình hết lần này đến lần khác rằng đừng cố bắt chước tôi, và tôi thực sự nổi giận nếu có người không chịu ghi nhớ lời dặn này. Thay vào đó, tôi yêu cầu họ là chỉ cần sống giữa thiên nhiên và hoà mình vào công việc mỗi ngày. Không, bản thân tôi không có gì đặc biệt cả, nhưng điều mà tôi đã thoáng thấy được đó thì quan trọng vô cùng.

[3] Ông Fukuoka đang nhắc tới 'sự nhận ra' của ông, rằng "Tôi cảm thấy mình chỉ hiểu được một điều duy nhất. Không nghĩ ngợi gì, lời lẽ từ miệng tôi bật ra: 'Trong thế giới này chẳng có gì sất...' Tôi cảm thấy mình chẳng hiểu gì cả." (ND)

TRỞ VỀ THÔN QUÊ

Hôm sau ngày diễn ra trải nghiệm đó, tức ngày 16 tháng năm, tôi đến chỗ làm, lập tức nộp đơn xin nghỉ việc. Các cấp trên, bạn bè của tôi đều kinh ngạc. Họ chẳng biết phải nói sao. Họ tổ chức tiệc chia tay cho tôi tại một nhà hàng phía trên bến tàu, nhưng không khí có một chút kỳ kỳ. Chàng trai trẻ mà cho đến ngày hôm trước vẫn rất hoà đồng với mọi người, cũng không có vẻ gì là đặc biệt bất mãn với công việc, người mà, trái lại là đằng khác, đã dành trọn trái tim cho công trình nghiên cứu của mình, bỗng dưng lại tuyên bố anh ta sẽ bỏ việc. Còn tôi thì ở đó, vui vẻ cười ha hả.

Bấy giờ, tôi nói với mọi người thế này: “Ở phía bên này là bến tàu. Ở phía bên kia là cầu tàu số 4. Nếu mọi người nghĩ bên này là sự sống, vậy bên kia sẽ là cái chết. Nếu muốn loại bỏ ý tưởng về cái chết, mọi người cần loại bỏ trong đầu cả ý niệm rằng có sự sống ở phía bên này. Sự sống và cái chết là một.”

Khi tôi nói vậy, mọi người càng trở nên lo lắng cho tôi hơn. “Cậu ta đang nói cái gì vậy? Cậu ta mất trí rồi,” hẳn mọi người đã nghĩ như thế. Họ tiễn tôi với gương mặt rầu rĩ. Tôi là người duy nhất bước khỏi đó mạnh mẽ, hứng khởi.

Vào lúc ấy, bạn cùng phòng với tôi vô cùng lo lắng cho tôi, bèn gợi ý tôi nên tĩnh dưỡng một thời gian, ra bán đảo Boso chẳng hạn. Thế là tôi đi. Tôi hẳn sẽ đi tới bất cứ đâu, nếu như có người yêu cầu tôi đi. Tôi bắt xe buýt, ngồi xe suốt nhiều dặm nhìn chăm chăm ra những mảnh ruộng đều như ô cờ và những ngôi làng nhỏ dọc đường cái. Tại một trạm dừng, tôi trông thấy một biển báo nhỏ đề “Utopia.” Tôi bèn xuống xe và bắt đầu lên đường tìm kiếm nơi đó.

Trên bờ biển, có một nhà trọ nhỏ. Trèo lên mỏm đá, tôi tìm thấy một nơi có quang cảnh thực sự tuyệt diệu. Tôi ở lại nhà trọ đó, dành nhiều ngày nằm gà gật giữa đám cỏ cao, nhìn ra phía biển. Có thể là vài ngày, một tuần, hay một tháng gì đó, nhưng nói chung tôi đã ở đó một thời gian. Thời gian trôi qua, niềm hứng khởi trong tôi lịm dần, tôi bắt đầu suy ngẫm chỉ về cái điều đã xảy ra kia. Các bạn có thể nói rằng cuối cùng thì tôi cũng đã tìm lại được bản thân.

Tôi đến Tokyo và ở lại đó một thời gian, qua ngày bằng việc đi bộ trong công viên, chặn người trên phố lại rồi trò chuyện với họ, ngủ nay đây mai đó. Người bạn của tôi lo lắng nên đã đến xem tình hình của tôi thế nào. “Không phải cậu đang sống trong thế giới mơ mộng và ảo tưởng nào đó đấy chứ ?,” cậu ta hỏi. “Không,” tôi đáp lại, “chính cậu mới là người đang sống trong thế giới mộng ảo đấy.” Cả hai chúng tôi đều nghĩ, “Mình đúng, còn cậu mới đang sống trong thế giới mộng ảo.” Khi bạn tôi xoay người tạm biệt, tôi trả lời với đại ý là, “Đừng nói tạm biệt. Chia tay thì chỉ là chia tay thôi.” Bạn tôi có vẻ như đã hết hy vọng với tôi rồi.

Tôi rời Tokyo, đi ngang qua vùng Kansai[4] rồi đi mãi về phía nam tới tận Kyushu. Tôi tự mình vui thú, trôi dạt cùng gió hết nơi này đến nơi khác. Tôi thách thức nhiều người phủ định sự xác tín của tôi, rằng mọi thứ đều vô nghĩa và chẳng có giá trị gì, rằng mọi thứ đều quay về hư vô.

Nhưng bấy nhiêu đó là quá nhiều, hoặc quá ít, để cảm nhận được thế giới thường nhật. Dù sao đi nữa cũng chẳng thể truyền đạt được gì. Tôi chỉ có thể nghĩ đến khái niệm về sự phi-hữu-ích[5] này như là một lợi ích lớn lao đối với thế giới, đặc biệt là với thế giới hiện tại vốn đang dịch chuyển quá nhanh theo chiều hướng ngược lại. Tôi thực sự đã đi lang thang với ý định truyền bá tư tưởng này khắp cả nước. Kết quả là, đi tới đâu tôi cũng bị làm ngơ, bị xem như kẻ lập dị. Thế là tôi quay về nông trại của cha mình.

[4] Osaka, Kobe, Kyoto.

[5] Nguyên văn: Non-usefulness.

Bấy giờ, cha tôi đang trồng quýt. Tôi dọn vào ở một căn lều trên núi, bắt đầu sống một cuộc sống vô cùng đơn giản, nguyên sơ. Tôi nghĩ rằng nếu ở đây, làm một nông dân trồng cam quýt và ngũ cốc mà tôi có thể thực sự chứng minh được nhận thức kia của mình, thì thế giới sẽ nhận ra tính chân thực của nó. Thay vì đưa ra cả trăm lời giải thích, chẳng phải việc thực hành triết lý này mới là cách hay nhất? Phương pháp làm nông "chẳng-làm-gì-cả"[6] của tôi bắt đầu từ ý tưởng ấy. Đó là năm trị vì thứ 13 của Thiên hoàng thời bấy giờ, năm 1938.

Tôi ổn định cuộc sống trên núi và mọi thứ diễn ra tốt đẹp, cho tới khi cha tôi tin tưởng giao cho tôi khu vườn cây trĩu quả. Ông đã cắt tỉa cây thành "hình những chén rượu sake" để việc thu hoạch quả được dễ dàng hơn. Khi tôi để mặc kệ chúng thì những cành cây mọc quấn vào nhau, bọn côn trùng tấn công cây, chẳng mấy chốc mà toàn bộ vườn cây tàn lụi.

Tôi tin rằng cây trồng tự chúng mọc và không cần phải chăm sóc. Tôi đã hành xử theo tín điều rằng mọi thứ phải được để mặc theo con đường tự nhiên của nó, nhưng tôi đã phát hiện ra rằng nếu ta áp dụng cách suy nghĩ này ngay tức khắc thì mọi chuyện sẽ tiến triển không được tốt đẹp như đã nghĩ. Đấy là bỏ mặc, chứ chẳng phải "làm nông tự nhiên."

Cha tôi bị sốc. Ông nói tôi cần phải thiết lập lại kỷ luật cho bản thân, có lẽ là kiếm một công việc ở đâu đó rồi quay lại khi đã chỉnh đốn mình cho đường hoàng. Vào thời điểm đó, cha tôi đang giữ chức trưởng làng và thật là khó cho những thành viên khác trong cộng đồng giao thiệp với đứa con trai kỳ quái của ông, người mà rõ ràng cũng chẳng thể sống hòa nhập với thế giới khi sống theo cái kiểu mà anh ta đã sống ở trên núi. Chưa kể, tôi còn rất ghét viễn cảnh phải đi nghĩa vụ quân sự, và vì cuộc chiến càng lúc càng trở nên khốc liệt, tôi quyết định nhún mình làm theo ý muốn của cha và đi tìm việc.

Vào thời điểm ấy, chuyên viên kỹ thuật chẳng có mấy người. Trạm Kiểm nghiệm tỉnh Kochi có nghe về tôi, thành thử tôi được mời vào vị trí chủ trì nghiên cứu Bệnh học và Kiểm soát côn trùng. Tôi nương nhờ vào sự tử tế của tỉnh Kochi suốt gần tám năm trời. Tại trung tâm kiểm nghiệm, tôi trở thành một giám sát viên mảng khoa học nông nghiệp, và đã dành hết tâm sức mình trong nghiên cứu để tăng sản lượng lương thực phục vụ cho chiến tranh. Nhưng thực ra trong suốt tám năm đó, tôi ngẫm nghĩ về mối liên hệ giữa khoa học nông nghiệp và nông nghiệp tự nhiên. Nền nông nghiệp hoá chất, sử dụng những sản phẩm của trí tuệ con người, đã được xem là siêu việt hơn. Câu hỏi luôn lởn vởn trong tâm trí tôi là liệu nông nghiệp tự nhiên có thể đứng lên sánh ngang với khoa học hiện đại hay không.

Khi chiến tranh kết thúc, tôi cảm thấy một luồng gió tươi mới của tự do và với một hơi thở dài đầy nhẹ nhõm, tôi quay trở về quê và bắt tay vào công cuộc làm nông mới.

[6] Bằng cách diễn đạt này, ông Fukuoka thu hút được nhiều chú ý tới sự dễ dàng trong phương pháp của mình. Cách làm nông này vẫn cần phải làm lụng vất vả, đặc biệt là vào thời điểm thu hoạch, nhưng vẫn ít vất vả hơn rất nhiều so với các phương pháp khác.

TIẾN TỚI NGHỀ NÔNG "KHÔNG-LÀM-GÌ-CẢ"

Suốt ba mươi năm, tôi chỉ sống tại trang trại của mình và ít liên hệ với những người bên ngoài. Trong những năm tháng đó, tôi tập trung tiến thẳng tới phương thức nông nghiệp "không-làm-gì-cả."

Cách thông thường để phát triển một phương pháp là đặt câu hỏi "Thử cái này xem sao?" hoặc "Thử cái kia xem sao?," vì thế người ta đưa vào rất nhiều những kỹ thuật, cái này chồng lên cái kia. Đấy là kiểu của nông nghiệp hiện đại và điều đó chỉ khiến cho nhà nông bận bịu hơn.

Cách của tôi thì ngược lại. Tôi nhắm tới một cách làm nông tự nhiên, nhẹ nhàng[7] – mà kết quả là khiến cho công việc dễ dàng hơn thay vì trở nên khó khăn hơn. Cách nghĩ của tôi là "*Không* làm điều này thì sao nhỉ? *Không* làm điều kia thì sao nhỉ?" Rốt cuộc tôi đi đến kết luận rằng chẳng cần phải cày cuốc, chẳng cần bón phân, chẳng cần ủ phân vi sinh, cũng chẳng phải dùng tới thuốc diệt côn trùng. Khi chỉ tập trung vào nó mà xét, chẳng có mấy thao tác nông nghiệp là thực sự cần thiết.

Lý do mà các kỹ thuật cải tiến của con người có vẻ cần thiết là ở chỗ cân bằng tự nhiên đã bị xáo trộn trầm trọng từ trước bởi chính những kỹ thuật tương tự khiến cho đất đai trở nên phụ thuộc vào chúng.

Cách lý luận này không chỉ áp dụng cho nông nghiệp, mà còn cho cả những khía cạnh khác của xã hội loài người nữa. Bác sĩ và thuốc men trở nên cần thiết khi người ta tạo ra một môi trường bệnh hoạn. Trường học chính thống chẳng hề có một giá trị tự thân nào, nhưng lại trở nên cần thiết khi nhân loại tạo ra một tình trạng mà trong đó người ta phải "có giáo dục" thì mới hòa nhập được.

Trước khi cuộc chiến kết thúc, lúc tôi lên sống ở vườn cam để thực hành điều mà lúc đó tôi cho là làm nông tự nhiên, tôi đã không cắt tỉa cây và không động tới vườn cây. Những cành cây trở nên đan quyện vào nhau, cây thì bị côn trùng phá, thế là gần tám nghìn mét vuông vườn trồng quýt khô héo và chết. Kể từ lúc đó trở đi, câu hỏi "Đâu là hình thái tự nhiên?" luôn ở trong đầu tôi. Trong quá trình đi đến được câu trả lời, tôi đã cho 400 cây nữa đi tong. Cuối cùng thì tôi cảm thấy mình đã có thể nói một cách chắc chắn: "Đây chính là hình thái tự nhiên."

Đã tới mức cây cối bị biến dạng so với hình dạng tự nhiên của chúng thì việc xén tỉa và diệt côn trùng lại trở nên cần thiết; đã tới mức mà xã hội con người tự tách mình ra khỏi một cuộc sống gần gũi với thiên nhiên thì việc đến trường lại trở nên cần thiết. Trong tự nhiên, trường học chính thống chẳng có chức năng gì.

Trong nuôi dạy con cái, nhiều bậc cha mẹ cũng mắc sai lầm tương tự như tôi đã làm với vườn cam lúc ban đầu. Lấy ví dụ, việc dạy nhạc cho trẻ em cũng không cần thiết hệt như việc xén tỉa cây vườn vậy. Tai của một đứa trẻ sẽ tự nắm bắt được âm nhạc. Đó là tiếng róc rách của dòng suối, tiếng ộp oạp của cóc nhái ở bờ sông, tiếng rì rào của lá rừng, tất cả những âm thanh tự nhiên ấy đều là âm nhạc – âm nhạc đích thực. Nhưng khi đủ loại tiếng ồn nhiễu loạn đi vào và làm rối tai nghe, thì sự thưởng thức âm nhạc thuần khiết, trực tiếp của đứa trẻ sẽ bị thoái hoá. Nếu cứ tiếp tục như thế, đứa trẻ sẽ không thể nào nghe ra tiếng gọi của một con

[7] Làm nông một cách đơn giản hết mức nhằm sắp xếp lại toàn bộ tự nhiên để thay vì sử dụng cách tiếp cận hiện đại, đưa vào sử dụng những kỹ thuật ngày càng phức tạp, nhằm thiết lập lại tự nhiên một cách toàn bộ để phục vụ lợi ích của riêng loài người.

chim hay tiếng gió thổi như những bài ca nữa. Đấy là lý do tại sao việc học nhạc lại được nghĩ là có lợi cho sự phát triển của trẻ em.

Đứa trẻ được nuôi dạy với đôi tai thuần khiết, trong trẻo có thể sẽ không chơi được những giai điệu thông thường trên đàn violin hoặc piano, nhưng tôi không nghĩ điều này có liên quan gì tới khả năng nghe được âm nhạc đích thực hay khả năng ca hát. Chỉ khi trái tim đầy ắp giai điệu thì đứa trẻ mới được gọi là có thiên bẩm về âm nhạc.

Hầu hết mọi người đều nghĩ rằng "tự nhiên" là điều tốt, nhưng chẳng mấy ai nắm bắt được sự khác biệt giữa tự nhiên và phi tự nhiên.

Chỉ một chồi cây mới mọc bị cắt khỏi một cái cây ăn trái bằng một cái kéo thôi, điều đó có thể mang lại sự rối loạn không thể nào đảo ngược được. Khi sinh trưởng theo đúng hình dạng tự nhiên, cành sẽ vươn ra so le từ thân chính và những cái lá sẽ nhận được ánh sáng mặt trời một cách đồng đều. Nếu sự phối hợp này bị phá vỡ, những cành cây sẽ xung đột với nhau, nằm đè lên nhau và trở nên rối rắm, những chiếc lá sẽ héo úa ở những nơi ánh mặt trời không thể lọt tới được. Côn trùng phá hại sẽ phát triển. Nếu cây đó không được cắt tỉa thì vào năm sau sẽ xuất hiện nhiều cành héo hơn.

Con người với sự can thiệp của họ đã làm một điều gì đó sai trái, để lại sự hư hại mà không được sửa chữa, và khi những hệ quả bất lợi chất chồng, lại dùng mọi nỗ lực để sửa sai. Khi những hành động sửa sai đó có vẻ thành công, họ đi đến chỗ xem những biện pháp này là những thành tựu hay ho. Người ta làm thế hết lần này đến lần khác. Giống như một gã ngốc dẫm đạp lên mái nhà mình làm vỡ hết ngói. Rồi khi trời bắt đầu mưa và trần nhà bắt đầu rữa ra, hắn mới vội vàng trèo lên chắp vá những chỗ hư hỏng, cuối cùng thì nhảy cẫng lên vui mừng vì mình đã hoàn thành một giải pháp phi thường.

Với nhà khoa học thì cũng tương tự như vậy. Ông ta mải mê đọc sách đêm ngày, căng hết cả mắt ra tới mức trở nên cận thị, mà nếu ta có hỏi ông ta làm cái gì trong suốt thời gian đó – thì đấy là để trở thành nhà phát minh ra kính cận.

TRỞ VỀ NGUỒN CỘI

Tựa lên cái cán dài của chiếc hái, tôi tạm dừng công việc trong vườn và nhìn đăm đăm về phía những ngọn núi đằng xa và ngôi làng bên dưới. Tôi tự hỏi làm thế nào mà những triết lý của con người lại thành ra quay nhanh hơn cả sự đổi thay của bốn mùa.

Con đường mà tôi theo đuổi, cách làm nông tự nhiên này, mà ấn tượng đối với hầu hết mọi người là xa lạ, lúc đầu nó được diễn dịch như là một phản ứng chống lại sự phát triển tiên tiến và táo bạo của khoa học. Nhưng tất cả những điều mà tôi vẫn đang làm bấy lâu nay, trồng trọt ở đây, nơi làng quê này, là cố để cho mọi người thấy rằng thực ra họ chẳng biết gì cả. Bởi lẽ thế giới đang dịch chuyển với năng lượng mãnh liệt theo chiều hướng ngược lại, nên có thể trông như tôi đang tụt hậu, nhưng tôi tin một cách cả quyết rằng con đường mình đang đi theo là con đường hợp lý nhất.

Trong những năm gần đây, số lượng người hứng thú với việc làm nông tự nhiên đã gia tăng một cách đáng kể. Có vẻ như sự phát triển của khoa học đã chạm tới giới hạn, người ta đã bắt đầu cảm thấy nghi ngại, và đã đến lúc để xem xét lại. Rằng cái trước đây bị xem là thô sơ, thụt lùi, thì giờ đây đột nhiên lại được xem như là đi trước rất nhiều so với khoa học hiện đại. Lúc đầu, điều này nghe có vẻ lạ lùng, nhưng tôi thấy nó chẳng có gì lạ lùng cả.

Gần đây, tôi có trao đổi về điều này với Giáo sư Iinuma ở Đại học Kyoto. Một nghìn năm trước, nông nghiệp được thực hành tại Nhật mà không có chuyện cày ruộng, và phải đến tận triều đại Tokugawa – khoảng 300-400 năm trước – thì việc cày xới sơ sơ một lớp mỏng trên bề mặt mới được đưa vào. Việc cày sâu cuốc bẫm đến với Nhật Bản cùng với nền nông nghiệp Tây phương. Tôi đã nói rằng để đối phó với những vấn đề của tương lai, thế hệ tiếp theo sẽ quay trở lại với phương pháp phi canh tác.

Thoạt nhìn, việc trồng cây lương thực trên một mảnh ruộng không cày xới có thể trông giống như một bước thụt lùi trở lại nền nông nghiệp sơ khai, nhưng qua nhiều năm, phương pháp này đã cho thấy, ở những phòng thí nghiệm đại học và những trung tâm kiểm nghiệm nông nghiệp trên khắp cả nước, rằng nó là phương pháp đơn giản nhất, hiệu quả nhất và cập nhật nhất trong tất cả các phương pháp. Dù cách làm nông này từ bỏ không dùng khoa học hiện đại, nhưng giờ đây nó lại đứng ở tuyến đầu trong việc phát triển nông nghiệp hiện đại.

Tôi đã trình bày "việc luân canh lúa gạo và ngũ cốc mùa đông theo cách gieo hạt trực tiếp và không cày ruộng" này trên các tạp chí nông nghiệp hai mươi năm trước. Kể từ đó tới nay, nó thường xuyên xuất hiện trong các ấn phẩm và giới thiệu tới quảng đại công chúng trên radio hoặc các chương trình TV nhiều lần, nhưng chẳng thấy ai chú ý tới cho lắm.

Bây giờ đột nhiên nó lại biến thành một câu chuyện hoàn toàn khác. Các bạn có thể nói rằng làm nông tự nhiên đã trở thành cơn sốt. Các nhà báo, các giáo sư, các nhà nghiên cứu kỹ thuật lũ lượt tới thăm những thửa ruộng cũng như những cái chòi trên núi của tôi.

Những người khác nhau nhìn nó theo những cách khác nhau, đưa ra những cách diễn dịch của riêng mình, và rồi bỏ đi. Có người thấy nó thô sơ, người khác thì cho là thụt lùi, người khác nữa thì xem nó như đỉnh cao của thành tựu nông nghiệp, còn người thứ tư thì tung hô nó như một sự đột phá tiến bước vào tương lai. Nhìn chung, người ta chỉ bận tâm tới chuyện liệu kiểu làm nông này là một sự tiến bộ của tương lai sắp tới hay là một sự phục hưng của quá khứ đã qua. Rất ít người có thể nắm bắt được một cách chính xác rằng làm nông tự nhiên nổi lên từ cái tâm điểm không suy chuyển và không đổi thay của tiến trình phát triển nông nghiệp.

Con người càng tách biệt bản thân khỏi tự nhiên chừng nào thì họ càng quay cuồng xa khỏi cái tâm điểm kia chừng ấy. Cùng lúc đó, một tác động hướng tâm tự nó nảy nòi và niềm khát

khao quay trở về với tự nhiên nổi lên. Nhưng nếu người ta đơn thuần chỉ biết phản ứng, hết chạy sang trái lại chạy sang phải, phụ thuộc vào những điều kiện, thì kết quả chỉ là có thêm việc để làm. Cái điểm gốc không suy chuyển ấy, vốn nằm ngoài địa hạt của sự tương đối, bị bỏ qua không chú ý tới. Tôi tin rằng ngay cả những hành động cổ vũ "trở-về-với-tự-nhiên" và chống lại ô nhiễm, dù có đáng tán dương thế nào, cũng đang không đi tới một giải pháp thực sự nếu chúng được tiến hành chỉ từ sự phản ứng lại việc phát triển quá độ của thời đại hiện nay.

Tự nhiên không thay đổi, mặc dù cách nhìn tự nhiên không ngừng biến đổi từ thời đại này sang thời đại khác. Nhưng dù ở thời đại nào đi chăng nữa, làm nông tự nhiên vẫn mãi tồn tại như là ngọn nguồn của nông nghiệp.

MỘT LÝ DO KHIẾN NÔNG NGHIỆP TỰ NHIÊN CHƯA ĐƯỢC LAN RỘNG

Trong hai mươi, ba mươi năm qua, phương pháp trồng lúa gạo và ngũ cốc mùa đông này đã được kiểm nghiệm trên diện rộng với nhiều kiểu thời tiết và điều kiện tự nhiên khác nhau. Hầu hết các tỉnh trên nước Nhật đều đã cho thí điểm so sánh sản lượng của phương pháp "gieo trực tiếp, không cày đất" với những ruộng lúa nước và cánh đồng đại mạch được cày xới hay hắc mạch được vun luống tạo rãnh. Những cuộc kiểm nghiệm này không cho thấy bằng chứng nào trái ngược với tính khả dụng phổ quát của cách làm nông tự nhiên cả.

Và vì thế người ta có thể đặt ra câu hỏi tại sao sự thực này vẫn chưa được lan toả. Tôi nghĩ rằng một trong những lý do là ở chỗ thế giới đã trở nên chuyên biệt hoá tới mức người ta không thể nào nắm bắt được bất cứ cái gì trong sự toàn vẹn của nó nữa. Lấy ví dụ, một chuyên gia về phòng chống côn trùng gây hại từ Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Kochi từng tới hỏi tôi tại sao trên ruộng của tôi lại có ít rầy xanh đến vậy, mặc dù tôi không hề dùng thuốc trừ sâu. Sau khi khảo sát môi trường sống, sự cân bằng giữa bọn côn trùng và những con thiên địch tự nhiên của chúng, tỉ lệ sinh sản của loài nhện, vân vân, họ phát hiện ra rằng số rầy xanh tại ruộng của tôi cũng hiếm gặp như ở trên các thửa ruộng của Trung tâm đó, vốn được phun đủ loại hoá chất độc hại vô số lần.

Vị giáo sư này cũng ngạc nhiên khi nhận thấy trong khi số lượng côn trùng gây hại rất ít, nhưng số lượng những con thiên địch của chúng trên ruộng của tôi lại áp đảo hơn nhiều so với các ruộng có phun thuốc. Rồi ông ta ngộ ra rằng những cánh đồng này duy trì được ở trạng thái này là nhờ vào sự cân bằng tự nhiên được thiết lập giữa những cộng đồng côn trùng đa dạng. Ông ta thừa nhận rằng nếu phương pháp của tôi được áp dụng rộng rãi, vấn đề mùa màng bị phá hoại bởi bọn rầy xanh có thể được giải quyết. Thế rồi ông ta lên xe và quay trở về Kochi.

Nhưng nếu bạn hỏi liệu các chuyên gia về độ màu mỡ của đất trồng hay các chuyên gia về giống cây trồng của trung tâm kiểm nghiệm đó có đến đây chưa, thì câu trả lời là chưa, họ chưa đến. Mà nếu tại một cuộc hội thảo hay họp mặt ta có đề xuất thử áp dụng phương pháp này, hay phải gọi là phi-phương pháp mới đúng, trên diện rộng, thì tôi đoán rằng lãnh đạo tỉnh hay trạm nghiên cứu sẽ trả lời : "Xin lỗi, vẫn còn quá sớm cho điều đó. Trước tiên, chúng ta cần phải tiến hành các nghiên cứu từ mọi góc độ có thể trước khi đưa ra phê chuẩn cuối cùng." Sẽ phải mất hàng năm để một kết luận như thế được đưa xuống.

Những việc thế này xảy ra thường xuyên. Các chuyên gia và các kỹ thuật viên từ khắp Nhật Bản đều đã từng đến nông trại này. Quan sát những cánh đồng nơi đây từ góc nhìn chuyên môn của riêng mình, tất cả những nhà nghiên cứu này đều thấy chúng ít nhất là đáng hài lòng, nếu không nói là xuất sắc. Nhưng trong suốt năm, sáu năm kể từ khi vị giáo sư trạm nghiên cứu nọ tới đây thăm, ở tỉnh Kochi vẫn chẳng thấy thay đổi được bao nhiêu.

Trong năm nay, khoa Nông nghiệp của trường Đại học Kinki đã lập một nhóm dự án về làm nông tự nhiên mà trong đó sinh viên của các khoa khác nhau sẽ đến đây để tiến hành các cuộc điều tra nghiên cứu. Cách tiếp cận này có thể là một bước tiến gần hơn, nhưng tôi có cảm giác rằng bước đi tiếp theo có thể sẽ là lùi hai bước.

Các vị chuyên gia tự xưng thường bình luận: "Ý tưởng căn bản của phương pháp này thì ổn, nhưng chẳng phải thu hoạch bằng máy thì sẽ tiện hơn sao?" hoặc "Chẳng phải sản lượng sẽ cao hơn nếu ông đã cho dùng phân bón hay thuốc trừ sâu trong những trường hợp nhất định

hoặc những thời điểm nhất định sao?" Luôn luôn có những kẻ cứ cố pha trộn cách làm nông tự nhiên với cách làm nông khoa học. Nhưng cách nghĩ này là hoàn toàn lạc đề. Người nông dân mà đi theo hướng thoả hiệp thì sẽ không còn có khả năng phê bình khoa học ở mức độ cơ bản.

Làm nông tự nhiên thì thật êm ái và dễ dàng, và nó cho thấy một sự quay đầu về với cội nguồn của việc làm nông. Đi một bước chệch khỏi ngọn nguồn này, người ta chỉ có thể lạc lối mà thôi.

CON NGƯỜI KHÔNG HIỂU TỰ NHIÊN

Gần đây tôi thường nghĩ, hẳn sẽ tới lúc các nhà khoa học, các chính trị gia, các nghệ sĩ, các triết gia, những người thuộc các tôn giáo và tất cả những ai làm việc trên đồng ruộng nên tụ hội lại đây, nhìn cho kỹ những thửa ruộng này rồi bàn luận trao đổi cho ra nhẽ. Tôi nghĩ đây là điều phải xảy ra nếu người ta vượt lên trên được phạm vi chuyên môn của họ.

Các nhà khoa học nghĩ rằng họ có thể hiểu được tự nhiên. Đấy chỉ là lập trường của họ. Bởi vì niềm tin đó, nên họ bỏ công khảo sát tự nhiên và phải đưa nó vào sử dụng mới thôi. Nhưng tôi nghĩ việc hiểu được tự nhiên nằm ngoài tầm với của trí tuệ loài người.

Tôi thường bảo những người trẻ sống trong những túp lều trên núi, những người đến đây để giúp một tay và để học hỏi về làm nông tự nhiên, rằng ai cũng có thể nhìn thấy cây cối ở trên núi. Họ có thể nhìn thấy màu xanh của những chiếc lá; họ có thể nhìn thấy những cây lúa. Họ nghĩ họ biết màu lá xanh là gì. Tiếp xúc với thiên nhiên từ sáng sớm tới tối đêm, có lúc họ đi đến chỗ nghĩ rằng mình biết tự nhiên. Nhưng khi nghĩ rằng mình bắt đầu hiểu được tự nhiên, đấy chính là lúc họ có thể nắm chắc một điều rằng họ đang đi sai đường.

Tại sao hiểu được tự nhiên lại là điều bất khả? Thứ được nhìn nhận là tự nhiên chỉ là *ý tưởng* về tự nhiên nảy ra trong tâm trí mỗi người mà thôi. Những kẻ thấy được tự nhiên thực thụ là những đứa trẻ. Chúng nhìn mà không nghĩ suy, thẳng tuột và trong sáng. Thậm chí nếu chỉ gọi tên cây cối, một cây quýt thuộc họ cam quýt, một cây thông thuộc họ thông, thì tự nhiên đã không còn được thấy trong đúng nguyên bản của nó nữa.

Một đối tượng được nhìn tách biệt khỏi tổng thể thì không còn là thứ có thực nữa.

Các chuyên gia ở các lĩnh vực khác nhau tập trung lại cùng nhau quan sát một nhánh lúa. Vị chuyên gia về bệnh côn trùng chỉ thấy được thiệt hại do côn trùng gây ra, còn vị chuyên gia về dinh dưỡng cây trồng thì chỉ cân nhắc về sức sống của cây. Đây là điều không thể tránh khỏi khi mà mọi thứ cứ như bây giờ.

Lấy một ví dụ, tôi đã bảo với một quý ông tới từ trạm nghiên cứu khi ông ta đang khảo sát mối liên hệ giữa rầy xanh trên cây lúa và nhện trên những thửa ruộng của tôi rằng: "Giáo sư à, do bởi ông đang nghiên cứu nhện nên chỉ quan tâm vào một trong số nhiều loại thiên địch của bọn rầy xanh. Năm nay nhện xuất hiện nhiều, nhưng năm ngoái thì là cóc. Năm trước nữa thì ếch chiếm ưu thế. Có vô số loài mà."

Các nghiên cứu chuyên biệt không thể nào nắm bắt được vai trò của chỉ một loài săn mồi vào một thời điểm nhất định trong mối tương quan phức tạp giữa các loài côn trùng. Có những mùa số lượng rầy xanh thấp vì có nhiều nhện. Có những khi trời mưa nhiều và bọn ếch xơi sạch nhện, hoặc những khi trời ít mưa thì cả rầy xanh lẫn ếch nhái đều chẳng thấy đâu.

Các biện pháp kiểm soát côn trùng mà làm ngơ mối quan hệ giữa bản thân các loài côn trùng với nhau thì thực sự vô dụng. Việc nghiên cứu trên loài nhện và rầy xanh cũng phải xem xét đến cả mối quan hệ giữa ếch và nhện. Đến lúc này thì sẽ cần đến một vị giáo sư chuyên về ếch nhái, các chuyên gia về nhện và rầy xanh, một vị khác về cây lúa và một chuyên gia khác nữa về điều phối nước, tất cả sẽ phải tham gia vào.

Chưa kể, có tới bốn, năm loài nhện khác nhau trên ruộng. Tôi nhớ một vài năm trước đây, có ai đó lao tới nhà tôi vào một buổi sớm để hỏi xem tôi có phủ lưới tơ hay cái gì đó lên ruộng không. Tôi cũng không hình dung được ông ấy đang nói đến thứ gì, nên vội vã ra ruộng xem sao.

Bấy giờ, chúng tôi vừa mới thu hoạch lúa xong, và chỉ sau một đêm các gốc rạ lẫn đám cỏ thấp đã hoàn toàn phủ đầy tơ nhện, chẳng khác gì lụa. Phấp phới và lóng lánh trong sương mù buổi sớm, trông nó thật là một cảnh kỳ thú.

Điều kỳ diệu ở đây là ở chỗ khi chuyện này xảy ra, mà phải rất lâu mới xảy ra một lần, nó chỉ kéo dài trong một hai ngày. Nếu nhìn kỹ, ta sẽ thấy mỗi phân vuông đều có nhiều nhện. Trên ruộng, chúng dày đặc tới mức khó mà thấy khoảng trống giữa chúng. Trong một nghìn mét vuông đất hẳn phải có tới bao nhiêu là nghìn con, bao nhiêu là triệu con! Hai, ba ngày sau tới thăm thửa ruộng đó, ta sẽ thấy những sợi tơ nhện dài vài thước đã đứt ra và đang bay phấp phới trong gió cùng với năm hay sáu con nhện bám vào mỗi sợi. Hệt như khi túm bông bồ công anh hay đài chứa những hạt thông được thổi bay trong gió. Đám nhện con bám vào đầu những sợi tơ và được hứng gió đưa lên trời.

Cảnh tượng đó là một màn biểu diễn tuyệt diệu của thiên nhiên. Thấy điều này ta mới hiểu rằng các nhà thơ và nghệ sĩ cũng sẽ phải tham dự vào.

Khi hoá chất được đưa vào một thửa ruộng, tất cả điều này sẽ bị huỷ hoại chỉ trong chớp mắt. Có lúc tôi đã nghĩ chẳng có gì sai trái với việc đưa tro bếp rải lên ruộng cả[8]. Kết quả thì sao? Hai, ba ngày sau cánh đồng hoàn toàn sạch bóng nhện. Tro bếp khiến các sợi tơ bị rã ra. Đã có bao nhiêu nghìn chú nhện là nạn nhân của chỉ một nắm tro trông có vẻ vô hại đó? Đưa vào sử dụng một loại thuốc trừ sâu không chỉ đơn thuần là chuyện tiêu diệt bọn rầy xanh lẫn những con thiên địch của chúng. Nhiều tiến trình thiết yếu khác của tự nhiên cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Hiện tượng kéo bầy lớn như thế này của đám nhện, diễn ra trên những ruộng lúa mùa thu và như những nghệ sĩ ảo thuật biến mất chỉ sau một đêm, vẫn chưa lý giải được. Chẳng ai biết chúng từ đâu tới, làm sao chúng sống sót qua mùa đông, hay khi biến mất thì chúng đi đâu.

Và vì thế việc sử dụng hoá chất không phải chỉ là vấn đề của riêng các nhà nghiên cứu côn trùng. Các triết gia, giới tôn giáo, nghệ sĩ lẫn các nhà thơ cũng phải giúp ra quyết định liệu có nên cho phép dùng hoá chất trong làm nông hay không, và đâu là hệ quả có thể xảy ra ngay cả khi sử dụng các loại phân bón hữu cơ.

Chúng tôi sẽ thu hoạch được khoảng 22 giạ (6 tạ) lúa gạo và 22 giạ ngũ cốc mùa đông từ mỗi nghìn mét vuông đất này. Nếu thu hoạch đạt tới 29 giạ, như thỉnh thoảng vẫn đạt được, có thể ta sẽ không tìm được nơi nào trên toàn quốc có sản lượng lớn hơn. Do bởi công nghệ tiên tiến chẳng góp phần gì tới việc trồng những cây ngũ cốc này nên nó nổi bật lên như là một sự trái ngược với những giả định của khoa học hiện đại. Bất cứ ai đến đây, thấy những mảnh ruộng này và chấp nhận những gì mà chúng chứng thực, sẽ cảm thấy những mối nghi ngờ sâu sắc được đặt ra trên câu hỏi liệu con người có hiểu tự nhiên hay không, và liệu rằng tự nhiên có thể hiểu được trong phạm vi những hiểu biết hạn chế của con người hay không.

Điều khôi hài là khoa học chỉ có tác dụng làm rõ rằng tri thức của loài người mới nhỏ bé làm sao.

---

[8] Ông Fukuoka làm phân mùn vi sinh từ tro đốt củi và các chất thải hữu cơ của hộ gia đình. Ông sử dụng nó trong khu vườn nhỏ phục vụ cho bếp nhà mình .

II

BỐN NGUYÊN TẮC CỦA NÔNG NGHIỆP TỰ NHIÊN

Hãy cẩn thận khi đi qua những cánh đồng này. Chuồn chuồn, bướm ngài bay nhộn nhịp. Ong mật vù vù bay từ hoa này sang hoa khác. Vạch lá cây ra bạn sẽ thấy bọn côn trùng, nhện, ếch, thằn lằn và nhiều con vật nhỏ khác đang hối hả ngược xuôi trong bóng mát. Chuột chũi và giun đất thì đào hang dưới mặt đất.

Đó là đồng lúa cân bằng sinh thái. Ở đây, các cộng đồng côn trùng và thực vật duy trì một mối quan hệ ổn định. Bệnh trên cây cối quét qua vùng này không phải là chuyện lạ, nhưng mùa màng trên những cánh đồng của tôi không bị ảnh hưởng.

Giờ hãy nhìn sang cánh đồng của hàng xóm một chút. Cỏ được dọn sạch bằng thuốc diệt cỏ và bằng cách cày xới. Những động vật sống dưới đất và côn trùng bị tiêu diệt bằng thuốc độc. Đất mất sạch chất hữu cơ và các vi sinh vật do sử dụng phân bón hoá học. Vào mùa hè ta sẽ thấy nông dân làm lụng trên đồng, mặt thì đeo mặt nạ còn tay thì mang găng cao su dài. Những cánh đồng lúa này, được trồng cấy đã hơn 1.500 năm qua, nay bị tàn phá bởi các cách thức làm nông tận thu của chỉ một thế hệ.

▪ Bốn Nguyên Tắc

Thứ nhất là KHÔNG CÀY XỚI ĐẤT, nghĩa là, không cày hoặc lật ngược đất lên. Hàng thế kỷ qua, người nông dân đã cho rằng cày ruộng là việc làm thiết yếu cho việc trồng cây lương thực. Tuy nhiên, không cày xới lại là điều căn bản trong việc làm nông tự nhiên. Đất tự xới trộn khi rễ cây xuyên qua, cùng với hoạt động của các vi sinh vật, động vật nhỏ và giun đất.

Thứ hai là KHÔNG DÙNG PHÂN HOÁ HỌC HOẶC PHÂN Ủ[9]. Con người can thiệp vào thiên nhiên, và dù cố đến mấy họ cũng không thể chữa lành những vết thương do sự can thiệp đó gây ra. Các biện pháp làm nông bất cẩn của họ bòn rút hết các dưỡng chất thiết yếu của đất, và hậu quả là mỗi năm đất lại thêm cằn cỗi. Nếu cứ để tự nó, đất sẽ duy trì được sự màu mỡ một cách tự nhiên, tuân theo chu kỳ có trật tự của đời sống động thực vật.

Thứ ba là KHÔNG LÀM CỎ BẰNG VIỆC CÀY XỚI HAY DÙNG THUỐC DIỆT CỎ. Cỏ có vai trò của nó trong việc tạo ra sự màu mỡ cho đất và trong sự cân bằng của quần thể sinh vật. Nguyên tắc căn bản là, cỏ cần được kiểm soát chứ không phải là loại bỏ. Trên các cánh đồng nhà tôi, dùng lớp phủ bằng rơm, lớp cỏ ba lá hoa trắng mọc xen với cây lương thực và xả nước tạm thời vào đồng là đủ hiệu quả trong việc kiểm soát cỏ.

Thứ tư là KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO HOÁ CHẤT[10]. Kể từ khi các biện pháp làm nông trái tự nhiên như cày bừa và bón phân làm cho cây trồng trở nên yếu đuối, thì bệnh tật và sự mất cân bằng trong cơ cấu côn trùng trở thành vấn đề lớn trong nông nghiệp. Thiên nhiên, để mặc nó, tự cân bằng một cách hoàn hảo. Côn trùng gây hại và các loại bệnh trên cây luôn hiện hữu, nhưng trong tự nhiên chúng không diễn ra đến mức phải dùng tới các hoá chất độc hại. Cách

[9] Để làm phân bón, ông Fukuoka trồng cỏ ba lá hoa trắng để phủ đất, trả lại rơm cho đồng ruộng và thêm một chút phân gia cầm.

[10] Ông Fukuoka trồng ngũ cốc mà không sử dụng bất kỳ loại hoá chất nào. Với một số loại cây trong vườn thì thi thoảng ông dùng một dung dịch dầu máy để kiểm soát quy mô của côn trùng. Ông không dùng các chất độc có tác dụng kéo dài và trên diện rộng, và cũng không lên "kế hoạch" trừ sâu nào.

tiếp cận hợp lý với vấn đề kiểm soát bệnh tật và côn trùng là trồng các loại cây lương thực cứng cáp trong một môi trường lành mạnh.

▪ Cày Xới Đất

Khi đất bị cày xới, môi trường tự nhiên bị biến đổi không còn nhận ra được nữa. Tác động trở lại của những hành động như thế này đã gây ra những cơn ác mộng cho vô số thế hệ nông dân. Lấy ví dụ, khi một khu vực đất tự nhiên bị đặt dưới lưỡi cày, những giống cỏ rất khỏe như cỏ mần trầu và chút chít đôi khi lấn át cả rau màu. Khi những loại cỏ này chiếm chỗ rồi thì năm nào người nông dân cũng phải đối mặt với một nhiệm vụ làm cỏ gần như là bất khả thi. Thường xuyên như vậy, đất đai sẽ bị bỏ hoang.

Đối phó với những vấn đề như vậy, cách giải quyết hợp lý duy nhất là không tiếp tục tiến hành các biện pháp trái tự nhiên nữa, là nguyên nhân từ đầu đã gây ra tình trạng này. Người nông dân cũng có trách nhiệm khắc phục các hậu quả mà họ đã gây ra. Việc cày xới đất phải được dừng lại. Nếu thực hiện các phương pháp nhẹ nhàng như trải rơm, trồng cỏ ba lá thay cho việc sử dụng các hoá chất nhân tạo và máy móc để tiến hành cuộc chiến hủy diệt, môi trường sẽ quay trở lại sự cân bằng tự nhiên của nó và ngay cả những loài cỏ dại phiền toái cũng sẽ kiểm soát được.

▪ Phân Bón

Người ta biết đến tôi nhờ câu hỏi “Nếu cứ để mặc đồng ruộng tự phát triển thì độ màu mỡ của đất sẽ tăng hay là sẽ suy kiệt?” khi nói chuyện với chuyên gia về độ màu mỡ của đất. Thường thì họ ngừng lại một lúc rồi nói gì đó kiểu như, “À, để xem nào... Nó sẽ trở nên suy kiệt. À không, sẽ không như thế khi ta nhớ một điều rằng khi trồng lúa trong một thời gian dài trên cùng cánh đồng mà không bón phân, thu hoạch ổn định ở mức 9 giạ (hơn 2 tạ) cho một nghìn mét vuông. Đất sẽ không màu mỡ lên cũng không suy kiệt đi.”

Các chuyên gia này đang nói về đồng lúa nước được cày xới. Nếu để mặc cho tự nhiên làm phận sự của nó, độ màu mỡ sẽ tăng. Chất hữu cơ còn lại của thực vật và động vật được tích tụ và được phân hủy trên bề mặt đất bởi vi khuẩn và nấm. Với sự chuyển động của nước mưa, các chất dinh dưỡng được đưa sâu xuống đất trở thành thức ăn cho vi sinh vật, giun đất, và các động vật nhỏ khác. Rễ cây vươn tới lớp đất sâu hơn và hút các dưỡng chất này lên lại bề mặt đất.

Nếu bạn muốn có một ý niệm về sự mầu mỡ tự nhiên của đất, thi thoảng hãy đến các vùng núi hoang dã và chiêm ngưỡng những cái cây khổng lồ lớn lên mà không cần tới phân bón và cày xới đất. Sự màu mỡ của tự nhiên, như tự bản thân nó, là ngoài sức tưởng tượng.

Đốn đi các cây rừng tự nhiên rồi trồng thông đỏ Nhật Bản hoặc tuyết tùng trong vài thế hệ thôi, đất sẽ cằn cỗi và dễ dàng bị xói mòn. Trái lại, hãy lấy một vùng núi cằn cỗi với lớp đất sét đỏ nghèo nàn rồi trồng thông hoặc tuyết tùng với mặt đất được bao phủ bởi cỏ ba lá và cỏ linh lăng. Khi phân xanh (gồm các loại cây phủ đất chẳng hạn như cỏ ba lá, đậu tằm và cỏ linh lăng, chúng thiết lập điều kiện và nuôi dưỡng đất) làm cho đất màu mỡ và tơi mềm, các loài cỏ dại và các cây bụi sẽ mọc lên bên dưới những cây lớn, và một chu kỳ tái tạo độ màu mỡ cho đất bắt đầu. Có những trường hợp, chưa tới mười năm, tầng đất dày cỡ một tấc phía trên cùng đã trở nên màu mỡ.

Đối với việc trồng các cây lương thực trong nông nghiệp cũng vậy, việc sử dụng phân ủ cũng có thể dừng lại. Hầu hết thì, một lớp phủ cố định làm phân xanh cùng với việc trả lại rơm và trấu cho đất là đủ. Phân chuồng, giúp cho việc phân hủy rơm, thường được tôi lấy từ vịt thả rông trên đồng. Nếu bắt đầu thả vịt con từ khi mạ non thì chúng sẽ lớn lên cùng với lúa. Mười con vịt sẽ cung cấp tất cả lượng phân chuồng cần thiết cho một nghìn mét vuông ruộng và giúp kiểm soát cỏ dại nữa.

Tôi thực hiện việc này trong nhiều năm, cho đến khi người ta làm đường cao tốc chạy ngang qua khiến cho lũ vịt không thể băng qua lộ và quay trở về chuồng. Hiện giờ, tôi dùng

một chút phân gà để giúp phân hủy rơm. Ở những nơi khác, việc thả vịt hoặc các động vật chăn thả loại nhỏ khác là khả thi.

Bỏ quá nhiều phân có thể dẫn đến nhiều vấn đề. Một năm nọ, ngay sau thời điểm người ta cấy lúa, tôi ký hợp đồng thuê 5 mảnh một nghìn mét vuông ruộng lúa mới cấy xong. Tôi xả hết nước ra khỏi đồng và cứ thế mà không sử dụng phân bón hoá học, chỉ dùng một lượng nhỏ phân gà. Bốn thửa phát triển bình thường. Tuy nhiên, ở thửa thứ năm, dù tôi có làm gì đi nữa, các cây lúa vẫn mọc lên quá dày và bị bệnh đạo ôn tấn công. Khi tôi hỏi chủ đất về việc này, ông ta nói đã dùng thửa ruộng này làm bãi chứa phân gà suốt cả mùa đông.

Dùng rơm, phân xanh, và một ít phân gia cầm, người ta có thể thu được năng suất cao mà hoàn toàn không cần phải bón phân ủ hay phân bón thương mại. Tính đến giờ đã vài chục năm rồi, tôi lùi lại và quan sát cách mà tự nhiên làm cho đất tơi xốp và màu mỡ. Thêm vào đó, trong lúc ngắm nghía, tôi lại được bội thu các loại rau, cam quýt, lúa gạo và ngũ cốc mùa đông như thể một món quà từ sự màu mỡ tự nhiên của đất vậy.

▪ Đối Phó Với Cỏ Dại

Đây là một số điểm chính cần nhớ khi đối phó với cỏ dại:

Ngay khi dừng cày xới đất, lượng cỏ dại sẽ giảm nhanh. Cũng vậy, chủng loại cỏ trên cánh đồng ấy cũng thay đổi.

Nếu hạt giống được gieo trong khi cây vụ trước vẫn đang chín dần trên đồng thì những hạt giống này sẽ nảy mầm trước cỏ dại. Cỏ mùa đông chỉ mọc sau khi đã thu hoạch lúa, nhưng cho tới lúc đó thì cây ngũ cốc vụ đông cũng đã đi trước một quãng rồi. Cỏ mùa hè mọc ngay sau khi thu hoạch đại mạch và hắc mạch, nhưng tới lúc đó, cây lúa đã lớn lên mạnh mẽ rồi. Phải tính toán thời gian gieo hạt sao cho không có khoảng trống giữa các mùa vụ kế tiếp nhau, điều đó sẽ khiến cho cây ngũ cốc được lợi thế hơn nhiều so với cỏ dại.

Ngay sau khi thu hoạch, nếu cả cánh đồng được bao phủ bằng rơm thì sự nảy mầm của cỏ dại sẽ bị chặn đứng. Cỏ ba lá hoa trắng được gieo cùng với cây ngũ cốc nhằm mục đích bao phủ mặt đất cũng giúp giữ cho cỏ dại trong tầm kiểm soát.

Cách thông thường để đối phó với cỏ dại là cày xới đất. Nhưng khi ta cày xới đất, những hạt cỏ đang nằm sâu trong lòng đất, đáng lẽ sẽ không bao giờ mọc mầm được, giờ được xới lên và có cơ hội mọc thành cỏ. Thêm nữa, các loại cỏ mọc nhanh, lớn nhanh càng có ưu thế trong những điều kiện như vậy. Chính vì thế ta có thể nói rằng người nông dân, kẻ cứ cố kiểm soát cỏ dại bằng cách cày xới đất, gần như là đang gieo những mầm hoạ cho chính mình.

▪ Kiểm Soát "Sâu Bệnh"

Vẫn còn nhiều người nghĩ rằng nếu không dùng hoá chất thì cây ăn trái và các cây lương thực trên đồng sẽ héo úa ngay trước mắt họ. Thật ra thì chính bởi việc sử dụng các hoá chất đó mà con người đã vô tình thiết lập những điều kiện để cho nỗi sợ không có cơ sở đó có thể trở thành hiện thực.

Gần đây, cây thông đỏ Nhật Bản đã bị phá hoại nặng nề do sự bùng phát của bọn mọt ăn vỏ thông. Để nỗ lực chặn đứng thiệt hại, các kiểm lâm viên hiện giờ đang phải dùng trực thăng để rải thuốc từ trên không. Tôi không phủ nhận rằng về ngắn hạn, việc làm này có hiệu quả, nhưng tôi biết, hẳn là phải có cách khác.

Bệnh mọt ăn cây này, theo các nghiên cứu gần đây nhất không phải là lây nhiễm trực tiếp, mà xuất hiện theo sau hoạt động của loài giun tròn trung gian. Bọn giun tròn sinh sôi nảy nở trong thân cây, làm tắc đường vận chuyển nước và chất dinh dưỡng, cuối cùng làm cho cây thông héo và chết. Nguyên nhân chủ yếu, dĩ nhiên, vẫn còn chưa rõ ràng.

Giun tròn sống nhờ vào một loại nấm trong thân cây. Tại sao loại nấm này lại bắt đầu lan ra nhanh như vậy bên trong thân cây? Có phải loại nấm này bắt đầu nhân rộng sau khi bọn

mọt đã xuất hiện? Hay ngược lại, bọn mọt xuất hiện là do loại nấm này đã có mặt? Tất cả quy về một câu hỏi, cái gì có trước, nấm hay giun?

Hơn nữa, có một vi sinh vật khác còn được biết đến rất ít, loại này luôn song hành với bọn nấm, và có một loại vi-rút nữa gây hại cho bọn nấm này. Hết tác động này theo sau tác động kia theo đủ mọi hướng, điều duy nhất có thể nói chắc là những cây thông đang héo đi với số lượng bất thường.

Người ta không thể biết đâu là nguyên nhân thật sự của căn bệnh trên cây thông, cũng như không thể biết hệ quả sau rốt của cách "chữa trị" mà họ đưa ra. Nếu can thiệp bừa vào tình huống này thì người ta chỉ gieo mầm mống cho đại hoạ kế tiếp. Không, tôi không thể vui mừng khi biết rằng sự thiệt hại tức thời do loài mọt này gây ra đã được giảm thiểu nhờ vào việc phun hoá chất. Sử dụng hoá chất nông nghiệp là phương pháp dớ dẩn nhất để đối phó với những vấn đề như thế này, và nó chỉ dẫn đến các vấn đề lớn hơn trong tương lai.

Bốn nguyên tắc làm nông tự nhiên này (không cày xới đất, không dùng phân bón hoá học hay phân ủ sẵn, không làm cỏ hay dùng thuốc diệt cỏ, và không phụ thuộc vào hoá chất) tương hợp với trật tự của tự nhiên và mang sự phong phú trở lại với tự nhiên. Mọi sự lần mò của tôi đều chạy theo luồng suy tưởng này. Đó là trọng tâm của phương pháp trồng rau, ngũ cốc và vườn cam quýt của tôi.

LÀM NÔNG GIỮA VÙNG CỎ DẠI

Nhiều chủng loại cỏ dại khác nhau đang sinh trưởng cùng với ngũ cốc và cỏ ba lá trên những cánh đồng này. Rơm rạ rải khắp ruộng từ mùa thu trước đã được phân hủy thành mùn giàu dinh dưỡng. Sản lượng thu hoạch sẽ đạt tầm 22 giạ (6 tạ) cho một nghìn mét vuông ruộng.

Hôm qua, khi giáo sư Kawase, nhà nghiên cứu hàng đầu về cỏ, và giáo sư Hiroe, đang nghiên cứu các giống cây cổ, trông thấy sự sinh trưởng của đại mạch và lớp phủ đất tạo phân xanh trên những cánh đồng của tôi, họ bảo rằng đó là một tuyệt tác nghệ thuật. Một nông dân trong vùng, người đã nghĩ rằng đám ruộng của tôi sẽ bị cỏ dại bao phủ hoàn toàn, đã rất ngạc nhiên khi thấy đại mạch vươn lên rất cứng cáp giữa nhiều loại cây khác. Các chuyên gia kỹ thuật cũng đã đến đây, đã thấy bọn cỏ dại, đã thấy cả những cây cải xoong và cỏ ba lá phát triển khắp mọi nơi, rồi ra đi lắc đầu kinh ngạc.

Cách đây hai mươi năm, khi tôi khuyến khích việc sử dụng lớp che phủ thường xuyên cho đất trong những vườn cây ăn trái, chẳng thấy một ngọn cỏ nào trên đồng hay trong vườn cây ở bất kỳ đâu trên khắp cả nước. Thấy những vườn cây như của tôi, mọi người cuối cùng cũng hiểu ra rằng các loài cây ăn trái có thể sống khá tốt cùng cỏ dại. Ngày nay, ta thường thấy những vườn cây có cỏ bao phủ ở khắp nước Nhật, còn những vườn không có cỏ che phủ trở nên hiếm gặp.

Tương tự như vậy với các cánh đồng ngũ cốc. Lúa gạo, đại mạch và hắc mạch có thể sinh trưởng tốt trong khi ruộng được che phủ bởi cỏ ba lá và cỏ dại quanh năm.

Tôi xin kể chi tiết lịch gieo hạt và thu hoạch hàng năm trên những cánh đồng này xem nhé. Đầu tháng mười, trước khi thu hoạch lúa, cỏ ba lá hoa trắng và hạt giống các loại ngũ cốc mùa đông mọc nhanh được gieo vãi giữa các nhánh lúa đang chín[11]. Cỏ ba lá và đại mạch hoặc hắc mạch sẽ nảy mầm và mọc cao tầm 2 phân rưỡi tới 5 phân vào thời điểm lúa sẵn sàng cho thu hoạch. Trong lúc thu hoạch lúa, các mầm cây sẽ bị chân người giẫm lên, nhưng chúng sẽ phục hồi rất nhanh. Khi lúa đã đập xong thì rơm sẽ được rải khắp ruộng.

Nếu hạt giống lúa được gieo vào mùa thu và bỏ đó không che đậy lại, chúng sẽ bị chim chuột ăn mất, hoặc đôi khi chúng bị thối rữa trên mặt đất, bởi vậy tôi đem hạt giống bọc trong những viên đất sét nhỏ trước khi gieo. Hạt giống được rải trên chảo phẳng đáy hoặc trong một cái rổ rồi lắc tới lui theo chuyển động tròn. Lớp bột đất sét mịn sẽ được rây phủ lên chúng và thi thoảng sẽ chế nước phun sương vào. Làm thế này sẽ tạo thành viên đất nhỏ đường kính khoảng một phân.

Có một phương pháp vê viên khác. Trước tiên, ngâm hạt thóc còn nguyên vỏ trong nước vài giờ. Sau đó, hạt giống được vớt ra rồi nhào trộn với đất sét ẩm bằng tay hoặc chân. Rồi khối đất sét này được đẩy qua các mắt trên một tấm phên nhốt gà để chia thành những cục đất nhỏ. Những cục đất này cần phải để cho ráo một đến hai ngày hoặc cho đến khi chúng có thể dễ dàng dùng hai lòng bàn tay vo thành các viên đất. Lý tưởng nhất là cứ một viên đất có chứa một hạt giống. Trong một ngày có thể làm ra đủ số lượng các viên đất để gieo trên vài mẫu ruộng.

Tuỳ tình hình, đôi khi tôi cũng bọc hạt giống các loại ngũ cốc và rau củ khác thành các viên đất trước khi đem gieo.

---

[11] Cỏ ba lá hoa trắng được gieo chừng nửa ký; ngũ cốc vụ đông thì tầm 3 ký đến 6 ký hạt cho mỗi nghìn mét vuông ruộng. Đối với những nông dân chưa có kinh nghiệm hay với ruộng cứng hoặc cằn cỗi, ban đầu gieo nhiều hạt giống hơn thì sẽ an toàn hơn. Khi chất lượng đất dần dần cải thiện nhờ rơm và lớp phân xanh, và khi người nông dân quen thuộc hơn với phương pháp gieo hạt trực tiếp-không cày xới, thì số lượng hạt giống rải ra có thể giảm đi.

Giữa trung tuần tháng mười một và trung tuần tháng mười hai là lúc thích hợp để vãi các viên đất chứa hạt giống lúa gạo giữa các cây đại mạch hay hắc mạch non, nhưng cũng có thể vãi chúng vào mùa xuân[12]. Một lớp mỏng phân gà được rải khắp ruộng giúp phân hủy rơm, và công việc trồng trọt cả năm như vậy là hoàn tất.

Trong tháng năm, ngũ cốc vụ đông sẽ được gặt. Sau khi đập lấy hạt xong, tất cả rơm rạ sẽ được rải khắp ruộng.

Sau đó, nước sẽ được đưa vào đồng trong một tuần cho tới mười ngày. Nó sẽ làm cho cỏ dại và cỏ ba lá yếu đi, cho phép lúa nảy mầm xuyên qua lớp rơm. Chỉ cần nước mưa thôi là đã đủ cho cây lúa trong suốt tháng sáu và bảy; trong tháng tám, mỗi tuần một lần, nước sạch được cho chảy qua ruộng mà không cần giữ lại. Mùa gặt vụ thu đã tới.

Đó là chu kỳ canh tác lúa gạo và ngũ cốc mùa đông hàng năm theo phương pháp tự nhiên. Việc gieo hạt và thu hoạch rất gần với mẫu hình của tự nhiên nên có thể coi đây là một quá trình tự nhiên hơn là một kỹ thuật nông nghiệp.

Một người nông dân sẽ chỉ mất từ một đến hai giờ để gieo hạt và phủ rơm khắp một nghìn mét vuông ruộng. Ngoại trừ công việc thu hoạch ra thì ngũ cốc mùa đông có thể một tay người là trồng được, và chỉ hai đến ba người là có thể làm tất cả mọi việc cần thiết để trồng một ruộng lúa mà chỉ sử dụng các công cụ truyền thống của Nhật. Có lẽ chẳng còn cách trồng ngũ cốc nào dễ dàng và đơn giản hơn thế. Chỉ cần làm nhiều hơn việc vãi hạt và rải rơm một chút, nhưng phải mất hơn ba mươi năm tôi mới đạt được tới điều đơn giản đó.

Phương pháp làm nông này được phát triển phù hợp với điều kiện tự nhiên của các hòn đảo ở Nhật, nhưng tôi cảm thấy rằng làm nông tự nhiên cũng có thể áp dụng được ở các vùng khác và để trồng các loại cây lương thực bản xứ khác. Ở những vùng không sẵn nước, loại lúa vùng cao hoặc các ngũ cốc khác như kiều mạch, cao lương hoặc kê có thể đem trồng. Thay vì cỏ ba lá hoa trắng, một chi cỏ ba lá khác, cỏ linh lăng, đậu tằm hoặc cây mõm sói có thể thích hợp làm lớp phủ ruộng hơn. Làm nông tự nhiên có tính đặc thù phù hợp với các điều kiện thổ nhưỡng của từng nơi mà nó được áp dụng.

Trong thời kỳ chuyển đổi sang kiểu làm nông này, việc nhổ cỏ, bón phân hay cắt tỉa cành lúc đầu có thể vẫn cần thiết, nhưng các biện pháp này phải giảm đi mỗi năm. Rốt cuộc thì kỹ thuật trồng trọt không phải là yếu tố quan trọng nhất, mà chính là nhận thức của người nông dân.

[12] Lúa giống được gieo tầm 2 ký tới 4 ký cho mỗi nghìn mét vuông. Tới cuối tháng Tư, ông Fukuoka sẽ kiểm tra việc nảy mầm các hạt giống đã gieo hồi mùa thu và vãi thêm các viên đất bọc hạt giống nếu cần.

LÀM NÔNG VỚI RƠM

Việc rải rơm thay vì có thể được coi là không quan trọng, nó lại là điều căn bản trong phương pháp trồng lúa gạo và ngũ cốc mùa đông của tôi. Nó kết nối với tất cả, với độ phì nhiêu của đất, với sự nảy mầm, với cỏ dại, với việc không cho lũ chim sẻ tới phá, với điều tiết nước. Trong thực hành hay trong lý thuyết, việc sử dụng rơm khi làm nông là một vấn đề cốt yếu. Đó là điều mà có vẻ như tôi không tài nào làm cho người ta hiểu được.

▪ Rải Rơm Còn Nguyên Chưa Cắt

Trung tâm thí nghiệm Okayama đang thử trồng lúa gạo gieo hạt trực tiếp trong 80% ruộng thử nghiệm của mình. Khi tôi đề xuất họ nên rải rơm còn nguyên chưa cắt, hẳn họ nghĩ điều đó không thể đúng được, và đã cho tiến hành các vụ thử nghiệm sau khi chặt nhỏ rơm ra bằng máy cắt. Khi tới thăm nơi đó vài năm trước, tôi thấy các thửa ruộng đã được chia ra thành những thửa dùng rơm đã cắt, thửa dùng rơm không cắt và thửa không dùng chút rơm nào. Đó chính xác là những gì tôi đã làm một thời gian dài, và vì rơm không cắt cho kết quả tốt nhất, nên tôi mới chọn sử dụng phương pháp này.

Ông Fujii, một giáo viên dạy ở trường Trung cấp Nông nghiệp Yasuki tại tỉnh Shimane muốn thử việc gieo hạt trực tiếp nên đã đến thăm trang trại của tôi. Tôi đề nghị ông nên rải rơm chưa cắt lên ruộng của mình. Năm sau ông quay lại và báo rằng cuộc thử nghiệm đã thất bại. Sau khi nghe kỹ lời kể của ông ta, tôi phát hiện ra rằng ông ta đã đặt rơm nằm thẳng hàng ngay lối như kiểu phủ vườn sau nhà của người Nhật. Nếu ta làm như thế, các hạt giống sẽ không nảy mầm tốt chút nào. Với rơm của hắc mạch và đại mạch cũng thế, nếu nó được rải quá ngay ngắn, cây mạ của lúa gạo sẽ khó mà xuyên qua. Tốt nhất là rải rơm ra mọi hướng, như thể các nhánh lúa đổ xuống một cách tự nhiên.

Rơm của lúa gạo làm lớp che phủ cho ngũ cốc vụ đông rất tốt, còn rơm của ngũ cốc vụ đông dùng tốt nhất cho lúa gạo. Tôi muốn điều này phải được hiểu cho rõ. Có vài bệnh trên lúa gạo sẽ lây nhiễm cho vụ trồng mới nếu rải rơm tươi lên ruộng. Tuy nhiên, những bệnh trên lúa gạo này sẽ không nhiễm lên ngũ cốc vụ đông, và nếu rơm lúa gạo được rải vào mùa thu, nó sẽ được phân hủy hoàn toàn vào lúc cây lúa trổ mầm mùa xuân năm sau. Rơm tươi của lúa gạo an toàn cho các ngũ cốc khác, cũng giống như rơm kiều mạch vậy, và rơm các loại ngũ cốc khác có thể dùng cho lúa gạo và kiều mạch. Nói chung, rơm tươi của các loại ngũ cốc mùa đông, chẳng hạn như lúa mì, đại mạch và hắc mạch không nên dùng làm lớp phủ cho các loại ngũ cốc mùa đông khác, vì có thể sẽ gây bệnh.

Tất cả rơm rạ và vỏ trấu, còn lại sau khi gặt đập từ vụ thu hoạch trước đó, phải được trả lại cho cánh đồng.

▪ Rơm Làm Màu Mỡ Đất

Việc rải rơm duy trì cấu trúc đất và làm cho đất màu mỡ nên phân ủ sẵn thành ra chẳng cần thiết. Điều này dĩ nhiên có liên quan tới việc không cày xới đất. Ở Nhật chắc mỗi ruộng của tôi là không có cày bừa gì suốt trên hai mươi năm nay, mà mỗi mùa qua đi chất lượng đất lại được cải thiện thêm lên. Tôi ước tính rằng lớp đất bề mặt, giàu chất mùn, đã trở nên màu mỡ với độ dày tới hơn một tấc trong suốt những năm qua. Đây phần lớn là kết quả của việc đưa trở lại đất tất cả những gì đã được trồng trên đồng, trừ phần hạt thu được.

▪ Không Cần Chuẩn Bị Phân Ủ

Không cần phải chuẩn bị phân ủ nữa. Tôi không nói là bạn không còn cần tới phân vi sinh – chỉ là không việc gì phải vất vả để tạo ra nó. Nếu rơm để nằm trên mặt ruộng vào mùa xuân

hoặc mùa thu rồi được phủ lên một lớp mỏng phân gà hay vịt thì chúng sẽ phân hủy hoàn toàn trong sáu tháng.

Để làm phân bằng phương pháp thông thường, người nông dân phải làm việc quần quật dưới ánh mặt trời thiêu đốt, băm nhỏ rơm, chế thêm nước và vôi, đảo đống rồi chuyển ra ruộng. Anh ta tự hành hạ bản thân mình vì nghĩ rằng đó là "cách tốt nhất." Tôi muốn thấy người ta chỉ việc rải rơm, trấu hoặc mùn cưa trên khắp ruộng của họ hơn.

Đi dọc tuyến Tokaido vùng phía tây Nhật Bản, tôi để ý thấy rằng rơm được cắt dối hơn khi tôi lần đầu tiên lên tiếng về việc rải nguyên rơm chưa cắt. Tôi phải khen ngợi những người nông dân này. Nhưng những chuyên gia thời hiện đại vẫn cứ nói rằng tốt nhất là dùng bao nhiêu tạ rơm cho mỗi nghìn mét vuông đất. Sao họ không nói là bỏ tất cả rơm trở lại ruộng cho rồi? Nhìn ra ngoài cửa sổ toa tàu, ta có thể thấy những người nông dân cắt và rải một nửa số rơm, số còn lại thì quăng sang một bên để cho mục rữa dưới mưa.

Nếu mọi nông dân Nhật thống nhất với nhau và bắt đầu trả tất cả rơm về ruộng thì kết quả sẽ là một lượng phân vi sinh khổng lồ được quay về với đất.

▪ Nảy Mầm

Hàng trăm năm nay, nông dân đã rất cẩn trọng trong việc chuẩn bị đất ươm để cây mạ lớn lên khỏe mạnh cứng cáp. Những khoảnh đất nhỏ được chuẩn bị ngăn nắp như thể chúng là bàn thờ gia tiên. Đất được cày xới, cát và tro trấu được rải khắp xung quanh, và người ta gửi lời cầu nguyện cho cây mạ mau lớn.

Thế nên không có gì khó hiểu khi những dân làng quanh đây nghĩ rằng tôi mất trí mất rồi, đi vãi lúa giống trong khi ngũ cốc vụ đông vẫn đang còn trong đồng, với cỏ dại và những mảnh rơm mục vương vãi khắp nơi.

Tất nhiên là hạt giống sẽ nảy mầm tốt khi được gieo trực tiếp trên một cánh đồng cày bừa kỹ càng, nhưng nếu trời mưa và ruộng biến thành bùn thì ta không thể lội xuống và đi khắp đồng được, thế là việc gieo hạt sẽ bị hoãn lại. Về điểm này thì phương pháp không cày xới lại bình an vô sự, chỉ có khó khăn là các con vật nhỏ như chuột chũi, dế, chuột nhắt, và ốc sên rất khoái ăn hạt giống. Đất sét bọc hạt giống thành những viên nhỏ giải quyết được vấn đề này.

Trong việc gieo ngũ cốc mùa đông, phương pháp thường dùng là gieo hạt rồi phủ đất lên. Nếu hạt giống bị phủ đất quá sâu chúng sẽ bị thối. Tôi đã từng dùng cách thả hạt vào những lỗ nhỏ trên đất, hoặc vào những rãnh đất mà không phủ đất lên, nhưng tôi đều thất bại nhiều lần với cả hai phương pháp này.

Gần đây tôi trở nên lười biếng và thay vì tạo rãnh hoặc chọc lỗ trên mặt đất, tôi bọc hạt giống trong những viên đất sét rồi ném chúng thẳng lên ruộng. Việc nảy mầm tốt nhất là ở trên bề mặt, nơi tiếp xúc với ô-xy. Tôi phát hiện ra rằng nơi nào mà những viên đất này được rơm bao phủ thì hạt giống nảy mầm tốt và không bị thối ngay cả trong những năm mưa nhiều.

▪ Rơm Giúp Đối Phó Với Cỏ Dại Và Chim Sẻ

Đúng ra thì một nghìn mét vuông ruộng sẽ cho tầm 4 tạ rơm. Nếu tất cả rơm được rải trở lại trên đồng, bề mặt của nó sẽ được phủ hoàn toàn. Ngay cả giống cỏ khó chịu như cỏ mần trầu, vấn đề khó khăn nhất gặp phải trong phương pháp không cày xới, cũng có thể kiểm soát được.

Chim sẻ cũng khiến cho tôi đau đầu. Việc gieo hạt trực tiếp không thể thành công nếu không có biện pháp hữu hiệu đối phó với lũ chim, và việc gieo hạt trực tiếp chậm phổ biến ở nhiều nơi cũng chỉ vì mỗi lý do này. Nhiều người trong số các bạn có thể đã gặp vấn đề tương tự với lũ chim sẻ, vì thế các bạn sẽ biết ý tôi là gì.

Tôi vẫn nhớ những lần lũ chim theo ngay sau tôi và chén hết ngay số hạt giống mà tôi vừa gieo, trước cả khi tôi kết thúc việc gieo trồng ở bên kia cánh đồng. Tôi đã thử dùng bù nhìn, lưới che và những sợi dây buộc mấy cái can để gây tiếng động đuổi chim, nhưng chẳng mấy

tác dụng. Hoặc giả, nếu một trong những phương pháp này có tác dụng đi chăng nữa, thì hiệu quả của nó cũng không kéo dài nhiều hơn một hoặc hai năm.

Kinh nghiệm bản thân tôi đã chỉ ra rằng bằng việc gieo hạt giống vụ sau khi cây trồng vụ trước vẫn còn trên đồng, sao cho chúng ẩn giữa đám cỏ dại và cỏ ba lá, đồng thời rải lên trên một lớp rơm lúa gạo, hắc mạch hoặc đại mạch ngay khi mùa vụ thu hoạch xong, vấn đề chim sẻ có thể được giải quyết một cách hiệu quả nhất.

Những năm qua, tôi đã mắc nhiều sai sót trong quá trình thử nghiệm và đã gặp đủ loại thất bại. Tôi gần như biết về những điều sai sót có thể xảy ra khi trồng cây nông nghiệp nhiều hơn bất kỳ ai khác ở Nhật. Lần đầu thành công trong việc trồng lúa và ngũ cốc mùa đông bằng phương pháp vô canh, tôi cảm thấy vui sướng như Columbus hẳn đã cảm thấy khi ông tìm ra châu Mỹ.

TRỒNG LÚA TRÊN ĐỒNG CẠN

Vào đầu tháng tám, khi những cây lúa trên ruộng của láng giềng đã cao ngang lưng, thì trên ruộng của tôi, chúng chỉ cao bằng một nửa. Tầm cuối tháng bảy, những người tới thăm ruộng luôn tỏ ra hoài nghi và hỏi: "Tiên sinh Fukuoka à, chỗ lúa này liệu có nên cơm cháo gì không?" "Chắc chứ," tôi trả lời: "Không cần phải lo."

Tôi không chủ ý trồng cho cây mọc nhanh, cao lớn với những cái lá to. Thay vào đó, tôi giữ cho cây càng nhỏ gọn càng tốt. Giữ cho ngọn cây nhỏ, không chăm bón quá mức, và để chúng mọc đúng theo hình dạng tự nhiên của cây lúa.

Thường thì những cây lúa cao 9 tấc hoặc 1 thước 2 ra lá xum xuê và cho cảm tưởng rằng nó sẽ đậu nhiều hạt, nhưng thực ra chỉ các nhánh lá mọc khỏe mà thôi. Sản lượng tinh bột lớn nhưng hiệu quả thì thấp, vì quá nhiều năng lượng được dùng vào việc phát triển thân lá nên chẳng còn bao nhiêu được tích trữ trong các hạt thóc. Lấy ví dụ, nếu những cây lúa cao, quá khổ cho 9 tạ rơm thì sản lượng thóc thu được sẽ tầm 4 tạ rưỡi tới 5 tạ rưỡi. Còn đối với những cây lúa nhỏ, như những cây trên ruộng của tôi thì cứ 9 tạ rơm cho 9 tạ thóc. Vào những lúc mùa màng tốt, sản lượng thóc từ những cây lúa của tôi sẽ đạt tới tầm 1 tấn mốt, nghĩa là, nhiều hơn 20% so với lượng rơm.

Lúa trồng ruộng cạn sẽ không mọc quá cao. Ánh nắng mặt trời được tiếp nhận đồng đều, chạm tới tận gốc và những lá cây phía dưới. Tầm 6 phân vuông lá là đủ sản sinh ra sáu hạt thóc. Chỉ cần ba đến bốn lá nhỏ là quá đủ để cho ra hàng trăm hạt thóc trên mỗi ngọn lúa. Tôi gieo hạt hơi dày, thành ra được tầm 300-360 nhánh lúa cho hạt (24 đến 30 cây) trên mỗi mét vuông ruộng. Nếu bạn có nhiều mạ mà không cố trồng ra những cây lúa lớn, bạn có thể thu được sản lượng lớn chẳng mấy khó khăn. Điều này cũng đúng với lúa mì, hắc mạch, kiều mạch, yến mạch, kê và các loại ngũ cốc khác.

Dĩ nhiên, cách làm thông dụng là giữ nước ngập trong ruộng tầm 5 tới 10 phân suốt cả mùa lúa. Nông dân đã trồng lúa nước từ rất nhiều thế kỷ rồi nên phần lớn tin rằng không thể trồng lúa theo bất kỳ cách nào khác. Những giống lúa canh tác trong "ruộng ướt" sẽ tương đối khỏe nếu được trồng trong ruộng ngập nước, nhưng sẽ không tốt cho cây khi trồng theo cách này. Cây lúa sẽ sinh trưởng tốt nhất khi lượng nước trong đất chiếm khoảng 60 đến 80% khả năng giữ nước tối đa của đất. Khi ruộng không ngập nước, bộ rễ cây sẽ phát triển mạnh mẽ hơn, khi đó, cây sẽ chống chịu tốt hơn trước sự tấn công của bệnh tật và côn trùng.

Lý do chính của việc trồng lúa trong ruộng ngập nước là để kiểm soát cỏ dại, bằng cách tạo ra môi trường mà trong đó chỉ một số ít loại cỏ dại có thể sống được. Tuy nhiên, những loại cỏ sống được thì phải nhổ bằng tay hoặc làm bật gốc bằng dụng cụ làm cỏ cầm tay. Với cách làm truyền thống như thế, công việc sụn lưng và tốn thời gian này cứ phải lặp đi lặp lại mỗi mùa lúa.

Vào tháng sáu, trong suốt mùa mưa, tôi giữ nước trong ruộng tầm một tuần. Ít loài cỏ dại ruộng cạn nào có thể sống sót thậm chí chỉ trong một khoảng thời gian ngắn mà không có ô-xy, và bọn cỏ ba lá cũng héo vàng. Ý tưởng là không diệt cỏ ba lá mà chỉ làm chúng yếu đi để những cây mạ mọc vững trước đã. Khi nước được tháo đi (càng sớm càng tốt), cỏ ba lá sẽ hồi phục và lan ra che phủ bề mặt ruộng, bên dưới những cây lúa đang sinh trưởng. Sau đó thì hầu như tôi không phải làm gì với chuyện điều tiết nước nữa. Vào nửa đầu vụ lúa tôi hoàn toàn không tưới nuớc. Ngay cả những năm ít mưa, đất bên dưới lớp rơm và lớp phân xanh vẫn giữ được độ ẩm. Vào tháng tám, tôi cho nước vào từng ít một nhưng không bao giờ giữ nước ở lại trong ruộng.

Nếu tôi cho một người nông dân xem cây lúa trồng trong ruộng của tôi, ông ta sẽ lập tức biết ngay rằng một cây lúa phải như thế và chúng có một hình dạng lý tưởng. Ông ta sẽ biết rằng lúa giống đã nảy mầm một cách tự nhiên và không phải cấy mạ, rằng cây lúa này không trồng ở nơi nhiều nước, không sử dụng tới phân hoá học. Bất kỳ người nông dân nào cũng có thể phân biệt được như là chuyện đương nhiên, bằng cách nhìn vào hình thức tổng thể của cây lúa, hình dạng rễ và khoảng cách các đốt trên thân lúa. Nếu đã biết hình dạng lý tưởng của nó rồi thì chỉ còn chuyện trồng thế nào cho cây lúa có hình dạng ấy với những điều kiện cụ thể trên chính mảnh ruộng của mình.

Tôi không tán thành với ý kiến của giáo sư Matsushima cho rằng sẽ là tốt nhất khi chiếc lá thứ tư, tính từ ngọn cây lúa xuống, dài nhất. Có những khi chiếc lá thứ hai hoặc thứ ba dài nhất thì ta có được kết quả tốt nhất. Nếu sự sinh trưởng được kìm lại trong lúc cây lúa còn non thì lá trên cùng hay lá thứ hai thường trở nên dài nhất, mà vẫn được mùa lớn.

Lý thuyết của giáo sư Matsushima có được từ những vụ thử nghiệm sử dụng các giống lúa yếu ớt được trồng với phân bón trong đất ươm rồi sau đó mang đi cấy. Lúa của tôi thì khác, chúng được trồng theo chu kỳ sống tự nhiên của cây lúa, như thể chúng đang mọc hoang vậy. Tôi kiên nhẫn chờ đợi cho lúa phát triển và chín theo nhịp độ riêng của nó.

Những năm gần đây, tôi đang thử phát triển một giống lúa nếp cổ từ miền Nam. Mỗi hạt giống, được gieo vào mùa thu, cho ra trung bình 12 nhánh với khoảng 250 hạt mỗi nhánh. Tôi tin rằng với giống lúa này, một ngày nào đó tôi có thể gặt hái được sản lượng gần chạm tới ngưỡng tối đa về mặt lý thuyết có thể có, căn cứ trên năng lượng mặt trời đổ xuống cánh đồng. Tại một số khoảnh trong các thửa ruộng của tôi, với giống lúa này, sản lượng thu hoạch 27 giạ rưỡi (7 tạ rưỡi) lúa trên mỗi nghìn mét vuông đã thành hiện thực.

Nhìn dưới con mắt hoài nghi của kỹ thuật gia, phương pháp trồng lúa của tôi có thể được bảo là ngắn hạn hoặc chỉ cho kết quả tạm thời. "Nếu việc thử nghiệm tiếp tục tiến hành lâu hơn nữa thì một vài vấn đề nào đó nhất định sẽ nảy sinh," ông ta có thể nói vậy. Nhưng mà, tôi đã trồng lúa theo cách này đã được trên hai mươi năm. Mỗi năm trôi qua, sản lượng vẫn tiếp tục tăng và đất ngày càng trở nên màu mỡ.

CÂY ĂN QUẢ

Tôi cũng trồng nhiều giống cam quýt trên những sườn đồi gần nhà. Sau chiến tranh, khi khởi nghiệp làm nông, tôi bắt đầu với 7.000 mét vuông trồng cam quýt và 1.500 mét vuông ruộng trồng lúa. Giờ thì chỉ diện tích trồng cam quýt không thôi cũng đã lên tới trên 50 nghìn mét vuông. Tôi có số đất này nhờ tiếp quản các sườn đồi bị bỏ hoang ở xung quanh. Rồi tôi phát quang chúng bằng tay.

Những cây thông trên một số sườn dốc này đã bị chặt trụi vài năm trước đó. Tất cả những gì tôi làm là đào các lỗ theo đường vòng quanh đồi và trồng những cây cam quýt giống. Các chồi cây đã nhú từ những gốc cây bị đốn và với thời gian, cỏ lau Nhật, cỏ tranh, và dương xỉ bắt đầu phát triển mạnh. Các cây cam giống lọt thỏm trong đám cây cối rối rắm đó.

Tôi cắt đi phần lớn các mầm thông, nhưng vẫn cho một số mọc trở lại để chắn gió. Rồi tôi phạt đi những bụi cây và đám cỏ che kín mặt đất và trồng cỏ ba lá lên đó.

Sau sáu hoặc bảy năm những cây cam quýt cuối cùng cũng ra quả. Tôi đào đất phía sau những cái cây để tạo thành các ụ đất cao[13]. Bây giờ khu vườn trông có hơi khác so với bất kỳ khu vườn nào khác.

Tất nhiên là tôi vẫn giữ những nguyên tắc không cuốc xới, không dùng phân bón hoá học, không dùng thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ. Một điều thú vị là, lúc đầu, trong khi cây con còn đang phát triển dưới bóng những cây rừng mọc lại, thì không hề có dấu hiệu của sâu bọ phá hoại, chẳng hạn như bọn rệp đầu mũi tên hay gặp. Một khi những cây bụi và cây lớn mọc lại đã bị chặt hết, đất trở nên bớt hoang dã và trông giống một khu vườn hơn, chỉ khi đó thì bọn côn trùng này mới xuất hiện.

Để cho cây ăn quả phát triển theo hình dáng tự nhiên của nó ngay từ đầu là tốt nhất. Cây này sẽ ra trái hàng năm và không cần được cắt tỉa. Một cây cam thì cũng phát triển hình dáng giống như một cây tuyết tùng hoặc một cây thông, tức là, một thân chính duy nhất mọc thẳng lên cùng với những cành nhánh đâm ra so le. Dĩ nhiên tất cả các giống cam quýt không sinh trưởng tới chính xác cùng một kích thước và hình dáng. Giống Hassaku và Shaddock vươn rất cao, giống quýt Unshu mùa đông thì lùn và bè bè, các giống quýt Satsuma trước đây lúc trưởng thành thì nhỏ bé, nhưng chúng đều có một thân chính duy nhất.

▪ Không Giết Những Loài Thiên Địch

Tôi nghĩ ai cũng biết rằng những con "sâu hại" thường thấy nhất trong các vườn cây, như rệp đỏ và bọ sáp có sừng, đều có kẻ thù tự nhiên, nên không cần phải dùng thuốc trừ sâu để kiểm soát chúng. Có một thời, loại thuốc trừ sâu Fusol được dùng ở Nhật Bản. Các loại thiên địch bị tiêu diệt hoàn toàn và hậu quả vẫn còn cho đến giờ ở nhiều tỉnh trong cả nước. Từ kinh nghiệm này, tôi nghĩ phần lớn nông dân đã nhận ra rằng không nên diệt bỏ các con thiên địch bởi lẽ về lâu về dài, thiệt hại lớn hơn do lũ côn trùng phá hoại là điều không thể tránh khỏi.

Khi bọn ve và rệp xuất hiện thật, nếu dùng dung dịch dầu máy, loại hoá chất gần như vô hại đối với bọn thiên địch, được pha loãng 200 tới 400 lần để phun nhẹ vào tầm giữa hè, rồi sau đó để cho quần thể côn trùng tự đạt tới trạng thái cân bằng tự nhiên thì nói chung vấn đề này sẽ tự được giải quyết. Việc này sẽ không có tác dụng nếu đã sử dụng một loại thuốc trừ sâu gốc phốt-pho hữu cơ vào tháng sáu hoặc tháng bảy, vì bọn thiên địch cũng bị hoá chất này giết chết.

[13] Có lẽ ông Fukuoka đắp ụ đất cao với dụng ý giữ nước và để chất mùn hữu cơ không bị trôi đi (ND)

Tôi không có ý cổ vũ việc sử dụng cái gọi là dung dịch phun "hữu cơ" vô hại chẳng hạn như dung dịch muối – tỏi hoặc dung dịch dầu máy, cũng không phải là tôi thích thú với việc đưa những loài thiên địch lạ vào vườn cây để kiểm soát các con côn trùng gây hại. Những cái cây bị suy yếu và bị tấn công bởi côn trùng tới mức chúng sẽ lệch lạc khỏi hình dáng tự nhiên. Nếu cây sinh trưởng theo một kiểu phi tự nhiên và bị bỏ mặc trong trạng thái đó, các nhánh cây sẽ đan rối vào nhau và kết quả là bị côn trùng phá hoại. Từ đầu, tôi đã kể là tôi đã làm chết sạch nhiều mẫu cam quýt theo cách này như thế nào rồi.

Dầu sao thì, nếu cây cối dần được điều chỉnh, chúng sẽ trở lại ít nhất là gần giống với hình dáng tự nhiên của chúng. Cây sẽ khỏe hơn và các biện pháp kiểm soát côn trùng sẽ trở nên không cần thiết. Nếu một cái cây được trồng cẩn thận và cho mọc theo hình dáng tự nhiên ngay từ đầu, thì sẽ không cần phải xén tỉa hay phun thuốc gì hết. Phần lớn những cây giống đều bị cắt tỉa từ trước hoặc bộ rễ của chúng bị hư hại tại vườn ươm trước khi được đánh ra trồng ở vườn, nên việc cắt tỉa ngay từ đầu là cần thiết.

Nhằm cải thiện đất vườn, tôi đã thử trồng nhiều giống cây khác nhau. Trong số đó có cây keo Morishima. Loại cây này sinh trưởng suốt cả năm, mùa nào cũng đâm chồi mới. Những con rệp, sống nhờ những cái chồi này, bắt đầu sinh sôi nảy nở nhiều. Bọn bọ rùa đỏ thì ăn rệp và chẳng mấy chốc chúng cũng bắt đầu tăng số lượng. Sau khi xử hết chỗ rệp, chúng leo xuống những cây cam và bắt đầu xơi những con côn trùng khác như ve, rệp đầu mũi tên và rệp sáp bông.

Trồng cây ăn quả mà không cần tỉa cành, bón phân hoặc phun xịt hoá chất thì chỉ khả dĩ trong phạm vi một môi trường tự nhiên.

ĐẤT VƯỜN

Không cần nói cũng biết rằng việc cải thiện đất là mối quan tâm cơ bản trong chăm sóc vườn cây. Nếu dùng phân hoá học cây cối sẽ sinh trưởng cao lớn hơn, nhưng năm này qua năm khác đất sẽ trở nên cằn cỗi. Phân bón hoá học sẽ hút kiệt sức sống của đất. Ngay cả nếu chỉ dùng cho một thế hệ thôi, đất cũng sẽ phải chịu tổn thất đáng kể.

Trong làm nông không có con đường nào khôn ngoan hơn con đường cải thiện đất một cách tổng thể. Cách đây hai mươi năm, bề mặt của ngọn núi này chỉ là đất sét đỏ trơ trọi, cứng đến nỗi không thể cắm xẻng vào được. Phần lớn đất quanh đây lúc đó là như thế. Người ta trồng khoai tây cho đến khi đất cạn kiệt và rồi bỏ hoang chúng. Có thể nói rằng, không phải chỉ trồng cam và rau xanh, mà đúng ra tôi cũng đã giúp phục hồi độ màu mỡ của đất ở đây.

Chúng ta hãy nói về việc tôi đã phục hồi những sườn núi cằn cỗi này như thế nào. Sau chiến tranh, kỹ thuật cày xới vườn cam và đào những cái hố chôn chất hữu cơ được khuyến khích. Khi quay về từ trung tâm thí nghiệm, tôi đã thử làm như thế trong chính vườn của mình. Sau vài năm tôi đi đến kết luận rằng phương pháp này không chỉ tốn sức, mà xét về mặt cải tạo đất, là hoàn toàn vô dụng.

Lúc đầu, tôi chôn rơm và dương xỉ mang từ trên núi xuống. Vác những lô nặng tới 40 cân hoặc hơn quả là việc nặng nhọc, nhưng sau hai hay ba năm, thậm chí vẫn không có đủ mùn để vun vừa lòng bàn tay tôi. Những cái hào tôi đào để chôn chất hữu cơ sụp xuống và trở thành những cái hầm lộ thiên.

Tiếp đó, tôi đã thử chôn củi gỗ. Có lẽ rơm là nhân tố hỗ trợ tốt nhất cho việc cải thiện đất, nhưng xét từ lượng đất thịt được hình thành, thì gỗ tốt hơn. Sẽ ổn cả chừng nào vẫn còn cây để chặt. Tuy nhiên, với những ai không có cây gần quanh đó, tốt hơn là trồng cây lấy gỗ ngay trong vườn còn hơn là phải đi mang chúng từ xa về.

Trong vườn của tôi có thông, tuyết tùng, vài cây lê, hồng vàng, sơn trà, sơ-ri Nhật và nhiều loài cây bản địa khác mọc xen giữa những cây cam quýt. Một trong những giống cây thú vị nhất, dù chẳng phải cây bản địa, là cây keo Morishima. Nó vẫn là loại cây mà tôi đã đề cập lúc trước trong mối tương quan với bọn bọ rùa và việc bảo vệ những con thiên địch. Gỗ của nó chắc, hoa thu hút ong tới còn lá thì dùng làm thức ăn gia súc tốt. Nó giúp phòng tránh côn trùng phá hoại trong vườn, đóng vai trò chắn gió và loại vi khuẩn rhizobium sống trong rễ của nó làm màu mỡ thêm cho đất.

Cây này được du nhập từ Úc cách đây vài năm và mọc nhanh hơn bất kỳ cây nào tôi từng thấy. Chỉ vài tháng là rễ nó đã đâm rất sâu, sau sáu đến bảy năm, nó đã cao như một cái cột điện thoại. Thêm nữa, cây này còn có khả năng cố định đạm, bởi vậy nếu 6 đến 10 cây được trồng trên một nghìn mét vuông, đất có thể được cải thiện tới tận tầng sâu mà chẳng cần phải sụn lưng vác gỗ từ trên núi xuống.

Đối với lớp đất bề mặt, tôi trộn cỏ ba lá hoa trắng và cỏ linh lăng gieo lên mặt đất cằn cỗi. Cũng phải mất vài năm để chúng bám trụ được, nhưng cuối cùng thì chúng cũng trổ lên và che phủ khắp các sườn đồi. Tôi cũng trồng cả củ cải Nhật *(daikon)*. Rễ của loại rau kiên cường này đâm sâu vào đất, bổ sung chất hữu cơ và mở các kênh dẫn cho không khí và nước lưu thông. Nó tự gieo hạt một cách dễ dàng và sau chỉ một lần gieo hạt thôi là ta có thể quên luôn cũng được.

Khi đất trở nên màu mỡ hơn, cỏ dại bắt đầu tìm đường trở lại. Sau bảy hoặc tám năm, đám cỏ ba lá hoa trắng gần như biến mất giữa đám cỏ dại, bởi vậy tôi ném thêm một ít hạt cỏ ba lá vào cuối hè sau khi phát bớt cỏ dại. Thành quả của lớp phủ dày gồm cỏ dại/cỏ ba lá này là lớp

đất bề mặt của vườn cây, trong vòng hơn 25 năm qua, từ chỗ từng là đất sét đỏ khô cứng, giờ đã trở nên tơi, sậm màu và thừa thãi giun đất với chất hữu cơ.

Với lớp phân xanh làm màu mỡ lớp đất thịt phía trên và rễ của những cây keo Morishima cải thiện lớp đất sâu bên dưới, ta có thể thoải mái trồng trọt mà không cần phân bón và cũng không cần phải cày xới đất trống giữa những cây trồng trong vườn. Với những cây gỗ cao dùng để chắn gió, những cây cam quýt ở giữa và lớp phân xanh phủ phía dưới, tôi đã tìm ra một cách để khỏi phải bận tâm và để mặc vườn cây tự lo cho nó.

TRỒNG RAU NHƯ KIỂU CÂY MỌC HOANG

Tiếp theo, chúng ta hãy nói về chuyện trồng rau. Người ta có thể hoặc là dùng vườn sau nhà để cung cấp rau ăn hàng ngày cho cả gia đình hoặc là trồng rau trên đất trống, không ai sử dụng tới.

Đối với vườn nhà, ta nên trồng đúng loại rau vào đúng thời điểm, với đất trồng được chuẩn bị sẵn với phân trộn hữu cơ và phân chuồng, thế là đủ. Phương pháp trồng rau để sử dụng tại gia thời Nhật xưa rất hòa hợp với 'kiểu cách tự nhiên của đời sống'[14]. Trẻ con nô đùa dưới tán cây ăn quả ở sân sau nhà. Lũ lợn ăn đồ thừa từ nhà bếp và rễ củ ủi được đâu đó trong đất. Chó sủa và đùa giỡn còn người nông dân thì gieo hạt trên đất màu mỡ. Sâu và côn trùng sinh trưởng cùng với đám rau; bọn gà mổ sâu và đẻ ra những cái trứng cho trẻ con ăn.

Một gia đình nông thôn Nhật điển hình trồng rau theo cách đó cho tới thời điểm cách đây chưa đến hai mươi năm.

Bệnh trên cây được ngăn ngừa bằng việc trồng loại cây truyền thống vào đúng thời điểm, giữ cho đất khỏe mạnh bằng cách trả lại nó tất cả những chất hữu cơ dư thừa và luân canh cây trồng. Lũ côn trùng gây hại thì được bắt bằng tay, hoặc bị lũ gà xơi. Ở miền nam Shikoku có một giống gà ăn sâu bọ trên rau mà không bới rễ hoặc làm nát cây rau.

Một số người lúc đầu có thể hoài nghi về việc dùng phân chuồng và phân bắc, họ nghĩ như thế là cổ lỗ và bẩn thỉu. Ngày nay, người ta muốn rau "sạch," vậy nên nông dân trồng rau trong các nhà kính hoàn toàn không dùng tới đất. Trồng trên sỏi, trồng trên cát và thủy canh đang trở nên ngày càng thông dụng hơn. Rau được trồng với các dưỡng chất hoá học và bằng ánh sáng được lọc qua lớp che bằng nhựa vinyl. Thật lạ là người ta nghĩ rau trồng kiểu hoá học này là "sạch" và an toàn để ăn vào người. Những thực phẩm được trồng trong đất, cân bằng nhờ vào hoạt động của giun, các vi sinh vật và phân chuồng phân hủy mới là sạch nhất và lành mạnh nhất trong tất cả các loại.

Trong việc trồng rau theo cách "bán hoang dã," tận dụng khoảnh đất trống, bờ sông hoặc bãi đất bỏ không, ý tưởng của tôi là chỉ vãi hạt giống ra rồi để rau mọc lên cùng với cỏ dại. Tôi đã trồng rau trên sườn núi, tận dụng các khoảng trống giữa những cây cam quýt.

Điều quan trọng là biết trồng rau đúng thời điểm. Với các loại rau vụ xuân, thời điểm tốt nhất là khi cỏ dại mùa đông đang úa dần và ngay trước khi cỏ dại mùa hè kịp nảy mầm[15]. Đối với vụ thu, hạt giống cần phải vãi ra khi cỏ mùa hè đang lụi tàn và lũ cỏ dại mùa đông còn chưa xuất đầu lộ diện.

Tốt nhất là chờ cho mưa rơi xuống, nó có khả năng kéo dài vài ngày. Cắt một vạt cỏ đang phủ kín mặt đất rồi rắc hạt giống rau lên. Không cần phải lấy đất phủ lên; chỉ cần đặt lớp cỏ vừa cắt phủ lên hạt giống để che chắn và để lũ chim gà khỏi ăn, cho tới khi chúng có thể nảy mầm. Thông thường, cỏ dại phải được cắt đi hai hoặc ba lần để cho những cây rau con có một khởi đầu vững chắc đã, nhưng đôi khi chỉ cần một lần cắt cỏ là đủ.

---

[14] Nguyên văn: 'natural way of life'

[15] Phương pháp trồng rau này được ông Fukuoka phát triển bằng phương pháp thử sai, tương thích với điều kiện địa phương. Nơi ông sống có mưa ổn định vào mùa xuân, với khí hậu ấm vừa đủ để trồng rau tất cả các mùa. Qua nhiều năm, ông đã đi đến chỗ biết được rau nào có thể trồng giữa những loại cỏ nào và cách chăm sóc từng loại.

Ở phần lớn vùng Bắc Mỹ, phương pháp trồng rau cụ thể mà ông Fukuoka sử dụng có thể không áp dụng được. Mỗi người nông dân khi trồng rau theo kiểu "bán hoang dã" sẽ phát triển một kỹ thuật phù hợp với vùng đất và cây cỏ tự nhiên nơi đó.

Ở những nơi cỏ dại và cỏ ba lá không quá dày, ta có thể đơn giản vãi hạt ra là được. Lũ gà sẽ xơi một ít, nhưng nhiều hạt khác sẽ nảy mầm. Nếu ta trồng theo hàng hoặc theo rãnh, có khả năng bọn bọ cánh cứng hay những con côn trùng khác sẽ xơi tái mất nhiều hạt giống. Chúng đi theo đường thẳng. Lũ gà cũng sẽ nhìn thấy chỗ đất quang và tới bới tìm. Theo kinh nghiệm của tôi tốt nhất là hãy rải hạt mỗi chỗ một ít.

Rau được trồng theo cách này mạnh mẽ hơn phần đông chúng ta tưởng. Nếu mọc trước cỏ dại, chúng sẽ không bị lấn át về sau. Có một số loại rau như rau chân vịt và cà rốt không dễ nảy mầm. Ngâm những hạt giống này trong nước một đến hai ngày, rồi bọc chúng trong viên đất sét nhỏ là vấn đề được giải quyết.

Nếu gieo hơi dày một chút, củ cải Nhật, củ cải thường và nhiều loại rau ăn lá mùa thu sẽ đủ mạnh để chống chọi lại với cỏ dại mùa đông và cỏ dại đầu mùa xuân. Luôn có một số cây rau không bị thu hoạch, hạt của chúng tự mọc lên hết năm này qua năm khác. Chúng có một hương vị đặc biệt và ăn sẽ rất thú vị.

Thật là cảnh tượng kỳ diệu khi thấy nhiều loại rau lạ sinh sôi nảy nở đây đó ở trên núi. Các loại củ cải thường sinh trưởng nửa trong đất, nửa trên mặt đất. Cà rốt và ngưu bàng thường mọc thấp và mập với nhiều rễ con. Tôi tin rằng vị chát hơi hăng của những giống cây này là thừa hưởng từ tổ tiên hoang dã ban đầu của chúng. Tỏi, hành Nhật và tỏi Tàu một khi được trồng sẽ tự mọc lên năm này qua năm khác.

Thời điểm gieo trồng những cây họ đậu tốt nhất là vào mùa xuân. Đậu đũa và đậu thận thì dễ trồng và cho sản lượng cao. Trong việc trồng đậu Hà Lan, đậu đỏ *azuki*, đậu nành, đậu pinto và đậu thận thì việc cho hạt nảy mầm trước là yếu tố quyết định. Chúng sẽ rất khó mà nảy mầm nếu không có đủ mưa, và ta còn phải trông chừng lũ chim và bọn côn trùng nữa.

Cà chua và cà tím khi còn non không đủ mạnh để cạnh tranh với cỏ dại, vì thế cần phải trồng ở vườn ươm trước rồi mới bứng đi trồng. Thay vì cắm cọc đỡ cây thẳng lên, cứ để cho cà chua bò trên mặt đất. Rễ cây sẽ đâm xuống từ các đốt trên thân chính, những chồi mới sẽ nhú lên và cho trái.

Đối với dưa chuột, giống bò-trên-mặt-đất là tốt hơn cả. Ta sẽ phải chăm lo cho những cây non, thi thoảng cắt cỏ dại, nhưng sau đó chúng sẽ mọc khỏe. Đặt tre hoặc các cành cây trên đất, bọn dưa chuột sẽ leo bám phủ kín chúng. Những cành cây đó sẽ giữ cho quả dưa chuột không chạm mặt đất, tránh cho nó không bị thối.

Phương pháp trồng dưa chuột này cũng dùng được cho các loại dưa và bí.

Khoai tây và khoai sọ là những loại cây rất khỏe. Một khi đã trồng, năm nào chúng cũng sẽ lên đúng chỗ đó và không bao giờ bị cỏ dại lấn át. Chỉ việc bỏ lại một vài củ trong đất khi ta thu hoạch. Nếu đất cứng thì hãy trồng củ cải Nhật trước. Khi rễ cây phát triển, chúng sẽ làm đất xốp và mềm, và sau ít mùa thì có thể trồng khoai tây ở chỗ đó.

Tôi phát hiện thấy cỏ ba lá hoa trắng có lợi trong việc ngăn chặn cỏ dại. Chúng mọc ken dày và có thể bóp chết những thứ cỏ dại khỏe như ngải cứu và cỏ mần trầu. Nếu cỏ ba lá được gieo trộn lẫn với hạt giống rau, nó sẽ có tác dụng như một lớp che phủ sống, làm màu mỡ cho đất, giữ đất ẩm và tơi xốp.

Cũng như với các loại rau, điều quan trọng là chọn đúng thời điểm để gieo hạt cỏ ba lá. Cuối hè hoặc vào mùa thu là thời điểm tốt nhất; bộ rễ của chúng sẽ phát triển trong suốt những tháng lạnh lẽo, tạo đà cho cỏ ba lá vượt qua được các loại cỏ mùa xuân. Cỏ ba lá cũng mọc tốt nếu gieo sớm vào mùa xuân. Vãi hạt hoặc trồng thành hàng cách nhau khoảng tầm 3 tấc là ổn. Một khi cỏ ba lá đã trụ vững được, ta sẽ không cần gieo lại nó trong vòng năm hay sáu năm.

Mục đích chính của việc trồng rau "bán hoang dã" này là để trồng hoa màu càng tự nhiên càng tốt trên đất mà nếu không canh tác thì sẽ bị bỏ không. Nếu ta cố tình sử dụng các kỹ thuật tiên tiến hoặc cố để có được sản lượng lớn hơn, những nỗ lực ấy sẽ kết thúc trong thất bại. Trong hầu hết các trường hợp, thất bại này sẽ có nguyên nhân do sâu bệnh. Nếu các loại

thảo dược và rau được trộn lẫn với nhau[16] và trồng cùng đám cây cối tự nhiên, thiệt hại do sâu bệnh sẽ được giảm thiểu mà không cần sử dụng tới thuốc phun xịt hoặc phải bắt sâu bằng tay nữa.

Ta có thể trồng rau ở bất kỳ nơi nào có cỏ dại mọc khỏe và đa dạng. Quan trọng là phải quen thuộc với chu kỳ hàng năm và kiểu sinh trưởng của các loại cỏ dại đó. Bằng cách quan sát chủng loại và kích cỡ của cỏ dại ở một vùng, ta có thể biết kiểu đất ở đó là gì và liệu có thiếu hụt một loại dưỡng chất nào không.

Trong vườn cây ăn trái, tôi trồng ngưu bàng, bắp cải, cà chua, cà rốt, mù tạt, các loại đậu, củ cải, nhiều loại thảo dược và rau củ khác cũng bằng phương pháp bán hoang dã này.

[16] Trộn hạt trước khi gieo (ND)

NHỮNG ĐIỀU KIỆN CHO VIỆC TỪ BỎ HOÁ CHẤT

Ngày nay, việc trồng lúa gạo của Nhật Bản đang đứng trước một ngả rẽ quan trọng. Nông dân và các chuyên gia đều bối rối không biết phải theo con đường nào – tiếp tục kiểu cấy lúa hay chuyển sang cách gieo hạt trực tiếp. Nếu theo kiểu sau thì chọn canh tác hay vô canh. Tôi đã nói suốt hai mươi năm qua là kiểu gieo hạt trực tiếp và vô canh cuối cùng sẽ chứng tỏ nó là phương pháp tốt nhất. Ở tỉnh Okayama, tốc độ mà phương pháp này đã lan truyền khiến người ta phải mở to mắt.

Tuy nhiên, nhiều người bảo việc dựa vào nền nông nghiệp phi hoá chất để cung cấp thực phẩm cho cả nước là điều không thể tưởng tượng được. Họ nói các biện pháp hoá học phải được sử dụng để kiểm soát ba bệnh lớn trên cây lúa – thối gốc, đạo ôn và bạc lá. Nhưng nếu nông dân ngừng sử dụng các "giống cải tiến" yếu đuối, dừng việc bổ sung quá nhiều đạm cho đất và giảm lượng nước tưới để cho bộ rễ phát triển khỏe mạnh thì tất cả các bệnh kể trên sẽ biến mất và việc phun xịt hoá chất sẽ trở nên không cần thiết.

Lúc đầu, đất sét đỏ trong ruộng của tôi nghèo và không thích hợp cho trồng lúa. Bệnh tiêm đọt sần[17] xảy ra thường xuyên. Nhưng khi đất ruộng tăng dần độ màu mỡ, tỷ lệ mắc phải bệnh này giảm hẳn. Thời gian gần đây không còn thấy bùng phát nữa.

Với thiệt hại do sâu bọ thì tình huống cũng như vậy. Điều quan trọng nhất là không được giết các con thiên địch. Duy trì nước thường xuyên trong ruộng hoặc tưới nước tù đọng hay ô nhiễm vào ruộng cũng sẽ gặp vấn đề côn trùng phá hoại. Những loại côn trùng gây hại phiền toái nhất, những con rầy vào mùa xuân và mùa thu, có thể nằm trong tầm kiểm soát nhờ vào việc không cho nước vào ruộng.

Rầy xanh đuôi đen trên lúa, sống trong đám cỏ dại suốt cả mùa đông, có thể trở thành một vật chủ chứa vi-rút gây bệnh đạo ôn. Nếu điều này xảy ra thì hậu quả thường sẽ là mất từ mười đến hai mươi phần trăm sản lượng do bệnh đạo ôn. Tuy nhiên, nếu không phun xịt thuốc hoá học, sẽ có nhiều nhện hiện diện trong ruộng, và nói chung là ta có thể nhường phần việc này cho chúng. Những con nhện rất nhạy cảm với sự can thiệp dù là nhỏ nhất của con người, vì thế luôn luôn phải cẩn trọng khi tính tới chuyện này.

Hầu hết mọi người nghĩ rằng nếu không dùng phân bón hoá học và thuốc trừ sâu thì sản lượng nông nghiệp sẽ sụt giảm một phần mười so với mức hiện tại. Các chuyên gia về côn trùng gây hại dự đoán thiệt hại trong năm đầu tiên sau khi không dùng tới thuốc trừ sâu sẽ vào khoảng năm phần trăm. Sụt giảm năm phần trăm nữa do không dùng phân bón hoá học chắc hẳn sẽ không phải là dự đoán sai gì cho lắm.

Nghĩa là, nếu việc sử dụng nước trong ruộng lúa bị cắt giảm, phân bón hoá học và thuốc trừ sâu, được cổ vũ bởi Hiệp hội Hợp tác xã nông nghiệp, mà bị bỏ đi, thì thiệt hại trung bình trong năm đầu tiên sẽ khoảng mười phần trăm. Nhưng năng lực hồi phục của tự nhiên là tuyệt vời ngoài sức tưởng tượng. Tôi tin rằng sản lượng thu hoạch sẽ tăng lên và cuối cùng sẽ vượt qua mức ban đầu.

---

[17] Bệnh tiêm đọt sần còn gọi là bệnh tuyến trùng. Cây bệnh có thể bị lùn, phiến lá đọt có những vết trắng do lá mất diệp lục, rõ nét nhất là ở phần chân phiến lá. Lá đọt càng non triệu chứng càng rõ, có khi cả phiến lá hay phần lớn phiến lá bị trắng hoàn toàn, lá yếu ớt, ngọn lá bị rũ xuống, nên nông dân còn gọi là bệnh tiêm đọt nhiễu.

Ở giai đoạn trổ, bệnh rất dễ phát hiện. Lá bị biến dạng, xoắn, nhất là lá cờ. Gié bên trong cũng bị biến dạng, rõ nhất ở phần chân của gié. Chồi bệnh có thể nhảy nhánh thân. Bẹ lá và các lóng trên của thân có thể có màu nâu tối (ND).

Khi còn làm ở Trạm Kiểm nghiệm Kochi, tôi đã thực hiện các thí nghiệm ngăn ngừa sâu đục thân. Những con côn trùng này chui vào sống nhờ trong thân cây lúa, làm nhánh lúa chuyển sang màu trắng và héo đi. Phương pháp dùng để ước tính thiệt hại rất đơn giản: ta đếm xem có bao nhiêu nhánh lúa màu trắng. Trong một trăm cây thì mười đến hai mươi phần trăm các nhánh lúa có thể bị trắng. Trong những trường hợp nghiêm trọng, khi mà trông có vẻ như cả mùa vụ đã bị hủy hoại, thì thiệt hại thật sự là tầm ba mươi phần trăm.

Để thử xem có tránh được thiệt hại này không, một thửa ruộng trồng lúa được phun thuốc trừ sâu để tiêu diệt sâu đục thân; một thửa ruộng khác thì không làm gì cả. Khi tính toán kết quả thì hoá ra là thửa ruộng không xử lý gì với nhiều nhánh lúa bị héo lại cho sản lượng cao hơn. Đầu tiên, bản thân tôi cũng không tin được chuyện như thế và nghĩ rằng đấy là một sai số thí nghiệm. Dầu sao thì số liệu dường như là chính xác, thế nên tôi tiếp tục điều tra.

Thực tế là, bằng việc tấn công các cây yếu hơn, bọn sâu đục thân đã tạo ra đại loại một hiệu ứng tỉa bớt. Một số nhánh lúa héo đi để lại nhiều khoảng trống hơn cho các cây lúa còn lại. Ánh sáng mặt trời vì thế có thể thâm nhập tới những cái lá dưới thấp. Kết quả là các cây lúa còn lại sẽ mọc khỏe hơn, đâm ra nhiều nhánh lúa cho hạt hơn, và sản sinh nhiều hạt trên một bông lúa hơn là khi không bị tỉa bớt đi. Khi mật độ các nhánh lúa quá lớn và bọn côn trùng không tỉa bớt phần thừa ra, thì cây lúa trông vẫn khá khỏe mạnh, nhưng trong nhiều trường hợp, sản lượng thu hoạch thực tế lại thấp hơn.

Nhìn vào nhiều báo cáo từ các trung tâm nghiên cứu kiểm nghiệm, ta có thể thấy kết quả được ghi chép lại từ việc sử dụng gần như mọi loại hoá chất phun xịt. Tuy thế, thường thì người ta không nhận ra rằng chỉ một nửa trong số các kết quả này được đem ra báo cáo. Tất nhiên ở đây không có chuyện cố tình che giấu gì, nhưng khi các kết quả được công bố bởi các công ty hoá chất, như trong các mẩu quảng cáo, thì gần như những số liệu còn có mâu thuẫn đã bị lấp liếm đi. Các kết quả mà cho thấy sản lượng thấp, như trong thí nghiệm với sâu đục thân, được đánh dấu như là những sai số thí nghiệm và bị loại bỏ. Dĩ nhiên là có những trường hợp trong đó việc diệt côn trùng đem lại sản lượng tăng, nhưng cũng có những trường hợp sản lượng suy giảm. Những báo cáo về sản lượng thấp hiếm khi được công bố.

Trong số các hoá chất sử dụng trong nông nghiệp, thuốc diệt cỏ có lẽ là loại khó thuyết phục nông dân đừng sử dụng nhất. Từ thời xưa, người nông dân đã phải khổ sở trong "trận chiến với cỏ dại." Cày đất, cuốc xới giữa các hàng lúa, bản thân nghi thức cấy lúa, tất cả chủ yếu đều nhắm tới việc loại trừ cỏ dại. Trước khi có thuốc diệt cỏ, mỗi mùa vụ, người nông dân sẽ phải lội nhiều cây số trên các đồng lúa ngập nước, đẩy một dụng cụ nhổ cỏ ngược xuôi các hàng lúa và thậm chí phải nhổ cỏ bằng tay. Vì thế thật dễ hiểu khi những hoá chất này lại được đón nhận như món quà trời ban. Với việc sử dụng rơm, cỏ ba lá và chỉ đưa nước vào ruộng tạm thời, tôi đã tìm ra một cách đơn giản để chế ngự cỏ dại mà không cần phải vất vả bỏ công làm cỏ hay sử dụng tới hoá chất nữa.

CÁC HẠN CHẾ CỦA PHƯƠNG PHÁP KHOA HỌC

Các nhà nghiên cứu nên trở thành triết gia trước khi trở thành nhà nghiên cứu. Họ nên xem xét đâu là mục tiêu của con người, đâu là thứ mà nhân loại nên tạo ra. Các bác sĩ trước hết cần xác định, ở mức độ căn bản, đâu là thứ mà con người dựa vào để sống.

Bằng việc áp dụng các lý thuyết của mình vào làm nông, tôi đã thử nghiệm trồng các mùa vụ của mình theo nhiều cách khác nhau, luôn luôn với ý tưởng phát triển được một phương pháp gần với tự nhiên. Tôi đã làm được điều này bằng cách bỏ đi những "kỹ thuật nông nghiệp" không cần thiết.

Nông nghiệp theo khoa học hiện đại thì trái lại, không có tầm nhìn như vậy. Việc nghiên cứu lan man vô mục đích khiến mỗi nhà nghiên cứu chỉ nhìn thấy một phần trong vô vàn các yếu tố tự nhiên tác động lên sản lượng thu hoạch. Hơn nữa, những yếu tố tự nhiên này biến đổi tuỳ theo nơi chốn và thời gian.

Cho dù là cùng một khoảnh đất một nghìn mét vuông đó, người nông dân phải trồng cây mùa vụ của mình mỗi năm một khác tuỳ theo sự biến đổi của thời tiết, mật độ các loại côn trùng, điều kiện đất trồng và nhiều nhân tố tự nhiên khác. Tự nhiên ở khắp mọi nơi, vận động không ngừng; các điều kiện không bao giờ là y hệt nhau trong hai năm bất kỳ nào.

Nghiên cứu hiện đại chia tự nhiên ra thành các mảnh nhỏ và tiến hành các phép thử không tuân theo quy luật tự nhiên cũng như các kinh nghiệm thực tế. Các kết quả nghiên cứu được sắp xếp vì sự thuận tiện trong nghiên cứu chứ không theo nhu cầu của người nông dân. Sẽ là một sai lầm lớn khi cho rằng có thể áp dụng thành công những kết quả nghiên cứu trên ruộng của người nông dân như trên đám ruộng thí nghiệm.

Gần đây Giáo sư Tsuno của Trường Đại học Ehime có viết một cuốn sách dài về mối quan hệ giữa sự trao đổi chất của cây và sản lượng thóc thu hoạch được. Vị giáo sư này thường đến ruộng của tôi, đào sâu xuống vài tấc để kiểm tra mẫu đất, còn dẫn sinh viên theo để đo góc chiếu của mặt trời và bóng râm và đủ thứ khác nữa, rồi lấy vài mẫu cây mang về phòng thí nghiệm để phân tích. Tôi thường hỏi ông ta: "Khi nào quay lại, ông sẽ thử phương pháp gieo hạt trực tiếp vô canh chứ?." Ông ta cười cười trả lời: "Không, tôi để phần áp dụng lại cho ông. Tôi sẽ chỉ bám chặt lấy việc nghiên cứu thôi."

Thế đấy, chuyện nó là như vậy. Anh nghiên cứu chức năng quá trình trao đổi chất của cây và khả năng hấp thụ chất dinh dưỡng từ đất của nó, viết sách, nhận bằng tiến sỹ nông nghiệp. Đừng có hỏi liệu lý thuyết về sự đồng hoá[18] của anh có liên quan gì tới hoa lợi hay không.

Ngay cả khi ta có thể giải thích sự trao đổi chất tác động thế nào lên 'sức sản xuất'[19] của chiếc lá phía trên cùng khi nhiệt độ trung bình là 29 độ C, thì vẫn có những nơi mà nhiệt độ này không phải là 29 độ. Hơn nữa, nếu năm nay ở Ehime nhiệt độ là 29 độ thì sang năm có thể nó chỉ còn 24 độ. Nếu nói đơn giản rằng chỉ cần đẩy mạnh quá trình trao đổi chất là sẽ làm tăng lượng tinh bột hình thành và mang lại năng suất cao là một sai lầm. Địa lý và địa thế đất, điều kiện đất trồng, cấu trúc của nó, kết cấu, sự thoát nước, thời gian chiếu sáng, mối liên hệ giữa các loài côn trùng, loại giống sử dụng, phương pháp canh tác – thực sự là vô cùng vô tận các nhân tố - tất cả đều phải được xem xét. Một phương pháp kiểm nghiệm khoa học mà đưa được tất cả các yếu tố liên quan vào xem xét là điều bất khả thi.

---

18 Quá trình trao đổi chất bao gồm đồng hoá và dị hoá (ND)

19 Nguyên văn: Productivity

Dạo này ta nghe thấy nhiều về lợi ích của "Phong trào lúa tốt" và "Cuộc cách mạng Xanh." Bởi lẽ những phương pháp này phụ thuộc vào những giống lúa yếu ớt, "cải tiến" nên việc người nông dân sử dụng hoá chất và thuốc trừ sâu tám đến mười lần trong suốt mùa vụ là điều cần thiết. Trong một thời gian ngắn, đất trồng sẽ bị xóa sạch các vi sinh vật và chất hữu cơ. Sự sống của đất bị hủy hoại và mùa vụ trở nên phụ thuộc vào các dưỡng chất thêm vào dưới dạng phân bón hoá học.

Có vẻ như mọi thứ tốt hơn lên khi người nông dân áp dụng các kỹ thuật "khoa học," nhưng thế không có nghĩa là khoa học phải đến để giải cứu do độ màu mỡ tự nhiên vốn đã không đủ, mà sự giải cứu đó thành ra cần thiết là do độ màu mỡ tự nhiên của đất đã bị hủy hoại.

Bằng cách rải rơm, trồng cỏ ba lá, và trả về cho đất tất cả những chất hữu cơ thừa, đất sẽ có được tất cả dưỡng chất cần thiết cho việc trồng lúa và ngũ cốc vụ đông trên cùng cánh đồng hết năm này qua năm khác. Bằng việc làm nông tự nhiên, những cánh đồng đã bị phá hoại bởi quá trình canh tác hay bởi việc sử dụng các hoá chất nông nghiệp, sẽ có thể được khôi phục một cách có hiệu quả.

III

MỘT NÔNG DÂN LÊN TIẾNG

Những ngày này, tại Nhật Bản, người ta lo ngại rất nhiều, một cách chính đáng, về chất lượng môi trường suy giảm dẫn đến ô nhiễm thực phẩm. Dân chúng đã tổ chức các cuộc tẩy chay và biểu tình lớn để phản đối sự thờ ơ của các nhà lãnh đạo chính trị và công nghiệp. Nhưng tất cả những động thái này, nếu được tiến hành với tinh thần như hiện tại, cũng chỉ là những cố gắng vô ích mà thôi. Nói về chuyện xử lý dọn dẹp vài trường hợp gây ô nhiễm cụ thể thì cũng giống như chữa triệu chứng trong khi gốc rễ của căn bệnh vẫn tiếp tục phát tác.

Chẳng hạn cách đây 2 năm, một hội nghị với mục đích bàn thảo về ô nhiễm được tổ chức bởi Trung tâm Nghiên cứu về Quản lý Nông nghiệp, cùng với Ủy ban Nông nghiệp Hữu cơ và Nada Co-op (Hợp tác xã Nada). Chủ trì hội nghị là ông Teruo Ichiraku, người đứng đầu của Hiệp hội Nhà nông Hữu cơ Nhật Bản và cũng là một trong những nhân vật có thế lực nhất trong Hợp tác xã Nông nghiệp trực thuộc chính phủ. Những khuyến nghị của cơ quan này trong việc loại cây nào, loại giống nào nên trồng, nên bón bao nhiêu phân, nên đưa vào sử dụng những hoá chất gì đều được hầu như là tất cả nông dân Nhật làm theo.

Bởi vì có đa dạng thành phần những người có tầm ảnh hưởng như vậy tham gia, tôi đã tham dự với hy vọng rằng một động thái có tầm ảnh hưởng sâu rộng có thể sẽ được quyết định chọn lựa và đưa vào thực tiễn.

Đứng trên quan điểm công khai hoá vấn đề ô nhiễm thực phẩm, hội nghị này có thể được coi là thành công. Nhưng cũng như các cuộc họp khác, các vấn đề thảo luận đã bị hạ cấp xuống thành một loạt các báo cáo kỹ thuật chuyên sâu bởi các chuyên gia nghiên cứu và các tường thuật mang tính cá nhân về mức độ kinh hoàng của ô nhiễm thực phẩm. Có vẻ như chẳng một ai muốn chỉ ra vấn đề ở tầm căn bản của nó.

Trong một thảo luận về nhiễm độc thủy ngân ở cá ngừ chẳng hạn, mở đầu đại diện Cục Thủy sản phát biểu về chuyện vấn đề này đã trở nên đáng sợ như thế nào. Vào thời điểm đó, nhiễm độc thủy ngân đang được nhắc đến hàng ngày trên báo đài nên mọi người đều chăm chú nghe xem ông ta nói gì.

Vị diễn giả này nói rằng lượng thủy ngân trong cơ thể của cá ngừ, ngay cả ở những con bắt được ở Bắc Băng Dương và vùng biển gần Nam cực, là cực kỳ cao. Tuy nhiên, khi một mẫu vật trong phòng thí nghiệm thu thập được từ vài trăm năm trước được mổ xẻ và phân tích thì con cá này, trái với kỳ vọng, lại cũng có chứa thủy ngân. Kết luận tạm thời của ông ta là việc tiêu thụ thủy ngân là cần thiết cho sự sống của cá ngừ.

Cử tọa nhìn nhau ngờ vực. Mục đích của cuộc họp này đáng lẽ ra là để xác định làm thế nào đối phó với vấn đề ô nhiễm đã tác động lên môi trường và đưa ra các biện pháp để khắc phục nó. Thay vào đó, ở đây vị đại diện của Cục Thủy sản lại nói rằng thủy ngân là cần thiết cho sự sống của cá ngừ. Điều tôi muốn nói ở đây là người ta không nắm được nguyên nhân gốc rễ của ô nhiễm mà chỉ thấy nó từ một khía cạnh hời hợt và nông cạn.

Tôi đứng dậy và kiến nghị rằng chúng ta cần chung tay để lên phác thảo, lập kế hoạch cụ thể để đối phó ngay với ô nhiễm. Chẳng phải cứ nói ngay tới việc ngưng sử dụng các loại hoá chất gây ra ô nhiễm thì tốt hơn không? Lúa gạo chẳng hạn, có thể sinh trưởng rất tốt mà không cần tới phân thuốc hoá học, cũng như cam quýt, và cũng không khó khăn gì khi trồng rau theo cách đó. Tôi đã nói rằng điều đó có thể làm được và rằng tôi vẫn đang làm thế trên

nông trại của tôi trong nhiều năm qua, nhưng chừng nào chính phủ còn tiếp tục ủng hộ việc sử dụng hoá chất thì sẽ chẳng còn ai khác muốn thử làm nông nghiệp sạch cả.

Hiện diện tại hội nghị có các thành viên Cục Thủy sản, cũng như những người tới từ Bộ Nông Lâm và Hợp tác xã Nông nghiệp. Nếu họ và ngài chủ tịch hội nghị - ông Ichiraku – thật sự muốn thúc đẩy mọi việc và đề nghị nông dân cả nước nên thử việc trồng lúa không dùng hoá chất thì đã có thể có sự thay đổi sâu rộng rồi.

Tuy nhiên có một vấn đề lớn. Nếu cây trồng mà không sử dụng hoá chất nông nghiệp, phân bón hoặc máy móc thì những công ty hoá chất lớn sẽ trở nên không cần thiết và Hợp tác xã Nông nghiệp, cơ quan thuộc chính phủ này sẽ tan rã. Để đưa thẳng vấn đề ra, tôi đã nói rằng các hợp tác xã và những người lập chính sách cho nông nghiệp hiện đại dựa trên khoản đầu tư lớn vào phân bón và máy móc nông nghiệp để làm nền móng cho quyền lực của họ. Việc loại bỏ máy móc và hoá chất sẽ mang lại một sự thay đổi toàn diện cơ cấu xã hội và kinh tế. Vì thế, tôi không thấy có cách nào mà ông Ichiraku, các Hợp tác xã hay các quan chức chính phủ lại có thể lên tiếng ủng hộ các giải pháp xóa bỏ ô nhiễm.

Khi tôi lên tiếng như vậy, ngài chủ tịch đã nói “Thưa ông Fukuoka, ông đang làm hội nghị khó chịu với những nhận xét của mình đó,” làm tôi phải ngậm miệng lại. Vâng, nó đã diễn ra như vậy đấy.

MỘT GIẢI PHÁP GIẢN DỊ
CHO MỘT VẤN ĐỀ KHÓ KHĂN

Vậy là có vẻ như các cơ quan chính phủ chẳng hề có ý định ngăn chặn nạn ô nhiễm. Khó khăn thứ hai nằm ở chỗ tất cả mọi khía cạnh của vấn đề ô nhiễm thực phẩm cần phải được đưa ra đồng thời và giải quyết cùng một lúc. Một vấn đề không thể được giải quyết trọn vẹn bởi những người chỉ quan tâm đến bộ phận này hoặc bộ phận kia trong tất cả các khía cạnh của nó.

Chừng nào nhận thức của tất cả mọi người còn chưa biến chuyển một cách căn bản thì chuyện ô nhiễm sẽ không thể ngăn chặn được.

Lấy ví dụ, người nông dân nghĩ rằng biển Nội Hải[20] thì chẳng có can hệ gì tới mình. Anh ta nghĩ rằng coi sóc việc đánh bắt cá là trách nhiệm của các viên chức thuộc Cục Thủy sản và chịu trách nhiệm về vấn đề ô nhiễm biển là công việc của Ủy ban Môi trường. Vấn đề nằm ngay trong chính kiểu suy nghĩ đó.

Các loại phân bón hoá học hay được dùng nhất, đạm amoni, urê, phân lân và những phân vô cơ tương tự được sử dụng với số lượng lớn, chỉ vài phần trong đó là được cây trồng hấp thụ. Phần còn lại rò rỉ ra sông suối, cuối cùng đổ ra biển Nội Hải. Các hợp chất chứa nitơ này trở thành thức ăn cho tảo và sinh vật phù du khiến cho chúng sinh sôi số lượng lớn, gây ra hiện tượng thủy triều đỏ. Tất nhiên, chất thải công nghiệp chứa thủy ngân và các rác thải gây ô nhiễm khác cũng góp phần vào, nhưng phần lớn ô nhiễm nước ở Nhật là do các hoá chất sử dụng trong nông nghiệp.

Vì vậy, chính nông dân là người phải chịu trách nhiệm chủ yếu về nạn thủy triều đỏ. Người nông dân rải các hoá chất gây ô nhiễm xuống cánh đồng của mình, những công ty sản xuất ra các hoá chất này, những chức sắc làng xã tin tưởng vào sự tiện dụng của hoá chất rồi đưa ra các hướng dẫn kỹ thuật tương ứng - nếu mỗi người trong những người trên đây không suy ngẫm về vấn đề này một cách sâu sắc thì sẽ không giải quyết được bài toán về ô nhiễm nước.

Cứ như bây giờ thì chỉ những ai bị ảnh hưởng trực tiếp nhất mới tích cực trong việc cố gắng tìm cách đối phó với các vấn nạn về ô nhiễm, như trong trường hợp đấu tranh của các ngư dân địa phương chống lại các công ty dầu lớn sau sự cố tràn dầu gần Mizushima. Hoặc không thì là một số giáo sư đề nghị đối phó với vấn đề bằng cách xẻ một con kênh xuyên qua mạn phình to của đảo Shikoku để cho dòng nước tương đối sạch của Thái Bình Dương chảy vào biển Nội Hải. Những chuyện đại loại như vậy được nghiên cứu và thử nghiệm hết lần này đến lần khác, nhưng một giải pháp thực sự thì không bao giờ có thể tìm ra theo cách này.

Sự thật là dù chúng ta có làm gì, tình hình vẫn càng ngày càng xấu đi. Các biện pháp đối phó càng công phu thì các vấn đề càng trở nên phức tạp.

Giả dụ như một đường ống đã được đặt băng qua Shikoku và nước được bơm từ Thái Bình Dương đổ vào biển Nội Hải. Cứ cho là điều này có thể làm sạch được biển Nội Hải, nhưng sẽ lấy đâu ra điện để vận hành các nhà máy sản xuất ống thép và sẽ cần bao nhiêu điện để chạy máy bơm nước? Chắc phải cần đến nhà máy điện hạt nhân. Để xây dựng một hệ thống như thế, bê tông và tất cả các loại vật liệu khác nhau phải được ráp nối lại và còn phải xây dựng một trung tâm xử lý uranium nữa. Khi các giải pháp được phát triển theo kiểu này, chúng sẽ chỉ gieo mầm cho các vấn đề ô nhiễm đời hai, đời ba, những vấn đề còn khó giải quyết hơn so với những vấn đề trước đó, mà lại còn lan rộng hơn.

[20] Một vùng biển nhỏ nằm giữa các đảo Honshu, Kyushu và Shikoku.

Cũng giống như trường hợp người nông dân hám lợi mở đường mương dẫn nước tưới quá rộng và để cho nước chảy ào ào vào ruộng lúa của mình. Bờ mương sẽ bị nứt và đổ sụp. Tới lúc đó thì lại phải bỏ công gia cố. Bờ mương được đắp cho kiên cố lại, mương dẫn nước sẽ được mở rộng ra thêm. Lượng nước tăng lên chỉ làm gia tăng mối nguy hiểm tiềm tàng và lần suy yếu sau đó của bờ mương sẽ đòi hỏi công sức lớn hơn để xây dựng lại.

Khi một quyết định được đưa ra để đối phó với các triệu chứng của một vấn đề, người ta thường giả định rằng các biện pháp khắc phục sẽ giải quyết được bản thân vấn đề đó. Hiếm khi có chuyện như vậy. Các kỹ sư có vẻ như không thể giải quyết cho thấu đáo chuyện này. Tất cả các biện pháp đối phó ấy đều dựa trên một định nghĩa quá hẹp về cái không ổn đang diễn ra. Những biện pháp và đối pháp của con người bắt nguồn từ sự thật khoa học và cách phán xét khoa học hạn hẹp. Mà một giải pháp thực sự thì không bao giờ có thể có được theo cách đó[21].

Các giải pháp giản dị của tôi, như rải rơm và trồng cỏ ba lá, thì không tạo ra ô nhiễm. Chúng hiệu quả vì chúng loại bỏ được gốc rễ của vấn đề. Cho tới khi nào mà lòng tin thời hiện đại đặt vào những giải pháp đại công nghệ còn chưa thể bị lật nhào thì tình trạng ô nhiễm sẽ chỉ có nước xấu đi.

---

[21] Với "sự thật khoa học và cách phán xét khoa học hạn hẹp", ông Fukuoka đang nói đến thế giới như được nhìn nhận và dựng lên bởi trí tuệ loài người. Ông cho rằng cách nhìn nhận này bị hạn chế vào một kết cấu khung được xác định bởi chính những giả thiết của chính nó.

TRÁI CÂY THỜI KHÓ KHĂN

Người tiêu dùng nói chung nghĩ rằng họ chẳng can hệ gì tới việc gây ra ô nhiễm trong nông nghiệp. Nhiều người trong số họ muốn có thực phẩm không bị xử lý hoá chất. Nhưng thực phẩm đã xử lý hoá chất được đưa ra thị trường chủ yếu là để đáp ứng các sở thích của chính người tiêu dùng. Người tiêu dùng đòi sản phẩm phải to, bóng, không tỳ vết. Để thỏa mãn những yêu cầu đó, những hoá chất nông nghiệp đã ngưng sử dụng từ năm hoặc sáu năm trước giờ lại nhanh chóng được đưa vào dùng.

Làm sao mà chúng ta rơi vào tình trạng khó xử như vậy? Người ta nói họ chẳng bận tâm liệu dưa chuột thẳng hay cong và rằng trái cây không cần đẹp mã. Nhưng hãy nhìn vào thị trường bán sỉ ở Tokyo nếu ta muốn biết giá bán thay đổi thế nào tuỳ theo ý thích của người tiêu dùng. Khi trái cây trông chỉ đẹp hơn một tí xíu, ta bán được giá cao hơn từ 10 tới 20 yên một ký. Khi trái cây được phân loại: "Nhỏ," "Trung bình" hoặc "Lớn," giá mỗi ký có thể tăng lên gấp đôi hoặc gấp ba cùng với sự tăng lên của kích cỡ.

Việc người tiêu dùng sẵn lòng trả giá cao đối với thực phẩm trái mùa cũng góp phần vào làm gia tăng việc áp dụng các phương pháp nuôi trồng nhân tạo và sử dụng hoá chất. Năm vừa rồi, những trái quýt Unshu được trồng trong nhà kính để bán vào mùa hè[22] có giá cao gấp từ mười đến hai mươi lần so với quýt đúng vụ. Thay vì giá thông thường chỉ 20 đến 30 yên một ký, người ta đã trả giá trên trời tới 170 yên, 220 yên, thậm chí là 380 yên cho một ký. Và như thế, nếu ta đầu tư vài trăm ngàn yên để lắp đặt thiết bị, mua nhiên liệu cần dùng và làm việc thêm giờ, ta có thể thu được lợi nhuận.

Làm nông trái vụ càng ngày càng trở nên được ưa chuộng. Để có những trái quýt sớm hơn chỉ một tháng, dân thành thị có vẻ khá hoan hỉ móc hầu bao để trả cho khoản đầu tư thêm của người nông dân về công lao động cũng như thiết bị. Nhưng nếu ta hỏi việc có loại trái cây này sớm một tháng quan trọng đến đâu đối với con người, thì sự thật là, việc đó chẳng quan trọng chút nào, và cái giá phải trả cho việc chiều theo sở thích đó không chỉ dừng lại ở tiền.

Thêm nữa, một loại chất tạo màu, cách đây vài năm không được dùng thì bây giờ lại được sử dụng. Với hoá chất này, trái cây sẽ có màu trái chín sớm hơn một tuần. Giá bán tăng gấp đôi hoặc rớt một nửa, tuỳ thuộc vào việc trái cây được bán sớm một tuần hoặc bán sau mùng 10 tháng mười, bởi vậy người nông dân sử dụng hoá chất thúc trái cây trổ màu nhanh, rồi sau khi thu hoạch họ để trái cây trong phòng ủ chín bằng khí ga.

Nhưng vì trái cây được hái bán sớm vẫn chưa đủ độ ngọt nên người ta sử dụng tới chất tạo ngọt nhân tạo. Thông thường, ai cũng nghĩ rằng hoá chất tạo ngọt đã bị cấm sử dụng rồi, nhưng loại hoá chất tạo ngọt được phun lên cây thì không bị quy định là phạm luật một cách rõ ràng, minh bạch. Câu hỏi ở đây là liệu nó có rơi vào nhóm "hoá chất nông nghiệp" hay không? Dù câu trả lời là gì đi nữa thì hầu hết mọi người ai cũng sử dụng nó cả.

Trái cây sau đó được đưa đến trung tâm phân loại của nhà phân phối. Để có thể phân loại trái cây theo kích thước lớn nhỏ, người ta cho mỗi trái lăn xuống theo băng chuyền dài hàng trăm mét. Dập là chuyện thường gặp. Trung tâm phân loại càng rộng lớn thì trái cây càng bị va đập và nhào lộn lâu hơn. Sau khi được rửa bằng nước, những trái quýt được phun chất bảo quản và quét chất tạo màu lên. Cuối cùng, để hoàn thiện, một dung dịch sáp paraffin được quết lên và trái cây được đánh bóng trông cho hào nhoáng. Ngày nay, trái cây thực sự "bị đối xử rất tệ bạc."

---

22 Thường quýt này chín tự nhiên vào cuối thu.

Như vậy, từ trước khi trái cây được thu hoạch cho đến khi nó được xuất đi và bày bán thì năm hoặc sáu loại hoá chất đã được dùng. Đấy là chưa kể tới phân bón và các hoá chất phun xịt đã được sử dụng khi cây đang sinh trưởng trong vườn. Và tất cả chuyện này là do người tiêu dùng muốn mua trái cây trông hấp dẫn hơn một chút. Sở thích nho nhỏ này đã đặt người nông dân vào một tình thế thật sự khó xử.

Những cách thức xử lý trái cây này được ứng dụng chẳng phải bởi vì người nông dân thích làm theo kiểu như vậy, hay vì những viên chức của Bộ Nông nghiệp thích đẩy người nông dân vất vả thêm. Chỉ tới khi nào quan niệm chung về giá trị thay đổi thì tình trạng này mới có thể cải thiện được.

Khi tôi còn làm ở Văn phòng Hải quan Yokohama 40 năm trước, chanh và cam Sunkist vẫn được xử lý theo cách đó. Tôi đã kịch liệt phản đối việc đưa hệ thống này vào Nhật, nhưng những lời của tôi chẳng thể ngăn nổi việc đưa chúng vào sử dụng.

Nếu một hộ nông dân hay một hợp tác xã chọn dùng một quy trình xử lý mới, chẳng hạn như việc đánh sáp cho quýt, thì bởi vì với việc chăm chút thêm như thế, lợi nhuận sẽ cao hơn. Các hợp tác xã nông nghiệp khác sẽ để ý thấy điều đó và chẳng mấy chốc, họ cũng sẽ áp dụng quy trình mới này. Trái cây không được xử lý đánh sáp sẽ không còn bán được giá cao như trước nữa. Trong vòng hai, ba năm thôi, việc đánh sáp sẽ được sử dụng trên toàn quốc. Sự cạnh tranh sau đó sẽ làm giá hạ xuống, và tất cả những gì còn lại đối với nông dân chỉ là gánh nặng về khối lượng công việc và những chi phí phụ trội vào nguyên vật liệu và thiết bị. Bây giờ, người nông dân *buộc phải* sử dụng sáp bóng.

Lẽ dĩ nhiên là người tiêu dùng lãnh chịu hậu quả. Thực phẩm không tươi vẫn có thể bán được vì *trông* chúng tươi. Nói về mặt sinh học, trái cây trong trạng thái hơi héo đang giữ cho quá trình hô hấp và tiêu hao năng lượng ở mức thấp nhất có thể. Cũng giống như một người trong trạng thái thiền: sự trao đổi chất, hô hấp và tiêu hao ca-lo của anh ta ở mức cực kỳ thấp. Ngay cả khi anh ta nhịn ăn, năng lượng trong cơ thể vẫn sẽ được bảo tồn. Tương tự như vậy, khi trái quýt nhăn nheo, khi trái cây héo, khi rau rủ xuống, chúng đang trong trạng thái bảo tồn giá trị dinh dưỡng của mình trong khoảng thời gian lâu nhất có thể.

Thật sai lầm khi cố duy trì vẻ tươi ngon đơn thuần bên ngoài, như khi người bán hàng liên tục vẩy nước lên rau quả. Mặc dù rau quả giữ được vẻ tươi mới, nhưng hương vị và giá trị dinh dưỡng của nó sẽ giảm đi nhanh chóng.

Bất luận thế nào thì tất cả các liên hợp nông nghiệp và các cơ sở phân loại vẫn đang được tích hợp và mở rộng thêm để thực hiện các công đoạn không cần thiết như trên rồi. Đấy được gọi là quá trình "hiện đại hoá." Sản phẩm được đóng gói và rồi hệ thống phân phối lớn chuyển tới tay người tiêu dùng.

Nói ngắn gọn, khi nào vẫn còn sự đảo ngược trong cảm nhận về giá trị, trong đó kích cỡ và hình thức bên ngoài được quan tâm nhiều hơn là chất lượng bên trong, thì vấn đề ô nhiễm thực phẩm sẽ không bao giờ được giải quyết.

TIẾP THỊ THỰC PHẨM TỰ NHIÊN

Trong những năm qua, tôi đã gửi đi từ 88 đến 110 giạ lúa gạo (hơn 2 tấn đến 3 tấn) tới các cửa hàng bán thực phẩm tự nhiên ở nhiều nơi trên nước Nhật. Tôi cũng đã chuyển 400 thùng các-tông quýt (mỗi thùng nặng tầm 16 ký) chất lên xe tải loại 10 tấn đến hiệp hội các khu chung cư ở quận Suginami trên Tokyo. Chủ tịch hiệp hội muốn bán ra những sản phẩm không bị ô nhiễm, và điều này là nền tảng trong thỏa thuận hợp tác giữa chúng tôi.

Năm đầu khá thành công nhưng cũng có một số phàn nàn. Kích cỡ trái cây quá khác biệt, bên ngoài hơi dơ, vỏ đôi lúc bị héo và những chuyện tương tự. Tôi đã chuyển trái cây đi trong các thùng các-tông không nhãn mác, và thế là một số người nghi ngờ rằng đây là trái cây "loại hai." Giờ tôi đóng trái cây vào thùng có ghi chữ "quýt tự nhiên."

Vì thực phẩm tự nhiên có thể được sản xuất với chi phí và công sức tối thiểu, tôi suy luận rằng nó phải được bán với giá rẻ nhất. Năm ngoái, ở khu vực Tokyo, trái cây của tôi có giá thấp nhất. Nhiều cửa hàng nói chúng thơm ngon nhất. Tất nhiên, sẽ tốt hơn cả nếu trái cây có thể bán được ngay tại chỗ, loại trừ được khoảng thời gian và chi phí cho vận chuyển, nhưng cho dù có phải vận chuyển xa thì giá cả vẫn vừa phải, trái cây không nhiễm hoá chất và có vị rất ngon. Năm nay, người ta yêu cầu tôi chuyển đi số lượng gấp hai đến ba lần so với trước.

Vào lúc này, câu hỏi đặt ra là việc bán trực tiếp thực phẩm tự nhiên có thể vươn ra được bao xa. Tôi có hy vọng trong chuyện này. Thời gian gần đây, những nhà vườn sử dụng hoá chất đã bị đẩy vào một tình cảnh o ép về kinh tế cực kỳ căng thẳng, và điều đó khiến cho việc sản xuất thực phẩm tự nhiên có hấp lực với họ hơn. Cho dù một người nông dân bình thường phải làm việc vất vả thế nào trong việc sử dụng hoá chất, chất tạo màu, đánh bóng và những đòi hỏi tương tự, ông ta cũng chỉ có thể bán trái cây của mình với cái giá gần như chỉ vừa đủ bù đắp chi phí. Năm nay, ngay cả một trang trại có trái cây thuộc loại xuất sắc cũng chỉ có thể mong chờ thu được lợi nhuận dưới 13 yên một ký. Người nào trồng ra trái cây có chất lượng chỉ kém hơn một chút, rốt cục sẽ chẳng có lời.

Vì giá cả sụt giảm trong mấy năm qua, các hợp tác xã nông nghiệp và các cơ sở phân loại trở nên rất nghiêm ngặt, chỉ lựa chọn trái cây có chất lượng rất cao. Trái cây chất lượng thấp hơn không thể bán được cho các cơ sở này. Sau khi bỏ cả ngày lao động trong vườn để thu hoạch quýt, xếp vào các thùng chứa và mang đến kệ phân loại, người nông dân phải làm việc đến mười một hoặc mười hai giờ đêm để lựa chọn trong số trái cây của mình, từng trái từng trái một, chỉ giữ lại những trái có kích cỡ và hình dạng hoàn hảo nhất[23].

Số "trái tốt" đôi khi chỉ chiếm tỷ lệ trung bình từ 25 đến 50% trên tổng lượng thu hoạch, ngay cả một số trái tốt cũng vẫn bị cơ sở phân loại từ chối. Nếu lợi nhuận còn lại chỉ là 5 hoặc 6 yên một ký cũng đã được xem là tốt lắm rồi. Dạo này, những nông dân trồng cam quýt tội nghiệp phải lao động thật vất vả mà cũng phải khó khăn lắm mới hòa vốn.

Trồng cây không dùng hoá chất, không phân bón, không cày xới đất đai sẽ cần ít chi phí đi, và lợi nhuận thuần của người nông dân vì thế sẽ cao hơn. Số trái cây mà tôi chuyển đi thực tế là không phân loại; tôi chỉ đóng trái cây vào hộp, gửi ra chợ và lên giường đi ngủ sớm.

Những nông dân láng giềng của tôi nhận ra rằng họ đang làm việc rất vất vả để rồi cuối cùng trong túi chẳng có gì. Người ta càng ngày càng cảm thấy không có gì kỳ lạ trong việc nuôi trồng những thực phẩm tự nhiên nữa, và các nhà sản xuất đã sẵn sàng chuyển đổi sang làm nông không hoá chất. Nhưng người nông dân bình thường sẽ vẫn lo lắng về chuyện không có

[23] Những trái bị loại ra được bán với giá phân nửa cho một công ty tư nhân để ép lấy nước.

thị trường để bán sản phẩm của mình cho đến khi nào thực phẩm tự nhiên có thể phân phối được ngay tại chỗ.

Còn đối với người tiêu dùng, có một niềm tin thường gặp là thực phẩm tự nhiên thì phải đắt. Nếu không đắt, người ta sẽ nghi ngờ rằng nó không phải là thực phẩm tự nhiên. Một nhà bán lẻ nói với tôi rằng sẽ chẳng ai mua sản phẩm tự nhiên nếu giá không cao.

Tôi vẫn cảm thấy rằng thực phẩm tự nhiên cần phải được bán rẻ hơn so với bất kỳ loại nào khác. Nhiều năm trước tôi được yêu cầu gửi mật ong lấy được trong vườn cam và trứng gà núi cho một cửa hàng thực phẩm tự nhiên ở Tokyo. Khi tôi phát hiện ra vị thương gia đó bán chúng với giá cắt cổ, tôi đã rất giận dữ. Tôi biết rằng một thương gia mà lợi dụng khách hàng theo cách đó thì cũng sẽ trộn gạo của tôi với các loại gạo khác, và rằng loại gạo trộn này sẽ đến tay khách hàng với cái giá không trung thực. Tôi tức khắc ngừng giao hàng cho cửa hàng đó.

Nếu thực phẩm tự nhiên có giá cao, nghĩa là người thương gia đang thu lợi nhuận quá đáng. Hơn nữa, nếu thực phẩm tự nhiên đắt đỏ, chúng trở thành thức ăn xa xỉ và chỉ có người giàu mới có thể mua chúng.

Nếu muốn thực phẩm tự nhiên trở nên thông dụng một cách rộng khắp thì nó phải có sẵn tại địa phương với giá cả hợp lý. Chỉ cần người tiêu dùng điều chỉnh lại suy nghĩ, rằng giá thấp không có nghĩa là thực phẩm không tự nhiên, khi đó tất cả mọi người sẽ bắt đầu suy nghĩ theo chiều hướng đúng đắn.

NÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SẼ THẤT BẠI

Khi khái niệm nông nghiệp thương mại lần đầu xuất hiện, tôi đã phản đối nó. Nông nghiệp thương mại ở Nhật không mang lợi cho người nông dân. Có một qui tắc giữa các thương gia là một món hàng xuất phát điểm có một giá tiền nhất định, nếu sau đó được xử lý tiếp thì giá bán sẽ tăng lên. Nhưng đối với nông nghiệp Nhật thì không đơn giản như vậy. Phân bón, thiết bị và hoá chất được mua với giá cố định từ nước ngoài, và không thể nói trước giá phải trả thực tế cho mỗi ký là bao nhiêu khi những sản phẩm nhập khẩu này được sử dụng. Tất cả hoàn toàn phụ thuộc vào thương lái. Với giá bán sản phẩm cố định, thu nhập của người nông dân nằm ngoài tầm kiểm soát của họ.

Nhìn chung, nông nghiệp thương mại là một cách làm không bền vững. Sẽ tốt hơn nhiều cho người nông dân khi nuôi trồng loại thực phẩm mình cần mà không nghĩ đến chuyện làm ra tiền. Nếu ta trồng một hạt thóc, nó sẽ cho ra hơn cả ngàn hạt. Một luống củ cải làm đủ dưa muối cho cả mùa đông. Nếu ta suy nghĩ theo hướng này, ta sẽ có đủ cái để ăn, còn hơn cả đủ nữa, mà không cần phải vất vả. Nhưng thay vào đó, nếu ta quyết định cố gắng kiếm tiền, thì ta đã leo lên lưng cọp và ta sẽ phải đi cùng nó.

Dạo gần đây, tôi đang suy nghĩ về loại gà lơgo (leghorn[24]) lông trắng. Giống gà lai từ gà lơgo lông trắng có thể đẻ trứng trên 200 ngày trong năm, việc nuôi chúng để kiếm lời được xem là thương vụ tốt. Khi được nuôi cho mục đích thương mại, những con gà này bị nhốt trong một dãy dài những cái chuồng nhỏ chẳng khác gì mấy so với những phòng biệt giam, và cả đời chúng chân không bao giờ được phép chạm đất. Bệnh tật là chuyện thường gặp và những con gà này bị bơm vào người đủ thứ kháng sinh, được cho ăn theo một chế độ bao gồm các loại vitamin và hoc-môn tăng trưởng.

Người ta bảo rằng các con gà địa phương, được nuôi từ thời kỳ xa xưa, loại *shamo* và *chapo* nâu và đen, khả năng cho trứng chỉ bằng có một nửa. Kết quả là chúng đã biến mất khỏi nước Nhật. Tôi để mặc cho hai con gà mái và một con gà trống chạy nhảy thoải mái trên sườn núi và sau một năm chúng phát triển thành 24 con. Trông thì có vẻ là chúng ít đẻ trứng, nhưng thực ra lúc đó bọn lông vũ bản địa này đang bận rộn nuôi con.

Trong năm đầu tiên, giống gà lơgo có hiệu suất đẻ trứng cao hơn giống gà địa phương, nhưng sau một năm bọn gà lơgo lông trắng này cạn kiệt sức lực và bị loại bỏ, trong khi bọn gà *shamo* mà chúng tôi gây giống đã biến thành mười con khỏe mạnh chạy tung tăng trong vườn cây. Thêm nữa, gà lơgo lông trắng đẻ trứng tốt vì chúng được nuôi bằng thức ăn dinh dưỡng nhân tạo nhập từ nước ngoài và phải mua từ các lái buôn. Còn những con gà bản địa thì bới đất và thoải mái ăn hạt với côn trùng ở nơi chúng sống, rồi đẻ ra những quả trứng tự nhiên, ngon lành.

Nếu bạn nghĩ rau củ quả thương mại là từ tự nhiên mà ra thì bạn nhầm to. Những thứ rau trái này là sự pha trộn hoá học mọng nước của ni-tơ, phốt-pho và kali với một chút trợ giúp từ hạt giống. Và chúng sẽ có hương vị đúng như thế. Còn trứng gà thương mại (ta có thể gọi chúng là trứng nếu thích) thì không gì hơn là một hỗn hợp thức ăn tổng hợp, các hoá chất và hoc-môn. Đây chẳng phải là sản phẩm của tự nhiên, mà là một sản phẩm tổng hợp do con người tạo ra dưới hình dạng một quả trứng. Với những người nông dân tạo ra rau củ và trứng kiểu này, tôi gọi họ là nhà sản xuất.

---

[24] Giống gà này xuất phát từ Tuscany nước Ý (ND)

Bây giờ, nếu nói về sản xuất thì ta sẽ phải làm vài phép tính hão huyền nếu ta muốn có lợi nhuận. Do người nông dân làm thương mại hiện nay không kiếm được chút tiền lời nào, nên ông ta giống như một lái buôn không biết dùng bàn tính. Kiểu người thế này bị kẻ khác coi là khờ khạo, và lợi nhuận của ông ta sẽ bị các chính trị gia và các thương gia lọc lõi bòn rút.

Thời xưa có chiến binh, nông dân, thợ thủ công và thương lái. Nông nghiệp được coi là gần với nguồn gốc của mọi thứ hơn so với đổi chác hay chế tác, và người nông dân được gọi là "người phụng sự các vị thần." Anh ta luôn có thể bằng cách này hay cách khác có đủ ăn.

Nhưng giờ đây tất cả chỉ là nháo nhào kiếm tiền. Người ta đâm đầu vào trồng những sản phẩm siêu thời thượng như nho, cà chua và dưa hấu. Hoa và trái cây được sản xuất trái vụ trong nhà kính. Việc lai tạo các giống cá được áp dụng, gia súc cũng được nuôi nhiều vì mang lại lợi nhuận cao.

Mẫu hình này cho thấy một cách rõ ràng điều gì sẽ xảy ra khi nông nghiệp leo lên ngồi trên chiếc tàu lượn kinh tế. Những biến động về giá cả rất khó lường. Có lời đấy, nhưng cũng có cả thua lỗ nữa.

Thất bại là điều không thể tránh khỏi. Nền nông nghiệp Nhật Bản đã mất định hướng và trở nên bất ổn. Nó đã lạc lối, chệch xa khỏi những nguyên tắc cơ bản của nông nghiệp và đã trở thành một ngành kinh doanh.

TIẾN HÀNH NGHIÊN CỨU CHO LỢI ÍCH CỦA AI?

Lần đầu tiên tôi bắt đầu gieo sạ lúa và ngũ cốc vụ đông, tôi đã dự định là sẽ thu hoạch bằng liềm, và vì thế tôi nghĩ sẽ thuận tiện hơn khi gieo hạt thẳng hàng ngay lối. Sau nhiều mày mò, chẳng đâu ra đâu vì là dân không chuyên, tôi cũng chế tạo được một dụng cụ gieo hạt cầm tay. Nghĩ rằng dụng cụ này có thể có giá trị sử dụng thực tế cho những nông dân khác, tôi mang nó tới cho một người ở trung tâm kiểm nghiệm nọ. Ông ta nói với tôi rằng do chúng ta đang ở trong thời đại máy móc cỡ lớn nên ông ta không thể bận lòng với "cái máy kỳ cục" này của tôi.

Tiếp đó, tôi đến chỗ một nhà sản xuất thiết bị nông nghiệp. Ở đó, tôi được bảo rằng một dụng cụ đơn giản như thế, dù ta có gắng tới đâu để có được lợi nhuận, thì cũng chẳng thể bán được nhiều hơn 400 yên một chiếc. "Nếu chúng tôi sản xuất cái dụng cụ như thế này, nông dân có lẽ sẽ bắt đầu nghĩ rằng họ không cần tới những chiếc máy kéo mà chúng tôi bán với giá mấy trăm ngàn yên nữa." Ông ta nói rằng ngày nay, ý tưởng là phải sáng chế thật nhanh những thứ máy móc phục vụ cho việc trồng lúa, bán chúng nháo nhào được càng lâu càng tốt, rồi giới thiệu cái gì đó mới hơn. Thay vì các máy kéo nhỏ, họ muốn đổi sang những kiểu máy kích cỡ lớn hơn, và cái thiết bị của tôi, đối với họ chỉ là một bước thụt lùi. Để đáp ứng yêu cầu của thời đại, các nguồn lực đã được đổ vào để đẩy xa thêm những công trình nghiên cứu vô dụng, và cho đến tận ngày hôm nay, phát minh của tôi vẫn còn nằm nguyên trên kệ.

Với phân bón và hoá chất cũng vậy. Thay vì nghiên cứu phát triển phân bón đặt lợi ích của người nông dân lên trên hết, người ta lại tập trung vào việc phát triển một cái gì đó mới, bất kỳ cái gì cũng được, chỉ để kiếm tiền. Sau khi các kỹ thuật viên rời bỏ công việc của mình tại các trung tâm kiểm nghiệm, họ chuyển ngay sang làm cho các công ty hoá chất lớn.

Mới đây, tôi có nói chuyện với ông Asada, một viên chức kỹ thuật làm ở Bộ Nông Lâm, ông ta kể cho tôi nghe một câu chuyện thú vị. Rau củ được trồng tại các nhà kính ăn chả có mùi vị gì. Nghe nói trái cà vụ đông chẳng có tí vitamin nào còn dưa chuột thì không có hương vị, ông ta đã nghiên cứu và tìm ra nguyên do: một lượng ánh nắng mặt trời nhất định không thể xuyên qua được lớp bao phủ bằng nhựa và lớp kính mà rau trái được trồng trong đó. Cuộc điều tra của ông ta chuyển sang hệ thống chiếu sáng ở bên trong các nhà kính.

Câu hỏi căn bản đặt ra ở đây là liệu con người có nhất thiết phải ăn cà và dưa chuột trong mùa đông hay không. Nhưng, ngoài cái sự cần thiết hay không này thì lý do duy nhất người ta trồng cà và dưa chuột trong mùa đông là vì chúng có thể được bán với giá hời. Một số người phát triển ra những phương pháp trồng được chúng trái vụ, và rồi sau một thời gian người ta thấy rằng những thứ rau trái này không có giá trị dinh dưỡng. Tiếp đó, người làm kỹ thuật suy nghĩ rằng nếu chất dinh dưỡng bị mất thì sẽ phải tìm ra một biện pháp để ngăn ngừa sự mất mát đó. Do rắc rối này được cho là nằm ở hệ thống chiếu sáng, ông ta bắt đầu nghiên cứu về các tia sáng. Ông ta nghĩ mọi thứ sẽ ổn thỏa nếu có thể sản xuất ra trái cà nhà kính có chứa các vitamin. Tôi có nghe kể một số kỹ thuật gia sẵn sàng dành cả đời mình cho các nghiên cứu kiểu như vậy.

Một cách tự nhiên thôi, do đã phải cố gắng và bỏ ra những nguồn lực lớn như vậy cho việc trồng loại cà này, nó còn được cho là có hàm lượng dinh dưỡng cao, nên thậm chí chúng còn được dán giá cao hơn nữa và bán rất chạy. "Nếu nó có khả năng mang lại lợi nhuận, và nếu ta có thể bán nó, thì không thể có chuyện gì sai trái với nó được."

Dù có cố gắng tới đâu, người ta cũng không thể cho ra những thứ rau trái tốt hơn so với rau củ và trái cây trồng tự nhiên. Sản phẩm được trồng theo cách phi tự nhiên thỏa mãn được những ham muốn thoáng chốc nhưng lại làm suy yếu cơ thể con người và gây biến đổi thể chất khiến cho nó phụ thuộc vào các loại thực phẩm đó. Khi điều này xảy ra, việc bổ sung

vitamin và thuốc men trở nên cần thiết. Tình trạng này chỉ mang lại khó khăn nặng nhọc cho người nông dân và thiệt hại cho người tiêu dùng mà thôi.

ĐÂU LÀ THỰC PHẨM DÀNH CHO CON NGƯỜI?

Một ngày nọ, có người từ đài truyền hình NHK đến và yêu cầu tôi nói vài điều về vị ngon của thực phẩm tự nhiên. Chúng tôi nói chuyện, và tôi yêu cầu anh ta so sánh giữa trứng gà nuôi trong chuồng dưới đất thấp với trứng gà thả chạy tự do trong vườn trên núi. Anh ta thấy rằng lòng đỏ trứng của gà bị nhốt trong trại nuôi thông thường thì mềm và loãng, có màu vàng nhợt còn lòng đỏ trứng gà sống tự do trên núi thì chắc, đàn hồi và có màu cam sáng. Khi ông già, chủ một cửa hàng *sushi* trên thị trấn, nếm thử một trong các quả trứng tự nhiên này, ông ta nói đây mới là "trứng thật," y như hồi xưa, và ông ta hân hoan như thể nó là báu vật.

Lại nữa, ở trên vườn quýt có nhiều loại rau khác nhau mọc xen giữa đám cỏ dại và cỏ ba lá. Củ cải, ngưu bàng, dưa chuột, bí, đậu phộng, cà rốt, những cây hoa cúc ăn được, khoai tây, hành, cải cay, cải bắp, vài giống đậu, và nhiều loại rau cỏ khác tất cả đều cùng nhau chung sống. Cuộc nói chuyện chuyển sang vấn đề liệu các loại rau kể trên, được trồng kiểu bán hoang dã như vậy, có vị ngon hơn những loại được trồng trong vườn nhà hoặc có sự trợ giúp của phân bón hoá học khi trồng ở trên ruộng hay không. Khi chúng tôi đem so sánh chúng với nhau, thì thấy mùi vị rất khác biệt, và chúng tôi xác định rằng các loại rau "hoang dại" có hương vị phong phú hơn.

Tôi bảo với người phóng viên đó rằng khi rau củ được trồng trên ruộng đã chuẩn bị sẵn, sử dụng phân bón hoá học (NPK), thì chúng được cung cấp ni-tơ, phốt-phát và kali. Nhưng khi rau củ được trồng trên nền đất tự nhiên với lớp đất mặt giàu chất hữu cơ, chúng sẽ có được một chế độ dinh dưỡng cân bằng hơn. Sự có mặt của nhiều loại cây cỏ hoang dại đồng nghĩa với một lượng phong phú các đa chất và vi chất dinh dưỡng thiết yếu có sẵn để cung cấp cho rau củ. Cây cối sinh trưởng trong lớp đất thịt cân bằng như vậy sẽ có hương vị tinh tế hơn.

Các loại thảo mộc ăn được, rau dại, cây cối mọc trên núi và trên đồng cỏ có giá trị dinh dưỡng rất cao và cũng có tác dụng làm thuốc. Thực phẩm và thuốc không phải là hai thứ khác nhau: chúng là mặt trước và mặt sau của một cơ thể. Những thứ rau củ nuôi bằng chất hoá học có thể dùng làm thực phẩm để ăn, nhưng chúng không thể dùng làm thuốc được.

Khi ta đi tìm hái và ăn bảy loại thảo dược mùa xuân[25], tinh thần ta trở nên thư thái. Còn khi ăn chồi dương xỉ, cây vi và rau tề thái ta sẽ trở nên điềm tĩnh. Để giảm cảm giác bồn chồn, nôn nóng thì dùng rau tề thái là tốt nhất. Người ta nói rằng nếu trẻ con ăn rau tề thái, chồi liễu hoặc những con côn trùng sống trên cây thì sẽ chữa được những cơn khóc lóc bộc phát, và hồi xưa bọn trẻ con thường bị bắt phải ăn. *Daikon* (củ cải Nhật) có tổ tiên là một loại cây gọi là *nazuna* (rau tề thái), từ *nazuna* này có liên quan với từ *nagomu*, có nghĩa là làm dịu đi. *Daikon* là loại "thảo dược làm mềm dịu tính khí con người."

Trong số các loại thức ăn hoang dã thì côn trùng thường không được ngó ngàng tới. Trong thời gian chiến tranh, lúc còn làm việc ở trung tâm nghiên cứu, tôi được phân công xác định xem những loại côn trùng nào ở khu vực Đông Nam Á là có thể ăn được. Khi điều tra về chuyện này, tôi kinh ngạc khi khám phá ra rằng hầu như bất kỳ con côn trùng nào cũng có thể ăn được.

Lấy ví dụ, chẳng ai có thể nghĩ là rận hay bọ chét có thể dùng được cho bất cứ chuyện gì, nhưng rận, được nghiền nhỏ và ăn cùng với ngũ cốc mùa đông, là một phương thuốc chữa động kinh, còn bọ chét thì là thuốc chữa tê cóng. Tất cả ấu trùng của côn trùng hoàn toàn có thể ăn được, nhưng phải ăn sống. Tra cứu các văn bản cổ, tôi tìm thấy những câu chuyện liên

[25] Cải xoong, rau tề thái, củ cải trắng hoang, cỏ bông, tràng sao, củ cải đỏ hoang và cây tầm ma.

quan tới "các món đặc biệt" được làm từ giòi lấy từ nhà xí, còn mùi vị của con tằm quen thuộc được nhắc tới là thanh tao không gì sánh được. Ngay cả những con bướm đêm ăn cũng rất ngon nếu ta rũ hết phấn khỏi cánh của chúng trước.

Như vậy, dù từ quan điểm hương vị hay từ quan điểm sức khỏe, nhiều thứ mà con người coi là gớm ghiếc thực ra lại khá là ngon và tốt cho cơ thể con người.

Những loại rau nào mà về mặt sinh học gần nhất so với tổ tiên hoang dại của chúng thì sẽ có hương vị tuyệt nhất và có giá trị dinh dưỡng cao nhất. Ví dụ, trong họ huệ (gồm *nira* - tỏi tây, tỏi, tỏi Tàu, hành tăm, củ kiệu, và hành củ) thì *nira* và tỏi Tàu cho giá trị dinh dưỡng cao nhất, làm thảo dược tốt, và cũng có tác dụng như một loại thuốc bổ cho sức khỏe tổng quát. Tuy nhiên đối với phần lớn mọi người, các giống thuần hoá hơn chẳng hạn như hành tăm hay hành củ, lại được coi là có vị ngon nhất. Vì lý do nào đó, con người hiện đại thích hương vị các loại rau củ không còn ở trạng thái hoang dã ban đầu của chúng nữa.

Sở thích đối với các thực phẩm có nguồn gốc động vật cũng tương tự như vậy. Ăn vào người thịt chim hoang thì tốt cho cơ thể hơn là những con gia cầm thuần hoá, chẳng hạn như gà vịt, thế nhưng những con gia cầm này, nuôi ở trong một môi trường rời xa nơi sinh sống tự nhiên của chúng, lại được xem là có vị ngon và được bán với giá cao. Sữa dê có giá trị dinh dưỡng cao hơn sữa bò, nhưng chính sữa bò mới là loại sữa có nhu cầu sử dụng cao hơn.

Những loại thực phẩm đã xa rời trạng thái hoang dã của chúng và những loại được nuôi trồng bằng hoá chất hoặc trong môi trường được sắp đặt hoàn toàn dưới bàn tay con người sẽ làm mất cân bằng tiến trình hoá học bên trong cơ thể. Thể chất càng trở nên mất cân bằng, người ta lại càng trở nên ham muốn những loại thực phẩm phi tự nhiên. Tình trạng này rất nguy hại cho sức khỏe.

Nói rằng người ta ăn gì chỉ đơn thuần là chuyện sở thích cá nhân, như thế là đánh lạc hướng, bởi lẽ một chế độ ăn uống phi tự nhiên hay ngoại lai sẽ gây khó cho người nông dân và cả ngư dân nữa. Dường như người ta càng ham muốn nhiều thì người ta lại càng phải lao động nhiều hơn để thỏa mãn chúng. Một số loại cá, chẳng hạn như cá ngừ đại dương và cá cam nổi tiếng, phải đánh bắt xa bờ trong khi cá mòi, cá tráp, cá bơn và các loại cá nhỏ khác thì có thể đánh bắt với số lượng dồi dào ngay tại biển Nội Hải. Nói về mặt dinh dưỡng, những sinh vật sống ở sông suối nước ngọt, chẳng hạn như cá chép, ốc ao, tôm đồng, cua đầm lầy v.v. thì tốt hơn cho cơ thể so với những loài nước mặn. Tiếp đến là cá biển khu vực nước nông, và cuối cùng mới là cá biển sống ở khu vực nước sâu và xa bờ. Thực phẩm ở gần quanh là tốt nhất cho thể chất con người, còn những thứ mà con người phải vất vả mới có được lại chẳng có ích lợi gì mấy.

Điều đó nói lên rằng nếu người ta chấp nhận những gì gần tầm tay, thì mọi thứ sẽ tốt đẹp. Nếu nông dân sống trong làng này chỉ ăn những thực phẩm có thể trồng hoặc hái được tại chỗ thì sẽ không có chuyện gì sai lầm cả. Cuối cùng thì, giống như nhóm người trẻ tuổi sống trong những cái chòi trên khu vườn, người ta sẽ thấy đơn giản nhất là ăn gạo lứt và đại mạch, kê không đánh bóng, kiều mạch, cùng với các loại thảo mộc theo mùa và rau củ bán hoang dã. Đó là loại thức ăn tốt nhất, có hương vị và tốt cho cơ thể.

Nếu 22 giạ lúa gạo (600 ký) và 22 giạ ngũ cốc mùa đông thu hoạch được từ một nghìn mét vuông ruộng, như một trong những thửa ruộng ở đây, thì một thửa ruộng đó sẽ nuôi sống được từ năm đến mười người, mà mỗi người chỉ cần bỏ ra trung bình chưa đến một giờ làm việc mỗi ngày. Nhưng nếu ruộng đó biến thành đồng cỏ cho gia súc, hay nếu lượng ngũ cốc đó được đem cho gia súc ăn thì mỗi nghìn mét vuông đất chỉ nuôi sống được một người. Thịt trở thành một thứ thực phẩm xa xỉ khi việc sản xuất ra nó đòi hỏi phải chiếm diện tích đất mà lẽ

ra có thể dùng để cung cấp thức ăn cho con người sử dụng trực tiếp được[26]. Điều này đã được chứng minh một cách rõ ràng và rạch ròi. Mỗi người cần phải suy ngẫm một cách nghiêm túc xem mình đã gây ra bao khó khăn vất vả khi chạy theo những loại thực phẩm phải quá tốn kém mới sản xuất ra được.

Thịt và các thực phẩm nhập khẩu khác là xa xỉ phẩm vì chúng đòi hỏi nhiều năng lượng và tài nguyên hơn các loại rau củ ngũ cốc truyền thống sản xuất được tại chỗ. Kết quả là những ai tự đặt giới hạn cho mình chỉ sử dụng một chế độ ăn đơn giản kiểu địa phương sẽ không cần làm việc nhiều và sử dụng ít đất đai hơn so với những người thích ăn đồ xa xỉ.

Nếu người ta tiếp tục ăn thịt và thực phẩm nhập khẩu thì trong vòng mười năm chắc chắn nước Nhật sẽ rơi vào khủng hoảng thực phẩm. Trong vòng ba mươi năm sẽ có sự thiếu hụt thực phẩm trầm trọng. Cái ý tưởng ngớ ngẩn tràn tới từ nơi nào không biết, bảo rằng việc thay đổi từ ăn cơm sang ăn bánh mì là dấu hiệu của sự cải thiện trong cuộc sống hàng ngày của người Nhật. Thực sự không phải như vậy. Gạo lứt và rau củ trông có vẻ là một chế độ ăn đạm bạc, nhưng đấy là chế độ ăn rất tốt về mặt dinh dưỡng và cho phép con người ta sống một cách đơn giản và ngay thật.

Nếu thực sự chúng ta có khủng hoảng lương thực thì nó sẽ không phải do năng lực của tự nhiên không đủ, mà là do bởi ham muốn vô độ của con người.

[26] Mặc dù phần lớn thịt ở Bắc Mỹ được sản xuất bằng cách đem nông sản thu hoạch được như lúa mì, đại mạch, ngô và đậu nành cho động vật ăn, thì vẫn còn nhiều diện tích đất được sử dụng một cách tốt nhất khi thường xuyên cho quay vòng thành thảo nguyên hoặc đồng cỏ. Ở Nhật, gần như không tồn tại những khu vực đất đai như vậy. Hầu hết tất cả thịt đều phải nhập khẩu.

CÁI CHẾT KHOAN DUNG DÀNH CHO ĐẠI MẠCH

40 năm trước, hệ quả của sự thù địch chính trị gia tăng giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản khiến cho việc nhập khẩu lúa mì từ Mỹ trở nên bất khả. Cả nước có phong trào trồng lúa mì. Các giống lúa mì Mỹ đang được sử dụng đòi hỏi một thời vụ dài và lúa chín vào tầm giữa mùa mưa ở Nhật. Cho dù người nông dân đã phải bỏ ra rất nhiều công sức chăm sóc, hạt lúa mì vẫn thường bị thối trong lúc thu hoạch. Những giống lúa này rất thất thường và dễ nhiễm bệnh, vì thế cho nên nông dân không muốn trồng lúa mì nữa. Khi nghiền bột và nướng theo cách truyền thống, vị của nó ghê đến nỗi ta gần như bị nghẹn và phải nhổ nó ra.

Các giống hắc mạch và đại mạch truyền thống của Nhật có thể thu hoạch vào tháng năm, trước mùa mưa, vì thế chúng là giống cây trồng tương đối an toàn. Nhưng dù sao đi nữa, người nông dân vẫn bị ép phải trồng lúa mì. Ai cũng cười nhạo và nói chẳng có gì tệ hơn là việc trồng lúa mì, nhưng họ vẫn kiên nhẫn tuân theo chính sách (trồng lúa mì) của chính phủ.

Sau chiến tranh, lúa mì Mỹ lại được nhập với số lượng lớn, làm cho lúa mì trồng tại Nhật bị rớt giá. Điều này cộng thêm với nhiều lý do khác, đem lại lí do chính đáng cho việc ngưng trồng lúa mì. "Hãy từ bỏ lúa mì, hãy từ bỏ lúa mì" là khẩu hiệu được các nhà lãnh đạo nông nghiệp của chính phủ tuyên truyền khắp cả nước, và nông dân vui vẻ hưởng ứng. Cùng lúc đó, do giá lúa mì nhập khẩu thấp, chính phủ lại khuyến khích nông dân ngừng luôn cả việc trồng các cây vụ đông truyền thống là hắc mạch và đại mạch. Chính sách này được thực hiện và các đồng lúa của Nhật bị bỏ hoang suốt cả mùa đông.

Khoảng mười năm trước tôi được chọn làm người đại diện cho tỉnh Ehime trong cuộc thi "Người nông dân nổi bật của năm" trên kênh truyền hình NHK. Vào thời điểm đó, một thành viên Ban giám khảo đã hỏi tôi: "Ông Fukuoka này, sao ông không từ bỏ việc trồng hắc mạch và đại mạch?" Tôi trả lời: "Hắc mạch và đại mạch là những loại dễ trồng, và bằng việc trồng chúng luân phiên với lúa gạo chúng ta có thể sản xuất được sản lượng lương thực lớn nhất từ những cánh đồng nước Nhật. Đó là lý do vì sao tôi không từ bỏ chúng."

Rõ ràng là không có người nào bướng bỉnh đi ngược lại ý muốn của Bộ Nông nghiệp lại có thể được vinh danh "Người nông dân điển hình" nên tôi nói tiếp: "Nếu đấy là cái khiến cho một người không nhận được giải thưởng Người nông dân điển hình, tôi không có nó thì hơn." Sau này có một thành viên trong Ban giám khảo nói với tôi: "Nếu có rời khỏi trường đại học và tự mình làm nông, chắc tôi cũng sẽ làm như ông, trồng lúa gạo mùa hè và hắc mạch với đại mạch vào mùa đông, năm nào cũng như năm nào, như thời trước chiến tranh vậy."

Không lâu sau đó, tôi xuất hiện trên chương trình truyền hình của đài NHK trong một cuộc thảo luận với nhiều vị giáo sư đại học, và lúc đó tôi lại bị đặt câu hỏi: "Tại sao ông không từ bỏ việc trồng hắc mạch và đại mạch?" Tôi tuyên bố lại một lần nữa rất rõ ràng rằng tôi không định từ bỏ chúng cho dù có đưa ra bất cứ lý do nào trong hàng tá lý do nghe hay ho. Vào thời điểm đó, khẩu hiệu cho việc từ bỏ việc trồng trọt vụ đông là: "Một cái chết khoan dung." Ý là chuyện thực hành trồng luân phiên ngũ cốc vụ đông và lúa gạo nên ra đi một cách êm thấm. Nhưng "cái chết khoan dung" là cách nói quá nhẹ nhàng; vì Bộ Nông nghiệp thực bụng muốn nó chết dúi chết nhủi. Khi thấy rõ mục đích chính của chương trình này là cổ vũ cho sự kết liễu nhanh gọn việc trồng ngũ cốc vụ đông, mặc cho nó "chết đường chết chợ," có thể nói như vậy, tôi đã nổi cơn thịnh nộ.

Bốn mươi năm trước, họ kêu gọi trồng lúa mì, trồng ngũ cốc ngoại nhập, trồng cái loại cây vô dụng và bất khả thi. Rồi người ta nói các giống hắc mạch và đại mạch của Nhật không có giá trị thực phẩm cao như ngũ cốc Mỹ và thế là nông dân phải tiếc nuối từ bỏ việc trồng những

loại ngũ cốc truyền thống này. Khi tiêu chuẩn sống tăng lên nhanh chóng, lời tuyên bố đưa ra là hãy ăn thịt, ăn trứng, uống sữa và chuyển từ ăn cơm sang ăn bánh mì. Ngô, đậu nành và lúa mì được nhập vào với số lượng ngày càng tăng. Lúa mì của Mỹ rẻ tiền, vì thế việc trồng hắc mạch và đại mạch bị bỏ bê. Nền nông nghiệp Nhật Bản đã sử dụng những biện pháp buộc người nông dân phải làm những công việc bán thời gian ở thành thị để có tiền mua những nông sản mà họ được bảo là đừng có trồng.

Và giờ, khi mối quan ngại mới về việc thiếu hụt nguồn thực phẩm nổi lên, việc tự túc sản xuất hắc mạch và đại mạch lại được khuyến khích. Họ nói rằng thậm chí sẽ có tiền trợ cấp cho việc đó nữa. Nhưng trồng ngũ cốc vụ đông truyền thống trong một vài năm rồi lại bỏ không trồng sẽ là không đủ. Một chính sách nông nghiệp đáng tin cậy phải được thiết lập. Bởi lẽ Bộ Nông nghiệp không rõ ràng ngay từ đầu trong việc khuyến khích nên trồng cái gì, và bởi vì Bộ này không hiểu mối kết ràng giữa cái được trồng trên đồng ruộng với chế độ ăn của người dân, việc đưa ra một chính sách nông nghiệp nhất quán vẫn là điều bất khả thi.

Nếu đội ngũ viên chức của Bộ chịu lên núi và ra đồng cỏ, nhặt hái cho đủ bảy loại thảo dược mùa xuân, cùng bảy loại thảo dược mùa thu (cát cánh, sắn dây (kudzu), cúc bạc (vi hoàng), nữ lang, đậu chĩa ba Nhật, cẩm chướng dại và cỏ lau Nhật) rồi thưởng thức chúng, họ sẽ biết ngọn nguồn nuôi dưỡng con người là cái gì. Nếu nghiên cứu sâu hơn, họ sẽ thấy rằng ta có thể sống khỏe với những nông sản nội địa truyền thống như gạo, đại mạch, hắc mạch, kiều mạch và rau củ, và từ đó họ có thể quyết định một cách đơn giản rằng đấy là tất cả những gì mà nền nông nghiệp Nhật cần gieo trồng. Nếu đó là tất cả những gì mà người nông dân phải trồng trọt, việc làm nông sẽ trở nên rất dễ dàng.

Cho đến tận bây giờ, kiểu tư duy của các kinh tế gia hiện đại vẫn là: cách làm nông quy mô nhỏ, tự cấp tự túc là sai lầm, rằng đấy chỉ là một kiểu nông nghiệp sơ khai cần phải loại bỏ càng nhanh càng tốt. Họ nói rằng diện tích của mỗi cánh đồng phải mở rộng ra để đáp ứng với việc chuyển sang nền nông nghiệp quy mô lớn kiểu Mỹ. Cách suy nghĩ này không chỉ áp đặt ở trong nông nghiệp không thôi, sự phát triển trên tất cả các lĩnh vực khác cũng chuyển dịch theo hướng như thế.

Mục tiêu đặt ra là chỉ cần một số ít người làm nông. Những người có thẩm quyền trong nông nghiệp nói rằng ít người hơn mà sử dụng máy móc cỡ lớn, hiện đại thì vẫn có thể thu được sản lượng cao hơn trên cùng một diện tích đất. Đấy được xem là sự tiến bộ trong nông nghiệp. Sau chiến tranh, có khoảng 70 đến 80 phần trăm người Nhật là nông dân. Con số này thay đổi nhanh chóng xuống còn 50%, rồi 30%, 20%, và bây giờ đứng ở quanh mức 14%. Ý định của Bộ Nông nghiệp là đạt được tỷ lệ giống như Châu Âu và Mỹ, giữ cho tỉ lệ nông dân ở dưới 10% dân số, số còn lại thì không khuyến khích.

Theo quan điểm của tôi, nếu 100% dân số đều làm nông thì mới là lý tưởng. Ở Nhật, mỗi đầu người chỉ có một nghìn mét vuông đất trồng trọt. Nếu mỗi người dân được cấp cho một nghìn mét vuông, nghĩa là 5000 mét vuông cho mỗi hộ năm người, như thế là quá đủ đất trồng để nuôi sống cả hộ gia đình trong cả năm. Nếu thực hành cách làm nông tự nhiên, người nông dân cũng sẽ có nhiều thời gian nhàn tản và dành cho các hoạt động xã hội trong cộng đồng làng xóm. Tôi nghĩ đây là con đường trực tiếp nhất đưa đất nước này trở thành một dải đất đầy niềm vui và hạnh phúc.

CHỈ CẦN PHỤC VỤ TỰ NHIÊN VÀ THẾ LÀ MỌI SỰ TỐT ĐẸP CẢ

Ham muốn vô độ của con người là nguyên nhân cơ bản đưa thế giới đến tình trạng khó khăn hiện nay.

Nhanh còn hơn chậm, nhiều còn hơn ít – sự "phát triển" hào nhoáng này liên quan trực tiếp đến sự sụp đổ đang treo lơ lửng trên đầu xã hội. Nó chỉ có tác dụng chia cắt con người khỏi tự nhiên. Nhân loại phải thôi nuông chiều cho cái ham muốn sở hữu vật chất và lợi ích cá nhân, thay vào đó, hãy hướng tới nhận thức tâm linh.

Nông nghiệp phải thay đổi từ các hoạt động cơ giới cỡ lớn xuống các trang trại nhỏ gắn liền với bản thân sự sống. Đời sống vật chất và chế độ ăn uống cần phải đơn giản đi. Nếu làm được điều đó, lao động sẽ trở thành niềm vui, và đời sống tinh thần sẽ trở nên phong phú hơn.

Người nông dân càng tăng quy mô hoạt động thì thể chất và tinh thần của anh ta càng hao mòn, và rồi anh ta sẽ càng rời xa một cuộc sống mãn nguyện về tinh thần. Cuộc sống của người nông dân làm việc quy mô nhỏ có thể trông có vẻ sơ khai, nhưng trong việc sống một cuộc sống như vậy, chuyện suy ngẫm về Đại Đạo[27] là điều có thể. Tôi tin rằng nếu người ta thấu hiểu được sâu sắc môi trường xung quanh mình và thế giới thường ngày mà anh ta đang sống, thì sự kỳ vĩ của vạn giới sẽ được hiển bày.

Ngày xưa, vào những dịp cuối năm, người nông dân chỉ có một mẫu đất trong tay thường dành ra ba tháng từ tháng giêng tới tháng ba để đi săn thỏ trên đồi. Dù bị gọi là một nông dân nghèo, nhưng ông ta vẫn có tự do theo cách đó. Kỳ nghỉ năm mới kéo dài khoảng ba tháng. Dần dần, kỳ nghỉ lễ này rút ngắn xuống còn hai tháng, một tháng, và bây giờ ngày Tết chỉ còn là kỳ nghỉ ba ngày.

Sự teo nhỏ số ngày nghỉ Tết cho thấy người nông dân trở nên bận rộn thế nào, và đánh mất đi niềm hạnh phúc vui sống về thể chất cũng như tinh thần ra sao. Trong nền nông nghiệp hiện đại không có thời gian cho người nông dân viết một bài thơ hoặc sáng tác một bài hát.

Một ngày nọ, trong khi lau chùi miếu thờ nhỏ trong làng, tôi ngạc nhiên khi để ý thấy có vài tấm bảng treo trên tường. Chùi đi lớp bụi và nhìn vào các chữ cái đã mờ phai, tôi có thể nhìn ra hàng tá bài thơ *haiku*. Ngay cả trong một cái làng nhỏ như vậy, tầm hai mươi hoặc ba mươi người, cũng đã sáng tác được thơ *haiku* và dâng chúng lên như lễ vật. Điều đó cho thấy trong cuộc sống ngày xưa, người ta đã có bao nhiêu là 'không gian rộng mở'[28]. Một vài bài thơ hẳn đã vài trăm năm tuổi. Đã xa xưa lắm rồi, nên họ hẳn là những người nông dân nghèo, nhưng vẫn có sự nhàn tản để viết *haiku*.

Giờ thì chẳng có ai trong cái làng này rảnh rỗi để mà làm thơ nữa. Trong những tháng mùa đông lạnh giá, chỉ có một số ít dân làng có thể kiếm được chút thời gian để lẻn ra ngoài săn thỏ một hay hai ngày. Bây giờ, những lúc nhàn tản, ti vi là trung tâm của sự chú ý, và không có chút thời gian nào cho những thú tiêu khiển đơn giản mang lại sự phong phú cho cuộc sống hằng ngày của người nông dân nữa. Điều tôi muốn nói là, nông nghiệp đã trở nên nghèo nàn và yếu đuối về tinh thần; bản thân nó đang chỉ dành mối quan tâm tới sự phát triển về vật chất mà thôi.

Lão Tử, một hiền nhân của Đạo Lão, nói rằng có thể sống một cuộc sống trọn vẹn và tươm tất trong một ngôi làng nhỏ. Bồ Đề Đạt Ma, tổ sư của phái Thiền trong Phật giáo, đã trải qua

[27] Great Way: con đường của nhận thức tâm linh bao hàm sự chú ý tới và chăm lo cho những hoạt động thường nhật.

[28] Nguyên văn: Open space

chín năm sống trong hang không chút chộn rộn[29]. Lo lắng về chuyện kiếm tiền, mở rộng, phát triển, trồng những thứ cây kiếm ra tiền rồi vận chuyển chúng đi không phải là con đường dành cho người nông dân. Chỉ ở ngay đây, chăm lo cho một cánh đồng nhỏ, sở hữu hoàn toàn sự tự do và sung túc mỗi ngày, mọi ngày – đấy hẳn vẫn là cách thức khởi nguyên của nông nghiệp.

Việc cắt đôi trải nghiệm cuộc sống rồi gọi một bên vật chất và bên kia tinh thần là hạn hẹp và rối rắm. Con người không sống phụ thuộc vào thức ăn. Rốt cuộc thì chúng ta cũng không thể biết thức ăn là gì. Thậm chí sẽ tốt hơn nếu người ta thôi nghĩ về thức ăn đi. Tương tự như vậy, sẽ tốt đẹp cả nếu người ta thôi làm bản thân mình bận lòng về chuyện khám phá ra "ý nghĩa thực của sự sống"; chúng ta có thể sẽ không bao giờ biết được những câu trả lời cho những câu hỏi lớn về tâm linh, *có không hiểu thì cũng chẳng làm sao cả*. Chúng ta được sinh ra và đang sống trên trái đất này là để trực diện với hiện thực của Việc Sống.

Việc Sống không gì hơn là hệ quả của việc được sinh ra. Bất kể con người ăn gì để sống, bất kể người ta nghĩ mình phải ăn gì để sống, thì đấy không gì hơn cũng chỉ là một thứ nào đó mà họ nghĩ ra. Thế giới này tồn tại theo cách mà nếu người ta đặt qua một bên ý chí của mình, thay vào đó cứ để cho tự nhiên dẫn dắt thì sẽ chẳng có lý do gì để sợ chết đói.

An trú trong hiện tại – đấy là căn bản thực sự của đời sống con người. Khi một tri thức khoa học ngây ngô trở thành nền tảng của việc sống, người ta sẽ sống như thể chỉ dựa vào có mỗi tinh bột, chất béo, và protein, còn cây cối thì chỉ dựa vào mỗi ni-tơ, phốt phát, và kali.

Hơn nữa, các nhà khoa học, bất kể họ nghiên cứu thiên nhiên bao nhiêu và bao xa, cuối cùng cũng chỉ đi đến nhận ra thiên nhiên hoàn hảo và bí ẩn tới mức nào. Tin rằng nhờ vào việc nghiên cứu và bằng phát kiến, nhân loại có thể tạo ra một cái gì đó tốt hơn cả tự nhiên là điều ảo tưởng. Tôi nghĩ rằng người ta đang gắng sức không vì lý do nào khác hơn là để biết được cái mà ta có thể gọi là sự 'bất khả tư nghị'[30] về cái bao la của tự nhiên.

Vì thế đối với người nông dân trong công việc của mình: hãy phụng sự tự nhiên rồi mọi chuyện đều sẽ đâu vào đó. Làm nông đã từng là công việc thiêng liêng. Khi nhân loại rời xa khỏi lý tưởng này là khi nền nông nghiệp thương mại hiện đại bắt đầu. Khi người nông dân bắt đầu trồng cây để kiếm tiền, ông ta đã quên mất những nguyên tắc thực sự của nông nghiệp.

Tất nhiên nhà buôn có một vai trò riêng trong xã hội, nhưng sự vinh danh các hoạt động của thương lái có khuynh hướng kéo con người ra khỏi việc nhận chân được cội nguồn của sự sống. Làm nông, với tư cách là một nghề, ở bên trong tự nhiên, thì gần với nguồn sống này nhất. Nhiều nông dân không để tâm nhận thức về tự nhiên ngay cả khi đang sống và làm lụng trong môi trường tự nhiên, nhưng với tôi, việc làm nông luôn mang lại cho người ta rất nhiều cơ hội để có được sự nhận thức lớn lao hơn.

"Liệu mùa thu tới có mang theo gió hay mưa, tôi không thể nào biết được, nhưng hôm nay tôi sẽ làm lụng trên đồng." Đó là những lời của một bài dân ca cổ. Chúng biểu đạt sự thật về việc làm nông như là một cách sống. Bất kể việc mùa màng có thành ra thế nào, bất kể sẽ có đủ thức ăn để ăn hay không, trong việc gieo hạt và dịu dàng chăm lo cho cây cối dưới sự dẫn dắt của thiên nhiên luôn chứa đựng niềm vui.

---

[29] Bồ Đề Đạt Ma đã dành 9 năm ngồi đối mặt vào vách đá, thường gọi là cửu niên diện bích (ND)

[30] Không thể luận bàn

CÁC TRƯỜNG PHÁI NÔNG NGHIỆP TỰ NHIÊN

Tôi đặc biệt không thích từ "làm việc." Con người là loài động vật duy nhất phải làm việc, và tôi nghĩ đó là điều nực cười nhất trên thế giới này. Các động vật khác kiếm sống bằng cách sống, nhưng con người thì làm việc như điên, nghĩ rằng mình phải làm vậy mới sống được. Công việc càng lớn lao, thách thức càng cao thì họ nghĩ nó càng tuyệt vời. Sẽ tốt biết bao khi từ bỏ cách nghĩ ấy và sống một cuộc sống dễ dàng, thoải mái với bao nhiêu là thời gian rảnh rỗi. Tôi nghĩ đấy là cách mà các con thú sống ở những vùng nhiệt đới, sáng sáng tối tối bước ra ngoài xem có gì để ăn không, trưa thì đánh một giấc dài, hẳn đó phải là một cuộc sống tuyệt vời.

Đối với con người, một cuộc sống giản dị như vậy là có thể, nếu người ta làm việc để đáp ứng trực tiếp nhu cầu hàng ngày của mình. Trong một cuộc sống như thế, lao động chẳng phải là lao động như người ta thường nghĩ, mà đơn giản chỉ là làm những gì cần làm.

Mục đích của tôi là đưa mọi việc theo chiều hướng này. Đó cũng là mục tiêu của bảy, tám người trẻ sống cùng nhau trong những cái chòi trên núi và giúp nhau làm những việc nho nhỏ của nhà nông. Những người thanh niên này muốn trở thành nông dân, thành lập những làng mới, những cộng đồng mới, và thử sống theo cách ấy. Họ đến với trang trại của tôi để học hỏi các kỹ năng thực tế của việc làm nông mà họ sẽ cần tới.

Nếu ta nhìn khắp cả nước, thời gian gần đây có khá nhiều cộng đồng đang mọc lên. Nếu họ bị gán cho cái tên là những ổ hippy, thì cứ nhìn nhận họ là như vậy. Nhưng trong việc sống và làm việc cùng nhau, trong việc tìm đường quay trở về với tự nhiên, họ chính là kiểu mẫu của "người nông dân mới." Họ hiểu rằng sống từ sản vật trên mảnh đất của chính mình mới là cuộc sống bền chắc. Một cộng đồng mà không thể xoay xở sản xuất thực phẩm cho chính mình thì sẽ không tồn tại được lâu.

Nhiều người trong số những thanh niên này du hành tới Ấn Độ, hoặc đến làng Gandhi ở Pháp, dành thời gian làm việc trong những *kibbutz* ở Israel, hoặc tới thăm những cộng đồng sống trên núi và sa mạc Tây Mỹ. Có những nhóm như nhóm người trên đảo Suwanose trong quần đảo Tokara phía Nam nước Nhật, họ thử nghiệm những kiểu sống gia đình mới mẻ và trải nghiệm sự thân thuộc giống với các cách sống bộ lạc. Tôi nghĩ rằng phong trào của những người này đang mở đường cho một thời đại tốt đẹp hơn. Chính từ những thanh niên đó mà việc làm nông tự nhiên nhanh chóng đứng vững và tạo được đà phát triển.

Thêm vào đó, nhiều nhóm tôn giáo khác nhau cũng đang tiếp nhận cách làm nông tự nhiên. Trong việc tìm kiếm bản chất cốt tủy của con người, bất kể ta tiếp cận theo cách nào, ta cũng phải bắt đầu bằng việc xem xét vấn đề sức khỏe. Con đường dẫn đến chánh niệm bao hàm việc sống mỗi ngày một cách đơn giản, chỉ nuôi trồng cũng như ăn thực phẩm tự nhiên và toàn phần. Cho nên chuyện làm nông tự nhiên đối với nhiều người luôn là điểm tốt nhất để bắt đầu.

Bản thân tôi không thuộc về bất cứ một nhóm tôn giáo nào và tôi sẽ thảo luận quan điểm của tôi một cách cởi mở với bất kỳ ai. Tôi không quan tâm lắm việc phân biệt rạch ròi giữa Thiên chúa giáo, Phật giáo, Thần đạo và các tôn giáo khác, nhưng tôi thấy thật tò mò là những người có niềm tin tâm linh sâu sắc lại đang bị cuốn hút đến với trang trại của tôi. Tôi nghĩ đấy là do việc làm nông tự nhiên không giống với các kiểu làm nông khác, nó dựa trên một triết lý thâm sâu vượt qua khỏi những quan tâm về phân tích tính chất đất, độ pH và sản lượng thu hoạch.

Một thời gian trước đây, có anh bạn từ Trung tâm làm vườn hữu cơ Paris đã trèo lên núi này và chúng tôi trò chuyện cả ngày với nhau. Nghe về những sự vụ xảy ra ở nước Pháp, tôi được biết rằng họ đang lên kế hoạch tổ chức một hội nghị về nông nghiệp hữu cơ quy mô quốc tế, và để chuẩn bị cho buổi gặp gỡ đó, anh chàng người Pháp này đang đi thăm các nông trại hữu cơ và tự nhiên trên khắp thế giới. Tôi dẫn anh ta đi thăm thú quanh vườn cây, rồi cùng ngồi xuống uống một tách trà ngải và bàn luận về một số những quan sát của tôi trong vòng hơn ba mươi năm qua.

Trước tiên, tôi nói khi ta xem xét những nguyên tắc làm nông hữu cơ phổ biến ở phương Tây, ta sẽ thấy chúng hầu như không khác gì mấy so với nền nông nghiệp truyền thống phương Đông được thực hành ở Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản trong nhiều thế kỷ. Tất cả nông dân Nhật vẫn còn sử dụng kiểu làm nông này suốt thời Minh Trị (Meiji) và Đại Chính (Taisho) (1868-1926) cho tới khi kết thúc Thế chiến thứ hai.

Đó là hệ thống nhấn mạnh tầm quan trọng căn bản của phân mùn và việc tái sử dụng các chất thải của người và động vật. Phương thức canh tác rất chuyên sâu và bao gồm những phương thức như luân canh, cộng sinh, cùng với việc sử dụng phân xanh. Vì không gian trồng trọt có hạn nên các cánh đồng không bao giờ bị bỏ không, thời khoá biểu trồng và thu hoạch được tiến hành rất chính xác. Tất cả những phần hữu cơ thừa ra đều được biến thành phân mùn vi sinh và cho quay trở lại bón ruộng. Việc sử dụng phân mùn vi sinh được chính thức khuyến khích và các nghiên cứu trong nông nghiệp chủ yếu là liên quan tới chất hữu cơ và các kỹ thuật ủ phân.

Đó là một nền nông nghiệp có sự tham gia của động vật, cây trồng và con người, kết hợp thành một thể thống nhất đã tồn tại như một phương thức làm nông chủ đạo của nước Nhật cho đến thời cận đại. Có thể nói nông nghiệp hữu cơ được tiến hành ở phương Tây lấy khởi điểm là nền nông nghiệp truyền thống của phương Đông.

Tôi nói tiếp, trong các phương pháp làm nông tự nhiên có thể phân biệt thành hai loại: cách làm nông tự nhiên kiểu rộng, siêu việt, và cách làm nông tự nhiên kiểu hẹp của thế giới tương đối.[31] Nếu buộc phải nói về nó theo thuật ngữ nhà Phật thì hai cách này có thể gọi một cách tương đối là làm nông tự nhiên Đại thừa và Tiểu thừa.

Làm nông tự nhiên kiểu rộng, Đại thừa, tự nó xuất hiện khi có một sự thống nhất giữa con người và tự nhiên. Nó tuân theo tự nhiên như tự nhiên vốn có và tuân theo tâm trí con người như nó vốn là. Nó xuất phát từ niềm tin rằng nếu cá nhân tạm từ bỏ ý chí của mình, để cho bản thân được dẫn dắt bởi tự nhiên, thì tự nhiên sẽ đáp ứng lại bằng cách cung cấp cho anh ta tất cả những gì anh ta cần. Xin đưa ra một sự so sánh đơn giản, trong cách làm nông tự nhiên siêu việt, mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên có thể được ví như một cặp vợ chồng hợp cẩn trong cuộc hôn nhân hoàn hảo. Cuộc hôn nhân này không được ban phát, không được tiếp nhận, mà là cặp đôi hoàn hảo tự hiện hữu.

Còn cách làm nông tự nhiên kiểu hẹp thì ngược lại, phải *chạy đuổi theo* cách thức của tự nhiên, nó *cố gắng* đi theo tự nhiên một cách nhuần nhuyễn bằng phương pháp “hữu cơ” hoặc các phương pháp khác. Làm nông chỉ là phương tiện để đạt được một mục tiêu đã định. Mặc dù thực lòng yêu thiên nhiên và tha thiết ngỏ lời với nàng, nhưng mối quan hệ đó vẫn còn trong e ngại. Kiểu làm nông theo công nghiệp hiện đại, vừa ham muốn có được trí khôn của trời mà chẳng nắm bắt được ý nghĩa của nó, lại vừa muốn kiếm chác từ thiên nhiên. Kiếm tìm không ngừng nghỉ, nhưng chẳng thể tìm được ai để gửi trao.

Cái nhìn hạn hẹp về làm nông tự nhiên phát biểu rằng sẽ tốt cho người nông dân nếu bổ sung chất hữu cơ cho đất và nuôi động vật, rằng đấy là cách tốt nhất và hiệu quả nhất để tự nhiên trở nên hữu dụng. Nói trong giới hạn thực tiễn của mỗi cá nhân thì đó là điều tốt, nhưng chỉ với cách này thì tinh thần thực sự của nông nghiệp tự nhiên không thể duy trì được. Kiểu làm nông tự nhiên hạn hẹp như thế tương tự với trường phái kiếm thuật một nhát chém (one-

---

[31] Đây là thế giới được hiểu bởi trí năng.

stroke school), nó tìm kiếm thắng lợi qua kỹ năng, thế nhưng vẫn chỉ là sự áp dụng kỹ thuật một cách nhuần nhuyễn mà thôi. Cách làm nông công nghiệp hiện đại đi theo trường phái hai nhát chém (two-stroke school), nó tin rằng chiến thắng có thể đạt được bằng cách chống đỡ được nhiều nhất (những nhát kiếm của đối phương).

Trái lại, làm nông thuần túy tự nhiên là kiểu trường phái không nhát chém (no-stroke school). Nó chẳng đi tới cái đích nào mà cũng không tìm kiếm chiến thắng. Đưa khái niệm "không làm gì cả" vào thực hành là một điều mà người nông dân phải nỗ lực đạt tới. Lão Tử có nói về khía cạnh bất động của tự nhiên, và tôi nghĩ rằng nếu là nông dân ông ấy nhất định sẽ thực hành việc làm nông tự nhiên. Tôi tin rằng cách thức của Gandhi, một phương pháp bất phương pháp, hành động với một tâm thức không đối kháng, không thắng thua, thì cũng giống với làm nông tự nhiên. Khi hiểu được rằng người ta sẽ đánh mất niềm vui và niềm hạnh phúc trong việc cố gắng để sở hữu chúng thì đó là lúc điều cốt yếu của việc làm nông tự nhiên sẽ được nhận chân. Mục đích tối thượng của việc làm nông không phải là trồng cây, mà là sự tu dưỡng và hoàn thiện con người.[32]

---

[32] Trong đoạn này, ông Fukuoka đang vạch ra một sự phân định giữa các kỹ thuật được thực hiện với ý thức theo đuổi một mục tiêu định trước, với các kỹ thuật bật ra một cách tức thời, như là sự biểu đạt cái hoà hợp của một người với tự nhiên, tự do khỏi sự lấn át của trí năng, trong khi anh ta thực hiện các hoạt động thường ngày của mình.

IV

SỰ MƠ HỒ VỀ THỨC ĂN

Một bạn trẻ sống đã ba năm ở một trong những cái chòi ở trên núi một ngày kia nói với tôi, "Bác ạ, khi người ta nói tới 'thực phẩm tự nhiên' cháu chả biết ý của họ là gì."

Khi ta nghĩ về điều đó thì thấy rằng ai ai cũng quen thuộc với cụm từ "thực phẩm tự nhiên," nhưng thực phẩm tự nhiên thực sự là gì thì không mấy ai hiểu một cách rõ ràng. Nhiều người cho rằng việc ăn những thực phẩm không có chứa các hoá chất nhân tạo hoặc các chất phụ gia thì đã là một chế độ ăn tự nhiên rồi, người khác thì nghĩ một cách mơ hồ rằng chế độ ăn tự nhiên là tìm thấy những thực phẩm như thế nào trong tự nhiên thì ăn đúng như thế.

Nếu ta đặt câu hỏi, liệu việc sử dụng lửa và muối trong nấu ăn là tự nhiên hay phi tự nhiên thì có hai cách trả lời. Nếu chế độ ăn của những người thời cổ sơ chỉ ăn thực vật và động vật trong trạng thái hoang dã của chúng là "tự nhiên," thì một chế độ ăn dùng tới muối và lửa không thể được coi là tự nhiên. Nhưng nếu lập luận rằng những tri thức có được từ thời xưa về sử dụng lửa và muối là định mệnh tự nhiên của loài người, thì thức ăn được chế biến một cách thích hợp là điều hoàn toàn tự nhiên. Liệu rằng thực phẩm, được các kỹ thuật chế biến của con người áp dụng vào là tốt, hay các thức ăn nguyên sơ như trong tự nhiên mới được xem là tốt? Liệu những nông sản được tạo ra do canh tác có thể được gọi là tự nhiên? Đâu là lằn ranh giữa tự nhiên và phi tự nhiên?

Có thể nói rằng cụm từ "chế độ ăn tự nhiên" ở Nhật bắt nguồn từ những lời dạy của Sagen Ishizuka thời Minh Trị (Meiji). Lý thuyết của ông ấy sau này được tinh chỉnh và nâng tầm bởi ông Sakurazawa (George Osawa) và ông Niki. Con đường dưỡng sinh (Thực dưỡng), được biết tới ở phương Tây với cái tên Macrobiotics, đặt nền tảng trên thuyết bất nhị và các khái niệm âm-dương của Kinh Dịch. Do nó thường có nghĩa là chế độ ăn gạo lứt, nên "chế độ ăn tự nhiên" thường được nghĩ là việc ăn ngũ cốc toàn phần và rau củ. Tuy vậy, thực phẩm tự nhiên không thể quy một cách quá đơn giản về chế độ ăn chay gạo lứt.

Vậy thì nó là gì?

Nguyên do của tất cả những sự mơ hồ này là ở chỗ, có hai lối đi của tri thức loài người – phân biệt (discrimination) và bất phân biệt (non-discrimination)[33]. Người ta thường tin rằng việc nhìn nhận thế giới không lầm lẫn là điều có thể có được chỉ qua việc phân biệt. Vì thế, cái từ "tự nhiên" như thường được đề cập là hàm ý một tự nhiên như nó được tiếp nhận bởi trí phân biệt.

Tôi chối từ cái hình ảnh rỗng tuếch về tự nhiên được tạo ra bởi trí não con người như thế, và tôi cũng phân định rạch ròi giữa nó với bản thân tự nhiên - như được trải nghiệm bởi sự hiểu biết bất phân biệt. Nếu chúng ta xóa bỏ đi được khái niệm sai lầm về tự nhiên đó, tôi tin rằng căn nguyên của sự hỗn loạn trên thế giới sẽ biến mất.

Ở phương Tây, khoa học tự nhiên được phát triển từ tri thức phân biệt; ở phương Đông triết lý về âm-dương và về Kinh Dịch được phát triển từ cùng một nguồn như thế. Thế nhưng chân lý khoa học không bao giờ có thể đạt tới chân lý tuyệt đối, còn các triết thuyết, sau cùng thì chẳng khác gì hơn những diễn giải về thế giới. Tự nhiên như được nắm bắt bởi tri thức

[33] Đây là cách chia trong nhiều trường phái triết học phương Đông. Phân biệt tri thức phát xuất từ sự phân tích, nỗ lực cố tình sắp xếp mọi thứ thành những khuôn mẫu. Ông Fukuoka cho rằng khi làm như vậy, con người đã vô tình tách mình khỏi tự nhiên. Đó chính là "giới hạn trong nhận thức và phán đoán của khoa học."

Việc phân biệt tri thức là thiết yếu để giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn trên thế giới, nhưng ông Fukuoka tin rằng điều đó dẫn đến góc nhìn quá hạn hẹp.

khoa học là một thứ tự nhiên đã bị phá hoại; nó là một bóng ma chiếm hữu một bộ xương, nhưng chẳng có linh hồn. Tự nhiên như được nắm bắt bởi tri thức triết học là một lý thuyết được tạo ra từ sự ức đoán của con người, một bóng ma với một linh hồn, nhưng không có kết cấu.

Chẳng có cách nào khác để có thể nhận ra được tri thức bất phân biệt, ngoại trừ bằng trực giác, nhưng người ta lại cố nhét nó vào một cái khung quen thuộc bằng việc gọi nó là "bản năng." Thực ra nó là tri thức tới từ một nguồn không thể đặt tên. Hãy bỏ lại tâm trí phân biệt và vượt qua thế giới tương đối nếu ta muốn biết bản chất thật sự của tự nhiên. Tự khởi đầu chẳng hề có Đông hay Tây, chẳng có bốn mùa, và không cả âm hay dương.

Khi tôi đi xa tới mức này, thì anh bạn trẻ kia hỏi tiếp, "Vậy là bác không chỉ chối từ khoa học tự nhiên, mà cả các triết lý phương Đông dựa trên âm-dương và Kinh Dịch nữa ạ?"

Tôi nói, những điều trên với tư cách một cách thức hay với vai trò những cột mốc chỉ hướng có thể được thừa nhận là có giá trị, nhưng chúng không nên được xem như là những sở đắc cao nhất. Những chân lý khoa học và triết học là những khái niệm của thế giới tương đối, ở đó chúng là đúng và giá trị của chúng được nhìn nhận. Chẳng hạn, đối với những người hiện đại sống trong thế giới tương đối, đang gây đảo lộn trật tự của tự nhiên và dẫn tới sự suy sụp của chính cơ thể và tinh thần của họ, thì học thuyết âm-dương có thể đóng vai trò như một mũi tên chỉ đường thích hợp và hiệu quả, chỉ về phía khôi phục lại trật tự đó.

Những đường hướng như thế có thể nói là những thuyết hữu ích giúp người ta đạt được một chế độ ăn cô đọng và tinh gọn[34], cho tới khi một chế độ ăn tự nhiên thực sự được thành hình. Nhưng nếu ta nhận ra rằng mục tiêu cuối cùng của con người là vượt lên trên thế giới tương đối, để vui chơi trong địa hạt của tự do, thì việc kéo lê theo, dính chặt với lý thuyết là một sự không may. Khi cá nhân đó có thể bước vào một thế giới trong đó hai khía cạnh âm và dương quay trở về với sự thống nhất nguyên thủy của chúng, thì nhiệm vụ của những biểu tượng này kết thúc.

Một bạn trẻ mới đến lên tiếng: "Thế thì, nếu ta trở thành một con người tự nhiên thì ta có thể ăn bất kể thứ gì ta muốn à?"

Ta còn mong chờ một thế giới sáng sủa ở bên kia đường hầm chừng nào thì bóng tối của đường hầm còn kéo dài tới chừng ấy. Khi ta không còn muốn ăn cái gì đó cho ngon miệng, thì ta có thể nếm được hương vị thực sự của bất kể thứ gì mà ta đang ăn. Bày những thực phẩm đơn giản của chế độ ăn tự nhiên lên bàn ăn thì dễ, nhưng có thể thực sự thưởng thức một bữa tiệc như thế thì chỉ có một vài người.

[34] Nguyên văn: "condensed and compact"

MẠN ĐÀ LA
THỰC PHẨM CỦA TỰ NHIÊN

Suy nghĩ của tôi về thực phẩm tự nhiên thì cũng giống như với việc làm nông tự nhiên. Cũng như làm nông tự nhiên phải tuân theo tự nhiên như nó có, nghĩa là, tự nhiên được thấu hiểu bởi tâm trí bất phân biệt, thì chế độ ăn tự nhiên là một cách ăn uống trong đó những thực phẩm được thu hái ở nơi hoang dã hoặc là những cây cỏ được trồng theo cách làm nông tự nhiên, và những con cá được bắt theo những phương pháp tự nhiên, cách ăn uống này có được qua tâm trí bất phân biệt mà không vận dụng tới hành động cố ý.

Dù tôi có nói về hành động không cố ý và phi phương pháp, thì tất nhiên những hiểu biết trí tuệ có được theo thời gian trong cuộc sống thường ngày vẫn được thừa nhận. Việc sử dụng muối và lửa trong nấu nướng có thể bị chỉ trích như là bước đi đầu tiên của sự chia cắt con người ra khỏi tự nhiên, nhưng đấy đơn giản chỉ là trí tuệ tự nhiên, như được hiểu bởi những người cổ sơ, và điều đó nên được thừa nhận như là trí khôn trời ban.

Những cây trồng đã tiến hoá qua hàng ngàn và hàng vạn năm khi sống chung với con người không phải là những sản phẩm sinh ra hoàn toàn từ tri thức phân biệt của người làm nông, và có thể được xem là những thực phẩm hình thành một cách tự nhiên. Nhưng những giống loài bị can thiệp tức thời lại không được tiến hoá dưới những điều kiện tự nhiên, thay vào đó được phát triển bởi ngành khoa học nông nghiệp, là cái đã bị kéo xa khỏi tự nhiên, cũng như những con cá, tôm cua sò hến, cùng với những con gia súc được sản xuất hàng loạt, chúng nằm ngoài danh mục (tự nhiên) này.

Trồng trọt, nuôi cá, chăn nuôi động vật, thức ăn thực tế hàng ngày, quần áo để mặc, mái nhà trên đầu, cuộc sống tinh thần – tất cả mọi thứ - phải tạo thành một thể thống nhất với tự nhiên.

Tôi đã vẽ các sơ đồ sau để giúp cho việc giải thích chế độ ăn tự nhiên thoát qua khỏi khoa học và triết lý. Sơ đồ đầu tiên tập hợp lại những loại thức ăn người ta có thể dễ dàng có được nhất, và những thức ăn này được sắp xếp theo các nhóm, đại loại như thế. Sơ đồ thứ hai cho thấy những loại thức ăn nào có vào những tháng nào trong năm. Các sơ đồ này tạo nên Mạn đà la[35] thực phẩm của tự nhiên. Từ Mạn đà la này, có thể thấy rằng nguồn thức ăn được cung cấp trên bề mặt trái đất này gần như là vô hạn. Nếu người ta kiếm được thức ăn qua "vô-tâm"[36] thì ngay cả khi họ chẳng biết gì về âm và dương, họ vẫn có thể có được một chế độ ăn tự nhiên hoàn hảo.

Những ngư dân và nông dân ở làng quê Nhật Bản không để tâm tới luận lý của những sơ đồ này. Họ tuân theo sự chỉ định của tự nhiên bằng cách chọn lấy những thực phẩm theo mùa có ngay trong khu vực họ sinh sống.

Từ đầu mùa xuân, khi bảy loại thảo dược nảy mầm lên từ đất, người nông dân có thể thưởng thức được bảy vị. Đi cùng với những thức này là vị ngon lành của ốc trong ao, trai biển và các loài nhuyễn thể.

Mùa lá xanh đến vào tháng ba. Cây đuôi ngựa, dương xỉ diều hâu, cây ngải, cây vi (một loại dương xỉ), cùng các loại cây mọc trên núi khác, và tất nhiên những chiếc lá non của cây hồng vàng, cây đào, cùng với đọt non của các loại khoai núi, tất cả chúng đều ăn được. Sở hữu vị thanh nhẹ, chúng làm nên những món xào ngon miệng và cũng có thể được dùng để làm gia vị.

---

[35] Một đồ hình hình tròn trong nghệ thuật và tôn giáo phương Đông, biểu trưng cho sự tổng thể và toàn vẹn của chủ đề.

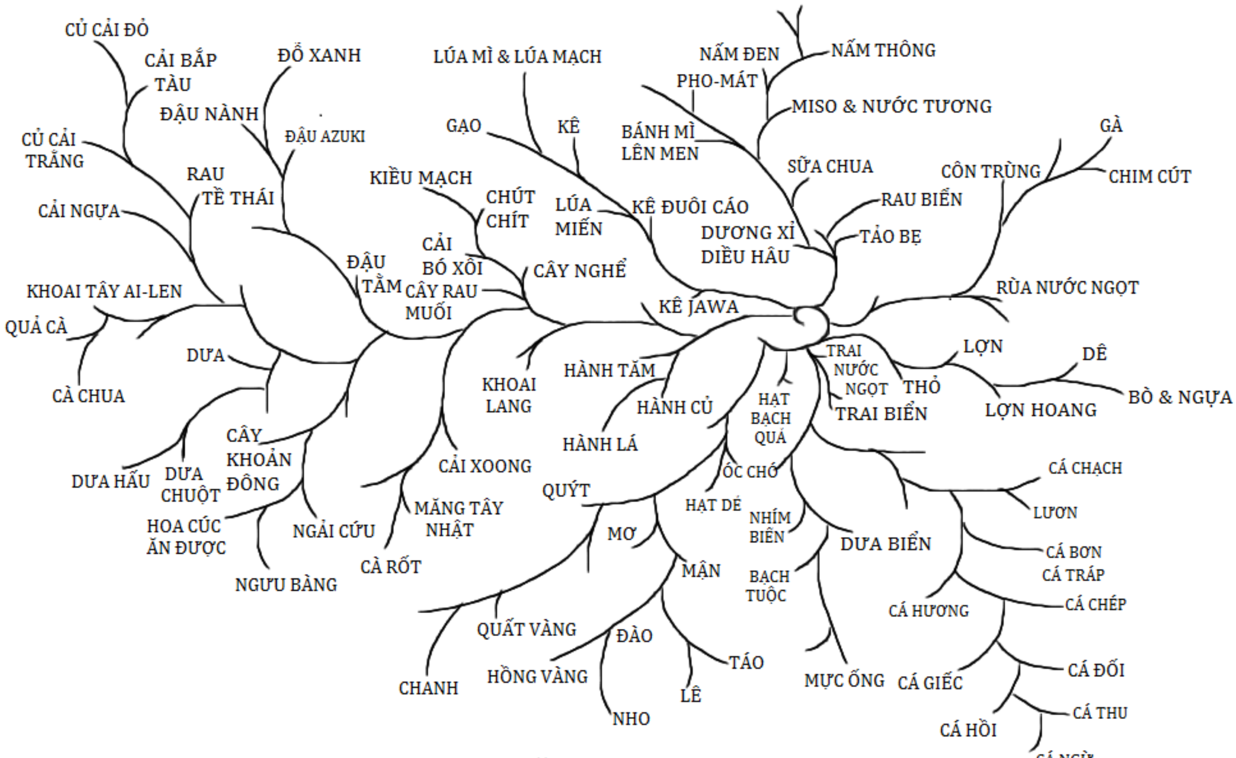
[36] No-mind: một từ Phật giáo mô tả trạng thái trong đó không có sự phân biệt giữa cá nhân và thế giới "bên ngoài."

Ở bờ biển thì những loại rau biển như tảo bẹ, rong đỏ và rong đá thật ngon lành và có nhiều suốt những tháng mùa xuân.

Khi những cây tre nhú những búp măng lên khỏi mặt đất thì cũng là lúc cá tuyết đá xám, cá tráp biển và cá lợn vằn đang ở thời điểm ăn ngon nhất. Mùa hoa iris nở được ăn mừng với sashimi cá hố và cá thu. Đậu xanh, đậu tuyết, đậu lima và đậu gà lột vỏ ăn luôn hoặc đem nấu với ngũ cốc toàn phần như gạo lứt, mì lứt hay mạch lứt đều ngon cả.

Tới cuối mùa mưa[37], mơ Nhật được đem muối, còn dâu tây và mâm xôi có thể đi nhặt được rất nhiều. Vào lúc này, thật tự nhiên là cơ thể bắt đầu thèm vị mát của hành tăm cùng với những loại trái cây mọng nước như sơn trà Nhật, mơ và đào. Trên cây sơn trà Nhật thì quả của nó không phải là thứ duy nhất có thể ăn được. Hạt có thể nghiền ra thành "cà phê", và khi lá của nó được ủ để làm trà thì đấy là một trong những loại thuốc quý nhất. Những lá già của cây đào và cây hồng vàng sản sinh ra một loại thuốc bổ kéo dài tuổi thọ.

Nếu gọi đó là điều huyền bí, thì đúng là huyền bí thật, khi mà ngũ cốc mùa đông được thu hoạch vào mùa xuân lại hợp đến thế với sự chán ăn vào mùa hè, và vì thế trong hè, các loại mì sợi vắt từ hạt đại mạch với đủ kích thước và hình dạng lại được chế biến thường xuyên. Hạt kiều mạch thì được thu hoạch trong hè. Đấy là một loại cây hoang từ cổ xưa và là một loại thực phẩm rất hợp với mùa này.



CÁC THỨC ĂN TỰ NHIÊN - MẠN ĐÀ LA I

Đầu thu là khoảng thời gian thật vui sướng, với đậu nành và đậu đỏ nhỏ hạt (azuki), nhiều loại trái cây, rau, cùng với nhiều loại ngũ cốc màu vàng đều chín cùng một lúc. Bánh kê được thưởng thức vào các ngày hội ngắm trăng thu. Đậu nành luộc sơ được bày ra cùng với khoai sọ. Vào khoảng cuối mùa thu, ngô và gạo được hấp lên với đậu đỏ, nấm hương, hoặc hạt dẻ, là những món được ăn và thưởng thức thường xuyên. Quan trọng hơn cả là hạt thóc đã hấp thụ ánh nắng mặt trời suốt cả mùa hè và chín vào mùa thu. Điều này có nghĩa đây là một loại thức ăn chủ đạo có thể tích trữ nhiều, nó giàu năng lượng, thích hợp cho những tháng mùa đông lạnh giá.

---

[37] Hầu hết Nhật Bản có mùa mưa kéo dài từ tháng sáu tới giữa tháng bảy

Khi băng giá bắt đầu xuất hiện, người ta cảm thấy muốn ghé qua chỗ lò nướng cá. Cá mình xanh sống ở vùng nước sâu như cá đuôi vàng hay cá ngừ có thể bắt được trong mùa này. Thật thú vị là củ cải Nhật và những loại rau ăn lá có nhiều trong mùa lại thích hợp với những loại cá này đến vậy.

Việc nấu nướng trong ngày Lễ mừng năm mới được chuẩn bị phần lớn từ những thực phẩm đã được muối chua hay ướp mặn từ trước đặc biệt để dành cho ngày lễ lớn. Việc cá hồi muối, trứng cá trích, cá tráp đỏ, tôm hùm, tảo bẹ, và đậu đen được bày lên bàn tiệc mỗi năm đã diễn ra trong nhiều thế kỷ rồi.

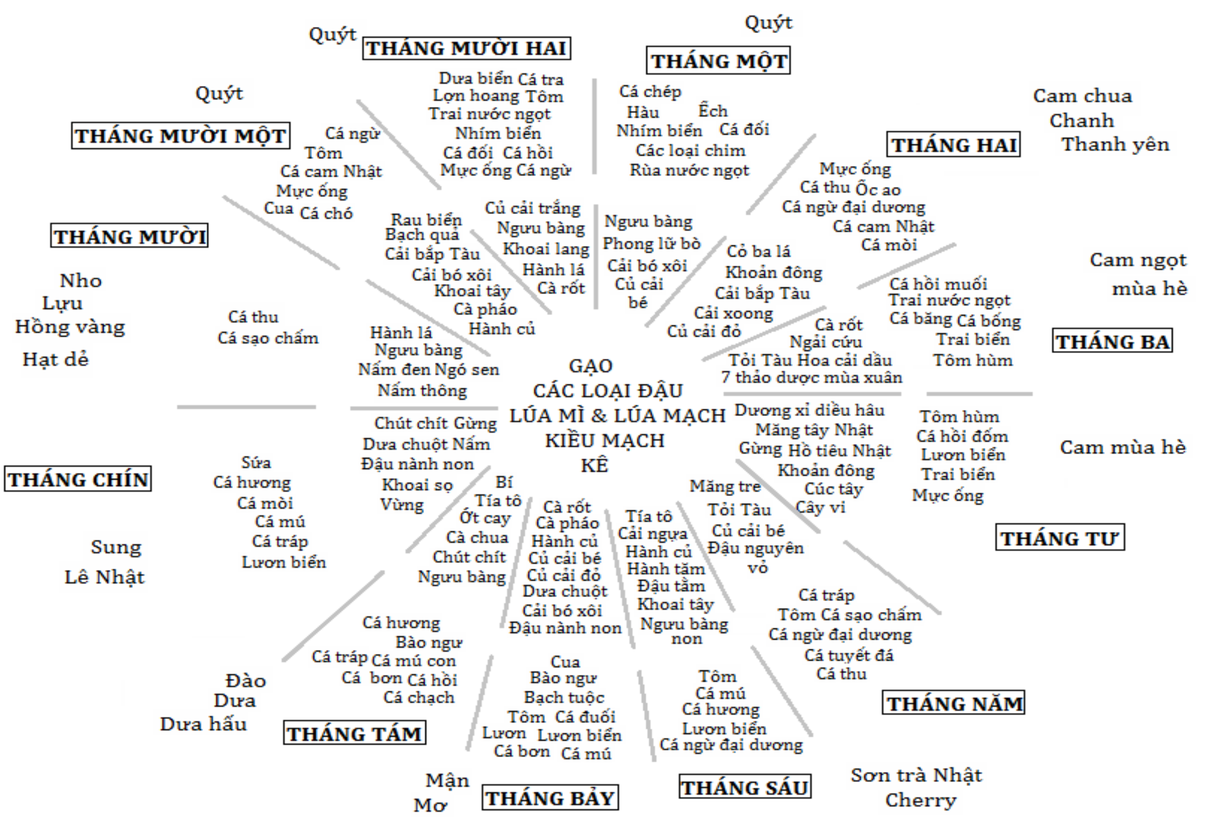
Việc đào những loại củ cải trước đó được bỏ mặc trên mặt đất, giờ được bao phủ bởi một lớp đất và tuyết, là một trải nghiệm thích thú trong mùa đông. Ngũ cốc và nhiều loại đậu đỗ được trồng trong năm cùng miso và nước tương là những món ăn chủ đạo luôn luôn có sẵn. Cùng với cải bắp, củ cải, bí và khoai lang được tích trữ trong mùa thu là một trong số những thức ăn sẵn có trong những tháng lạnh lẽo hơn. Tỏi tây và hành hoang rất hợp với vị ngon của hàu và con dưa biển có thể bắt được vào thời gian đó.

Trong lúc chờ cho mùa xuân tới, người ta có thể thoáng thấy những cái mầm của cây chân ngựa và những cái lá ăn được của loại phong lữ bò ló ra khỏi tuyết. Với sự trở lại của cải xoong, rau tề thái, cỏ gà, và những loại thảo dược hoang khác, cả một vườn những cây rau tự nhiên của mùa xuân có thể thu hái ngay dưới cửa sổ nhà bếp.

Vì thế, bằng việc đi theo một chế độ ăn giản dị, hái lượm những thực phẩm của các mùa trong năm khác nhau ở gần nhà, bằng việc thưởng thức sự toàn phần và hương vị giàu dinh dưỡng của chúng, những cư dân bản địa chấp thuận những gì mà tự nhiên mang tới.

Những người này biết hương vị ngon lành của thức ăn, nhưng họ chẳng thể nếm được hương vị huyền bí của tự nhiên; đúng hơn là họ nếm được nó, nhưng không thể biểu đạt nó ra bằng ngôn từ.

Một chế độ ăn tự nhiên nằm ngay ở dưới chân mỗi người.



CÁC THỨC ĂN TỰ NHIÊN - MẠN ĐÀ LA II

VĂN HOÁ ẨM THỰC

Khi được hỏi lý do tại sao chúng ta lại ăn thức ăn, ít người nghĩ xa hơn cái thực tế rằng thức ăn là cần thiết để duy trì sự sống và sự sinh trưởng của cơ thể con người. Tuy nhiên, trên cả điều này, một câu hỏi sâu xa hơn về mối quan hệ giữa thực phẩm và tinh thần của con người được đặt ra. Đối với con vật, chỉ ăn, chơi đùa rồi ngủ là đủ. Đối với con người cũng vậy, đó sẽ là một thành tựu lớn lao nếu họ có thể thưởng thức những thức ăn bổ dưỡng, những công việc hàng ngày đơn giản và một giấc ngủ thảnh thơi.

Đức Phật nói, "Sắc là Không và Không là Sắc." Do "Sắc" trong ngôn ngữ Phật giáo chỉ vật chất, hay là những sự vật, còn "Không" là tâm trí, ngài đang nói rằng vật chất và tâm trí là như nhau. Vật thì có nhiều màu, hình dạng và hương vị khác nhau, còn tâm trí con người thì bay chuyền từ bên này qua bên khác, bị thu hút tới những phẩm chất khác nhau của sự vật. Thực sự thì vật chất và tâm trí là một.

▪ Màu Sắc

Thế giới có bảy màu cơ bản. Nhưng nếu bảy màu này được kết hợp lại, chúng trở thành màu trắng. Khi được phân tách ra bằng một thấu kính, ánh sáng trắng sẽ cho ra bảy màu. Khi con người nhìn thế giới này với "vô-tâm", thì màu sắc sẽ biến mất. Nó là vô màu. Chỉ khi chúng được nhìn bởi tâm trí bảy màu của sự phân biệt thì bảy màu sắc này mới xuất hiện.

Nước trải qua vô số sự biến đổi nhưng nước vẫn cứ là nước. Cũng giống như vậy, mặc dù tâm thức có vẻ như trải qua nhiều biến cố nhưng cái tâm bất động nguyên thuỷ thì không hề thay đổi. Khi người ta mê đắm bảy màu, tâm trí dễ dàng bị phân tán. Những màu sắc của lá, cành cây và trái cây được thu nhận, trong khi cái nền tảng của màu sắc bị bỏ qua không chú ý tới.

Điều này cũng đúng với thức ăn. Trong thế giới này, có rất nhiều vật chất tự nhiên phù hợp làm thức ăn cho con người. Những thức ăn này được phân biệt bởi tâm trí và được người ta nghĩ là có những phẩm chất tốt và xấu. Khi đó người ta chọn lựa một cách ý thức cái mà họ nghĩ là họ phải có cho mình. Quá trình lựa chọn này cản trở việc nhận ra đâu là nền tảng của dinh dưỡng dành cho con người, là cái mà tạo hoá chỉ định cho nơi chốn đó vào mùa (thời gian) đó trong năm.

Những màu sắc của tự nhiên, như màu hoa tú cầu, thay đổi thật dễ dàng. Bản chất của tự nhiên là biến đổi không ngừng. Cũng bởi chính cái lý do nó chuyển động vô tận, nên ta cũng có thể xem đó là 'sự chuyển động phi chuyển động.' Khi lý lẽ được áp vào việc chọn lựa thức ăn, sự hiểu biết về tự nhiên của người ta trở nên cố định và thế là sự biến trạng của tự nhiên, chẳng hạn như sự thay đổi mùa, bị phớt lờ.

Mục đích của một chế độ ăn tự nhiên không phải là để tạo ra những con người thông thạo có thể giải thích hợp lý và sành sỏi trong việc lựa chọn thức ăn, mà là để tạo ra những con người không biết gì, nhặt lấy đồ ăn mà không cần viện tới những phân biệt thuộc về ý thức. Điều này không đi ngược lại với tự nhiên. Bằng việc nhận ra 'vô-tâm,' không lạc lối trong những vi tế của hình tướng, chấp nhận màu sắc của vô màu chính là màu, đấy là lúc chế độ ăn đúng đắn bắt đầu.

▪ Hương Vị

Người ta nói "Anh chẳng thể biết thức ăn đó có vị như thế nào cho tới khi anh ăn thử nó." Nhưng ngay cả khi anh thử ăn nó thực, thì hương vị của thức ăn đó có thể biến thiên, tuỳ thuộc vào thời điểm, trạng huống, và thiên hướng của người đang nếm nó.

Nếu ta hỏi một nhà khoa học hương vị là gì, ông ta sẽ cố định nghĩa nó bằng cách tách riêng các thành phần khác nhau ra và bằng cách xác định tỉ lệ của chua, cay, mặn, ngọt, đắng. Nhưng hương vị không thể được định nghĩa bằng phân tích hay thậm chí bằng đầu lưỡi. Dù cho năm vị này được lưỡi cảm thụ, nhưng những ấn tượng lại được thu thập và diễn dịch bởi tâm trí.

Một người sống tự nhiên có thể đạt được chế độ ăn đúng đắn là nhờ bản năng của anh ta đang ở trong một trật tự làm việc đúng đắn. Anh ta thấy thỏa mãn với thức ăn đơn giản; nó bổ dưỡng, ăn thấy ngon miệng, và là dược phẩm có ích mỗi ngày. Thức ăn và tinh thần của người đó là thống nhất.

Con người hiện đại đã đánh mất cái bản năng trong sạch của mình, và hệ quả là không thể đi hái và thưởng thức bảy thảo dược mùa xuân. Họ lao ra ngoài kiếm tìm muôn vẻ hương vị. Chế độ ăn của họ trở nên hỗn loạn, khoảng cách giữa cái ưa thích và không ưa thích càng mở rộng ra, và bản năng của họ ngày càng trở nên lộn xộn. Từ đây, con người bắt đầu sử dụng những thứ gia vị mạnh vào thức ăn và dùng tới những kỹ thuật nấu ăn công phu, do đó càng khoét sâu thêm sự lộn xộn đó. Thức ăn và tinh thần người ấy đã trở nên xa lạ nhau.

Hầu hết con người thời nay thậm chí còn trở nên xa rời với hương vị cơm gạo họ ăn nữa. Gạo toàn phần thì bị đem ra tinh chế và xử lý, chỉ còn để lại phần tinh bột vô vị. Gạo chà bóng thiếu đi hương vị độc đáo của gạo toàn phần. Kết quả là, nó đòi hỏi phải có những gia vị và phải được bù bằng những món ăn kèm hay phải rưới nước sốt (mắm, tương) lên. Người ta nghĩ, một cách nhầm lẫn, rằng chuyện cơm gạo có giá trị dinh dưỡng thấp không thành vấn đề, chừng nào họ có những viên vitamin bổ sung hay những thức ăn khác, chẳng hạn như thịt hay cá, để cung cấp những dưỡng chất còn thiếu.

Những món ăn nhiều hương vị bản thân chúng không ngon. Thức ăn không ngon lành gì trừ phi người ta nghĩ như vậy. Mặc dù hầu hết mọi người nghĩ rằng thịt bò và thịt gà là ngon miệng, đối với một người vì lý do thể chất hoặc lý do tâm linh mà anh ta không thích chúng, thì chúng lại là ghê tởm.

Chỉ chơi đùa hoặc chẳng làm gì cả, thế mà bọn trẻ con vẫn vui sướng. Một người lớn với tâm trí phân biệt thì khác, anh ta quyết định những gì sẽ làm cho anh ta vui sướng hạnh phúc, và khi những điều kiện này được thỏa mãn, anh ta mới thấy hài lòng. Thức ăn ngon đối với anh ta không nhất thiết là vì chúng có những hương vị tinh tế của tự nhiên và bổ dưỡng với cơ thể, mà bởi vì khẩu vị của anh ta đã bị điều kiện hoá rằng như thế là ngon.

Mì sợi làm từ bột mì thì thật là ngon, nhưng một ly mì ăn liền mua từ máy bán lẻ ăn cực tệ. Nhưng, nhờ vào quảng cáo, xóa đi cái ý tưởng về mùi vị tệ hại của chúng, và thế là đối với nhiều người, bằng cách nào đó, thậm chí cái thứ mì nhạt nhẽo này lại thành ra ngon.

Có câu chuyện kể rằng, bị hồ ly phỉnh, người ta ăn cả phân ngựa. Ở đây không có gì đáng cười cả. Con người ngày nay ăn với tâm trí của họ chứ chẳng bằng cơ thể của họ. Nhiều người chẳng quan tâm liệu có bột ngọt ở trong thức ăn của họ hay không, họ chỉ nếm bằng đầu lưỡi, và vì vậy họ dễ dàng bị đánh lừa.

Ban đầu, người ta ăn uống đơn giản là bởi vì họ sống và bởi vì thức ăn thật ngon. Con người hiện đại đi đến chỗ nghĩ rằng nếu họ không chế biến thức ăn với những thứ gia vị công phu thì bữa ăn sẽ nhạt nhẽo. Nhưng nếu ta không cố làm cho thức ăn ngon miệng, ta sẽ thấy rằng Tự Nhiên sẽ làm công việc đó.

Điều cần cân nhắc đầu tiên phải là sống làm sao để bản thân thức ăn ăn vào ngon miệng, nhưng thay vào đó, ngày nay, tất cả mọi nỗ lực lại là tập trung vào việc thêm thắt tính ngon miệng cho thức ăn. Mỉa mai thay, những thức ăn ngon lành chẳng thấy đâu mà chỉ biến mất tiệt.

Người ta cố gắng làm ra bánh mì ngon, và thế là bánh mì ngon biến mất. Bằng việc cố tạo ra những loại thức ăn xa xỉ giàu sang, họ tạo ra những thứ thức ăn vô dụng, và giờ thì khẩu vị của người ta trở nên không thể nào thỏa mãn được nữa.

Những phương pháp chế biến thức ăn tốt nhất luôn bảo toàn hương vị đặc trưng tự nhiên. Sự thông thái thường ngày có được từ trước đây rất lâu đã cho phép người ta tạo ra đủ loại dưa từ rau củ, chẳng hạn như dưa phơi nắng, dưa muối, dưa muối cám, và dưa muối tương miso, sao cho hương vị của bản thân rau củ cũng được bảo tồn.

Nghệ thuật nấu ăn bắt đầu cùng với muối biển và một ngọn lửa. Khi thức ăn được chế biến bởi ai đó nhạy bén với những điều căn bản của nấu ăn, chúng vẫn sẽ giữ được hương vị tự nhiên. Nếu thông qua việc nấu, thực phẩm có thêm hương vị ngoại lai nào đó, và nếu mục đích của việc thay đổi hương vị này chỉ đơn thuần để món ăn được thích thú hơn, thì đấy là nấu ăn sai.

Văn hoá thường được nghĩ như là cái gì đó được tạo ra, duy trì và phát triển bởi riêng những nỗ lực của loài người. Nhưng văn hoá luôn luôn khởi nguồn trong mối tương tác giữa con người với tự nhiên. Khi tính thống nhất của xã hội loài người và tự nhiên được nhận ra, văn hoá sẽ tự nó định hình. Văn hoá luôn được kết nối gần gụi với cuộc sống hàng ngày, và vì thế được truyền trao qua từng thế hệ, và được bảo tồn cho tới thời điểm hiện tại.

Cái gì sinh ra từ sự tự cao của con người và từ công cuộc tìm kiếm khoái lạc không thể được xem là văn hoá thực sự. Văn hoá thực sự được sinh ra trong tự nhiên, nó đơn giản, khiêm nhường và thanh khiết. Thiếu đi văn hoá thực sự, loài người sẽ diệt vong.

Khi người ta gạt bỏ thực phẩm tự nhiên và thay vào đó, lựa chọn thực phẩm tinh chế là lúc xã hội đi vào con đường tự hủy diệt. Đấy là bởi vì những thức ăn như thế không phải là sản phẩm của văn hoá thực sự. Thức ăn là sự sống, và sự sống không thể xa rời tự nhiên.

CHỈ SỐNG BẰNG MỖI BÁNH MÌ

Chẳng có gì sánh bằng việc được ăn thức ăn ngon, nhưng đối với hầu hết mọi người, ăn chỉ là một cách để nuôi dưỡng cơ thể, để có năng lượng làm việc và để sống cho tới già. Các bà mẹ thường bảo con cái họ phải ăn đồ ăn của chúng – ngay cả khi chúng không thích vị của đồ ăn – chỉ bởi vì thế là tốt cho chúng.

Nhưng dinh dưỡng không thể tách rời ra khỏi cảm nhận về vị. Những thực phẩm bổ dưỡng, tốt cho cơ thể con người, kích thích khẩu vị thì tự thân chúng là ngon. Dinh dưỡng đúng đắn không thể tách rời khỏi hương vị ngon.

Cách đây không lâu, bữa ăn hàng ngày của những người nông dân trong vùng này bao gồm cơm, mạch với tương miso và rau củ muối. Chế độ ăn này cho tuổi thọ cao, thể chất mạnh mẽ và sức khỏe tốt. Rau xào và cơm hấp lên kèm đậu đỏ là tiệc mỗi tháng có một lần. Sức khỏe và cơ thể cường tráng của người nông dân đã được nuôi dưỡng tốt bằng chế độ ăn giản đơn này.

Chế độ ăn cơm lứt với rau truyền thống này của phương Đông rất khác so với chế độ ăn của hầu hết các xã hội phương Tây. Khoa học dinh dưỡng của phương Tây tin rằng trừ phi một lượng nhất định tinh bột, chất béo, protein, khoáng chất và vitamin được ăn vào mỗi ngày, chế độ ăn thật cân bằng và sức khỏe tốt chẳng thể nào duy trì được. Niềm tin này tạo ra kiểu người mẹ luôn nhồi nhét những thức ăn "bổ dưỡng" vào miệng đứa con bé bỏng của họ.

Người ta có thể cho rằng dinh dưỡng học của phương Tây, với những lý thuyết và tính toán phức tạp của nó, sẽ không còn chỗ cho sự nghi ngờ nào về chế độ ăn đúng đắn. Sự thật là nó tạo ra nhiều vấn đề hơn so những cái mà nó giải quyết được.

Một vấn đề trong khoa học dinh dưỡng phương Tây là không có một nỗ lực nào được đưa ra để điều chỉnh chế độ ăn theo chu kỳ của tự nhiên. Chế độ ăn mà họ đưa ra cách ly con người ra khỏi tự nhiên. Nỗi sợ hãi thiên nhiên và cảm giác chung về sự bất an thường là hậu quả của nó.

Một vấn đề khác là các giá trị tinh thần và tình cảm bị bỏ quên hoàn toàn, dù rằng thức ăn có mối liên hệ trực tiếp với tinh thần và cảm xúc của con người. Nếu thực thể con người được xem xét đơn thuần chỉ như một đối tượng sinh lý, thì chẳng thể nào sản sinh ra một hiểu biết nhất quán đáng tin về chế độ ăn. Khi các mảnh nhỏ thông tin được tập hợp và gắn lại với nhau trong sự hoang mang, kết quả sẽ là một chế độ ăn khiếm khuyết, xa rời tự nhiên.

"Trong một sự vật là cả vạn vật, nhưng nếu vạn vật được đem lại gần nhau thì không thể cho ra một sự vật nào." Khoa học phương Tây chẳng thể nào nắm bắt được giáo huấn này của triết lý phương Đông. Một người có thể phân tích và nghiên cứu một con bướm bao lâu cũng được, nhưng anh ta không thể tạo ra một con bướm.

Nếu chế độ ăn khoa học của phương Tây được đưa vào thực hành trên phạm vi rộng, thì những vấn đề thực tiễn nào có thể sẽ xảy ra? Thịt bò, trứng, sữa, rau, bánh mì và những thực phẩm chất lượng cao khác sẽ phải có sẵn suốt cả năm để người ta có thể theo được chế độ ăn đó. Sản xuất quy mô lớn và lưu trữ trong thời gian dài sẽ trở nên cần thiết. Ngay ở Nhật cũng đã xảy ra rồi, việc du nhập chế độ ăn này đã khiến cho người nông dân phải sản xuất những loại rau mùa hè như rau diếp, dưa chuột, các loại cà tím và cà chua trong mùa đông. Chẳng bao lâu nữa người nông dân sẽ bị yêu cầu phải thu hoạch hồng vàng vào mùa xuân và đào vào mùa thu.

Không hợp lẽ chút nào khi mong đợi rằng một chế độ ăn toàn phần, cân bằng lại có thể đạt được đơn giản chỉ bằng việc cung cấp thật nhiều loại thức ăn bất kể mùa nào trong năm. So sánh với những loại cây trưởng thành một cách tự nhiên, thì những loại rau trái trồng trái

mùa dưới những điều kiện phi tự nhiên chứa rất ít vitamin và khoáng chất. Chẳng có gì ngạc nhiên khi mà những cây rau mùa hè được đem trồng vào mùa thu hay mùa đông lại chẳng có tí hương vị nào như khi chúng được trồng dưới ánh mặt trời bằng những phương pháp hữu cơ và tự nhiên.

Phân tích hoá học, các tỉ lệ dưỡng chất và những điều quan tâm đại loại như thế là những nguyên nhân chính gây ra sai lầm. Thực phẩm như kê ra bởi khoa học hiện đại khác xa so với chế độ ăn truyền thống của phương Đông, và nó đang xói mòn sức khỏe của người dân Nhật Bản.

TỔNG KẾT CÁC KIỂU CHẾ ĐỘ ĂN

Trên thế giới này tồn tại bốn thể loại chế độ ăn chính:

(1) Một chế độ ăn lỏng lẻo tuân theo những ham muốn và khẩu vị thuộc thói quen. Những người theo chế độ ăn này ngả nghiêng thất thường theo những ý thích chợt nảy ra và thị hiếu. Chế độ ăn này có thể được gọi là ăn nuông chiều bản thân, ăn rỗng tuếch.

(2) Chế độ ăn dinh dưỡng tiêu chuẩn cho hầu hết mọi người, rút ra từ những kết luận về sinh học. Các thức ăn dinh dưỡng được ăn với mục đích duy trì sự sống của cơ thể. Nó có thể được gọi là ăn theo kiểu của người duy vật, khoa học.

(3) Chế độ ăn dựa trên các nguyên tắc tâm linh và các triết lý duy tâm. Đặt hạn định cho thức ăn, nhắm tới sự đè nén, hầu hết những chế độ ăn "tự nhiên" rơi vào thể loại này. Đây có thể được gọi là chế độ ăn của nguyên tắc.

(4) Chế độ ăn tự nhiên, tuân theo ý của tạo hoá. Loại bỏ tất cả những tri thức của con người, chế độ ăn này có thể được gọi là chế độ ăn phi phân biệt.

Đầu tiên người ta tránh xa khỏi chế độ ăn rỗng tuếch là ngọn nguồn của vô số bệnh tật. Tiếp theo đó, không còn ảo tưởng về chế độ ăn khoa học nữa, là cái chỉ đơn thuần cố duy trì sự sống sinh vật, nhiều người tiến đến một chế độ ăn theo nguyên tắc. Cuối cùng, vượt qua khỏi điều này, người ta đi đến chế độ ăn phi phân biệt của con người tự nhiên.

▪ Chế Độ Ăn Phi Phân Biệt

Sự sống của loài người không được duy trì bởi năng lực của chính nó. Tự nhiên sinh ra con người và giữ cho họ sống. Đây là mối tương quan với tự nhiên mà con người là một phần trong đó. Thức ăn là món quà của tạo hoá. Người ta không tạo ra thức ăn từ tự nhiên; ông trời ban chúng xuống.

Thức ăn là thức ăn và thức ăn cũng không phải là thức ăn. Nó là một phần của con người và cũng tách biệt khỏi con người.

Khi thực phẩm, cơ thể, trái tim và tâm trí con người trở nên thống nhất một cách hoàn hảo trong phạm vi của tự nhiên, khi đó một chế độ ăn tự nhiên là điều có thể. Cơ thể như nó vốn thế - đi theo bản năng của riêng nó, ăn cái gì đó nếu nếm thấy ngon, kiêng không ăn nếu không thấy ngon - là thực thể tự do.

Kê ra những quy tắc và tỉ lệ cho một chế độ ăn tự nhiên là điều bất khả[38]. Chế độ ăn này tự định hình tuỳ theo môi trường địa phương, theo những nhu cầu đa dạng và thể chất của mỗi người.

▪ Chế Độ Ăn Theo Nguyên Tắc

Mọi người nên nhận thức rằng tự nhiên thì luôn trọn vẹn, cân bằng trong sự hài hòa tuyệt hảo bên trong chính nó. Thức ăn tự nhiên là toàn phần và trong cái toàn thể đó là những hương vị tinh tế và bổ dưỡng.

Có vẻ như bằng cách áp dụng hệ thống âm dương, người ta có thể giải thích được nguồn gốc của vũ trụ và sự biến chuyển của tự nhiên. Cũng có vẻ như sự hài hòa của cơ thể con người có thể được xác định và duy trì một cách có ý thức. Nhưng nếu đi quá sâu vào những

[38] Là một quy tắc hay một hệ thống xác định trong đó người ta có thể quyết định một cách có ý thức; những đòi hỏi này là điều bất khả. Tự nhiên, hay là bản thân cơ thể, đóng vai trò như một kẻ dẫn đường lành nghề. Nhưng sự hướng dẫn vi tế này không được nghe thấy bởi hầu hết mọi người, do tiếng ồn ào gây ra bởi ham muốn và bởi những hoạt động của tâm trí phân biệt.

học thuyết này (như cần phải thế trong việc nghiên cứu y học phương Đông) người ta sẽ bước vào địa hạt của khoa học và thất bại trong việc trọng yếu, là thoát khỏi nhận thức phân biệt.

Bị cuốn đi bởi những vi tế của tri thức con người mà không nhận ra được những hạn chế của nó, người thực hành chế độ ăn theo nguyên tắc này sẽ đi đến chỗ chỉ gắn bản thân với những đối tượng thực phẩm riêng biệt. Nhưng khi cố nắm lấy ý nghĩa của tự nhiên với một tầm nhìn xa rộng, anh ta lại thất bại trong việc để ý tới những thứ nhỏ bé xảy ra ngay dưới chân mình.

▪ Chế Độ Ăn Điển Hình Của Người Bệnh Tật

Bệnh tật phát sinh khi người ta xa rời tự nhiên. Sự hiểm nghèo của căn bệnh tỉ lệ trực tiếp với mức độ chia cắt. Nếu người bệnh trở lại với môi trường lành mạnh, thường thì căn bệnh sẽ biến mất. Khi sự xa lạ với tự nhiên tới cực điểm, số lượng người bệnh sẽ tăng lên. Lúc đó mong ước quay trở về với tự nhiên của người ta sẽ trở nên mạnh mẽ hơn. Nhưng trong việc tìm cách quay trở về với tự nhiên đó, người ta không hiểu rõ tự nhiên là gì, và vì thế nỗ lực ấy là vô ích.

Ngay cả khi một người có quay về núi sống một cuộc sống sơ khai, anh ta vẫn có thể thất bại trong việc chạm tới mục tiêu thực sự của mình. Nếu ta cố gắng một điều gì đó, những nỗ lực của ta sẽ chẳng bao giờ giúp ta đạt được kết quả như mong muốn.

Con người sống trong các đô thị phải đối mặt với những khó khăn kinh khủng trong việc cố đạt tới một chế độ ăn tự nhiên. Thực phẩm tự nhiên đơn giản là không có sẵn, bởi lẽ nông dân đã ngừng nuôi trồng chúng. Ngay cả khi họ có thể mua được thực phẩm tự nhiên thì cơ thể của con người sẽ cần phải tương thích để có thể tiêu hoá được những thức ăn giàu dưỡng chất như thế.

Trong tình huống đó, nếu ta cứ cố ăn những bữa ăn toàn phần hay cố đạt được một chế độ ăn cân bằng âm dương, ta sẽ cần phải có những phương tiện siêu nhiên và năng lượng phán đoán siêu phàm trong thực hành. Trở về với tự nhiên chưa thấy đâu, một kiểu chế độ ăn "tự nhiên" lạ lùng, phức tạp sẽ lộ ra, và người đó sẽ chỉ bị kéo xa khỏi tự nhiên hơn.

Ngày nay, nếu ta ngó vào bên trong các cửa hàng bán "thực phẩm lành mạnh", ta sẽ thấy hoa mắt chóng mặt với đủ loại thực phẩm tươi sống, thực phẩm đóng gói, vitamin và các chất bổ sung dành cho việc ăn kiêng. Trong thực tế, có nhiều chế độ ăn khác nhau được giới thiệu là "tự nhiên", bổ dưỡng, và tốt nhất cho sức khỏe. Nếu có ai đó nói nấu các thực phẩm cùng với nhau là có lợi cho sức khỏe thì cũng sẽ có người khác bảo rằng nấu các thực phẩm với nhau chỉ có tác dụng làm cho người ta mắc bệnh. Một số người nhấn mạnh giá trị thiết yếu của muối trong chế độ ăn, những người khác lại nói rằng quá nhiều muối là nguyên nhân gây bệnh. Nếu có ai đó tránh xa trái cây, bảo nó là âm và là thức ăn dành cho khỉ thì sẽ có người khác nói rằng trái cây và rau là những thực phẩm tốt nhất mang lại tuổi thọ và một tính tình vui vẻ.

Tại những thời điểm khác nhau, và trong những trường hợp khác nhau, có thể nói rằng tất cả những quan điểm này là đúng, và vì thế người ta trở nên bối rối. Hay đúng hơn, đối với một người đang hoang mang, tất cả những lý thuyết này sẽ gây ra hoang mang nhiều hơn.

Tự nhiên thì biến đổi không ngừng, thay đổi từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc khác. Người ta chẳng thể nào nắm bắt được khuôn mặt thực sự của tự nhiên. Khuôn mặt của nó là không thể biết được. Cứ cố chụp lại cái không thể biết được bằng những lý thuyết và những chủ thuyết được công thức hoá thì cũng giống như chụp gió bằng vợt bắt bướm vậy.

Nếu như ta bắn trúng hồng tâm mà sai tấm bia, thì vẫn là ta bắn trượt.

Loài người giống như kẻ mù chẳng biết mình đang đi về đâu. Anh ta dò dẫm xung quanh với cây gậy là tri thức khoa học, căn cứ vào âm và dương để quyết định đường đi.

Điều tôi muốn nói là, đừng ăn với cái đầu của ta, nghĩa là hãy bỏ đi tâm trí phân biệt. Tôi hy vọng là cái Mạn đà la thực phẩm mà tôi đã vẽ lúc trước sẽ có tác dụng như một sự chỉ dẫn, tóm

tắt mối quan hệ giữa các loại thực phẩm với nhau và với con người. Nhưng ta cũng có thể ném nó đi sau khi đã nhìn thấy nó một lần.

Điều quan tâm chính yếu ở đây là để cho người ta phát triển được sự nhạy bén, cho phép cơ thể tự chọn thức ăn. Việc nghĩ ngợi chỉ về bản thân các loại thức ăn không thôi còn mặt tinh thần bỏ qua một bên thì cũng giống như việc tới thăm một ngôi đền, đọc các bản kinh văn, còn Phật thì bỏ bên ngoài. Thay vì nghiên cứu lý thuyết triết lý để đạt tới sự hiểu biết về thực phẩm, tốt hơn là hãy tự rút ra lý thuyết từ trong chế độ ăn hàng ngày của mỗi người.

Các bác sĩ chăm lo cho những người bệnh, còn những người khỏe mạnh thì được lo liệu bởi tự nhiên. Thay vì mắc bệnh rồi mới đắm mình vào một chế độ ăn tự nhiên để khỏe lại, người ta nên sống trong một môi trường tự nhiên để sao cho bệnh tật đừng xuất hiện.

Những người trẻ tuổi tới và ở lại trong những cái chòi trên núi, sống một cuộc sống sơ khai, ăn những thức ăn tự nhiên và thực hành việc làm nông tự nhiên, họ nhận thức được mục đích tối thượng của con người, và họ đã bước chân vào con đường sống sao cho phù hợp với mục đích ấy theo cách trực tiếp nhất.

THỰC PHẨM VÀ NGHỀ NÔNG

Cuốn sách này nói về việc làm nông tự nhiên nên cần quan tâm tới thực phẩm tự nhiên. Đấy là bởi vì thực phẩm và làm nông là mặt trước và mặt sau của cùng một cơ thể. Chuyện quá hiển nhiên là nếu việc làm nông tự nhiên không được thực hành thì thực phẩm tự nhiên sẽ không thể có cho công chúng. Nhưng nếu chế độ ăn tự nhiên không được thiết lập thì người nông dân sẽ tiếp tục bối rối không biết phải nuôi trồng cái gì.

Trừ phi người ta trở thành con người tự nhiên, bằng không sẽ chẳng thể có việc làm nông tự nhiên lẫn thực phẩm tự nhiên. Ở một trong mấy cái chòi trên núi, tôi có để lại mấy từ, "Chánh Thực phẩm, Chánh Nghiệp, Chánh Thức" (Right Food, Right Action, Right Awareness: khẩu hiệu này được đặt theo Bát Chánh Đạo của Phật giáo) viết trên một mảnh gỗ thông đặt phía trên chỗ bếp củi. Cái kiềng ba chân này không thể tách rời khỏi nhau. Nếu thiếu đi một cái thì chẳng cái nào có thể hiện thực hoá được. Nếu một cái thành thì tất cả đều thành.

Người ta thỏa mãn với việc nhìn thế giới như một nơi mà sự "tiến bộ" nảy sinh ra từ động loạn và rối bời. Nhưng sự phát triển vô mục đích và mang tính phá hoại chỉ mời tới sự hoang mang trong suy nghĩ, mời tới không gì hơn là sự suy thoái và sụp đổ của loài người. Nếu không hiểu rõ ràng cái gì là ngọn nguồn bất động của tất cả những hoạt động này – hay Tự Nhiên là gì – thì việc phục hồi lại sức khỏe của chúng ta là điều bất khả.

V

THÙNG RỖNG KÊU TO

Những đêm thu thường dài và lạnh lẽo. Sung sướng biết bao nếu ta có thể dành thời gian ngồi nhìn vào bếp than cháy đỏ, tay ấp vào cốc trà nóng. Người ta nói rằng khi ngồi quanh ngọn lửa thì trò chuyện về điều gì cũng được, thế nên, nghĩ rằng những chuyện bất bình của các bạn nhà nông sẽ là một chủ đề thú vị, tôi cũng thi thoảng đưa chủ đề này ra. Nhưng có vẻ sẽ có một số vấn đề.

Nghĩ mà xem, trong khi tôi ở đây, từng nói mãi rằng mọi thứ chẳng có gì đáng kể, rằng loài người thì ngu muội, rằng chẳng có gì để phải cố gắng đạt cho bằng được, và rằng bất cứ cái gì đã hoàn thành đều là phí công, làm sao tôi có thể nói vậy và rồi tiếp tục huyên thuyên như thế này? Nếu buộc bản thân phải viết thứ gì đó ra, thì điều duy nhất tôi viết sẽ là: viết lách cũng vô dụng. Thật quá phức tạp.

Tôi không muốn chìm đắm vào quá khứ của riêng mình để viết về nó, tôi cũng không đủ thông thái để tiên đoán tương lai. Khơi ngọn lửa trong lúc trò chuyện về công việc hàng ngày quanh lò sưởi, làm sao tôi có thể bắt mọi người phải chịu đựng những ý tưởng ngờ nghệch của một lão nông dân già chứ?

Trên chỏm đất của vườn cây, nhìn ra vịnh Matsuyama và đồng bằng Dogo rộng lớn là vài túp lều nhỏ, vách bằng đất. Ở đó, một nhúm người đã tụm lại và cùng nhau sống một cuộc sống giản dị. Chẳng hề có những tiện nghi hiện đại. Trải qua những buổi tối yên bình dưới ánh nến và đèn dầu, bọn họ sống một cuộc sống với những nhu yếu phẩm đơn giản: gạo lứt, rau củ, một chiếc áo choàng và một cái bát. Họ từ đâu đó tới, ở lại ít lâu, rồi lại tiếp tục lên đường.

Trong số những vị khách này, có những nhà nghiên cứu nông nghiệp, sinh viên, học giả, nông dân, dân hippy, các nhà thơ và những kẻ lang thang, cả già lẫn trẻ, phụ nữ, đàn ông, thuộc đủ kiểu và quốc tịch khác nhau. Hầu hết những người ở lại lâu là những người trẻ đang cần một khoảng thời gian tự suy xét nội tâm.

Nhiệm vụ của tôi là hành xử như người coi sóc cái quán trọ bên đường này, phục vụ trà cho lữ khách cứ đến rồi đi. Và trong thời gian họ đang làm giúp những công việc trên đồng, tôi thích thú lắng nghe họ kể về những chuyện đang diễn ra trên thế giới.

Nghe có vẻ hay ho, nhưng thực ra đó không phải cuộc sống nhẹ nhàng và dễ dàng. Tôi chủ trương làm nông "vô vi," và thế là nhiều người đến với tâm thế rằng họ sẽ tìm thấy một chốn địa đàng trần gian (Utopia) – nơi người ta có thể sống mà thậm chí chẳng cần rời khỏi giường. Những người này sẽ hố to. Gánh nước từ dưới suối lên giữa làn sương mù buổi sớm, chẻ củi tới khi hai tay đều đỏ ửng và nhức nhối vì phồng giộp, lội bùn tới mắt cá chân - nhiều người vì thế mà nhanh chóng bỏ cuộc.

Hôm nay, lúc tôi đang quan sát một nhóm bạn trẻ dựng một cái chòi nhỏ, một phụ nữ trẻ tuổi từ Funabashi lặn lội đi bộ lên tới nơi.

Khi tôi hỏi tại sao lại đến đây, cô ấy trả lời, "Cháu cứ tới thế thôi. Cháu chẳng biết bất cứ điều gì hơn nữa."

Cô gái sáng sủa, hờ hững này có cái sáng suốt của cô ấy đấy chứ.

Tôi lại hỏi, "Nếu cháu biết mình còn chưa khai sáng, vậy thì chẳng còn gì để nói, đúng không? Trong việc đi đến chỗ hiểu biết về thế giới thông qua sức mạnh của trí phân biệt, người ta quên mất ý nghĩa của nó. Đấy chẳng phải là lý do tại sao thế giới lại ở trong tình trạng khó khăn như thế này hay sao?"

Cô gái dịu dàng đáp, “Vâng, nếu bác nói như vậy.”

“Có thể cháu cũng chẳng có ý niệm thật rõ ràng về chuyện khai sáng là gì. Trước khi tới đây cháu đã đọc những dạng sách gì?”

Cô gái lắc đầu, ý nói mình không đọc sách.

Người ta học do họ nghĩ mình không hiểu biết, nhưng việc học sẽ không giúp cho người ta hiểu biết. Bọn họ vất vả học chỉ để cuối cùng nhận ra rằng con người chẳng thể biết bất cứ cái gì, rằng sự thấu hiểu nằm ở ngoài tầm với của con người.

Thường thì người ta nghĩ rằng cụm từ “không hiểu” được áp dụng khi, chẳng hạn, ta nói rằng ta hiểu được chín việc, nhưng có một việc ta không hiểu. Nhưng khi có ý định hiểu hết cả mười việc thì thực ra ta chẳng hiểu được một điều nào hết. Nếu nói biết cả trăm hoa thì thực ra ta không “biết” dù chỉ một bông. Người ta gian nan vất vả để hiểu, thuyết phục bản thân rằng mình hiểu, nhưng tới chết vẫn chẳng biết gì.

Đám thanh niên nghỉ tay làm mộc, ngồi xuống bãi cỏ gần một cây quýt to, rồi ngước nhìn lên những đám mây mỏng manh trên bầu trời phương nam.

Người ta nghĩ rằng khi ta chuyển ánh mắt từ mặt đất lên bầu trời là ta sẽ thấy được thiên đường. Ta tách quả màu cam khỏi lá màu lục và nói rằng ta biết màu lục của lá và màu cam của quả. Nhưng vào khoảnh khắc người ta phân biệt giữa lục và cam, những màu sắc thực sự biến mất.

Người ta nghĩ rằng mình hiểu mọi thứ bởi vì ta trở nên quen thuộc với chúng. Đấy chỉ là tri thức cạn cợt bề ngoài. Đấy là thứ kiến thức của nhà thiên văn học biết tên gọi của những vì sao, của nhà thực vật học biết cách phân loại các kiểu lá và hoa, người họa sĩ biết được tính thẩm mỹ của màu xanh và màu đỏ. Đấy không phải là hiểu biết về bản thân tự nhiên – mặt đất và bầu trời, màu xanh và màu đỏ. Nhà thiên văn học, nhà thực vật học, người họa sĩ chẳng làm được gì hơn việc nắm bắt những ấn tượng và rồi diễn dịch chúng, mỗi người có một phạm vi hiểu biết riêng trong tâm trí mình. Càng để hết tâm trí vào hoạt động của trí năng, họ sẽ càng tách biệt mình ra và càng khó để sống một cách tự nhiên.

Bi kịch là ở chỗ, trong sự ngạo mạn vô căn cứ của mình, người ta cố gắng bẻ cong tự nhiên theo ý muốn của họ. Loài người có thể huỷ hoại các hình thái tự nhiên, nhưng lại không thể tạo ra chúng được. Trí phân biệt, một sự hiểu biết phân mảnh và không trọn vẹn, luôn định hình điểm khởi đầu cho tri thức con người. Không thể nào biết cho hết toàn bộ tự nhiên, người ta chẳng thể làm được gì tốt hơn ngoài việc dựng lên một mô hình không hoàn thiện của tự nhiên và rồi tự đánh lừa bản thân, rằng mình đã tạo ra được cái gì đó tự nhiên.

Tất cả những gì mà một người cần làm để hiểu được tự nhiên là nhận ra rằng mình không thực sự *biết* bất cứ cái gì cả, rằng anh ta không thể biết bất cứ điều gì. Khi đó mới có thể hy vọng là anh ta sẽ thôi không còn quan tâm tới tri thức mang tính phân biệt nữa. Khi từ bỏ tri thức phân biệt, tri thức phi phân biệt tự nó sẽ hiển lộ bên trong anh ta. Nếu không cố nghĩ, không thèm quan tâm về sự hiểu biết nữa, thì rồi sẽ tới lúc anh ta hiểu. Chẳng có cách nào khác ngoài cách thông qua sự phá hủy bản ngã, vứt bỏ đi cái ý tưởng rằng con người tồn tại tách rời khỏi trời và đất.

“Thế có nghĩa là khờ khạo chứ chẳng phải thông minh gì,” tôi nổi quạu với một anh chàng trẻ tuổi có cái vẻ khôn ngoan tự mãn hiện lên trên nét mặt. “Ánh mắt của cậu như thế nghĩa là sao? Khờ mà bày đặt khôn ngoan. Cậu có biết chắc là mình khôn ngoan hay khờ khạo không, hay là cậu đang cố trở thành gã khôn theo kiểu khờ khờ? Cậu chẳng thể nào trở nên khôn ngoan, cũng chẳng thể nào trở nên khờ khạo, cậu mắc kẹt trong sự bế tắc. Chẳng phải đấy là vị thế của cậu lúc này hay sao?”

Thực ra, tôi nổi giận với bản thân vì cứ lặp đi lặp lại những lời giống nhau hết lần này tới lần khác, những ngôn từ sẽ chẳng bao giờ sánh nổi với sự thông thái của sự im lặng, những lời nói mà bản thân tôi cũng chẳng thể hiểu nổi.

Mặt trời mùa thu đang dần lặn phía chân trời. Những sắc màu lúc trời nhập nhoạng tiến gần đến chỗ gốc cây già. Quay lưng lại ánh sáng từ phía biển Nội Hải, đám người trẻ im lặng chậm rãi quay trở về những căn chòi để dùng bữa tối. Tôi lặng lẽ theo sau trong bóng tối đang lan dần.

AI LÀ KẺ KHỜ?

Người ta nói rằng không có sinh vật nào thông thái như con người. Sử dụng cái thông thái ấy, con người đã trở thành loài động vật duy nhất có khả năng gây ra chiến tranh hạt nhân.

Một ngày nọ, chủ cửa hàng thực phẩm tự nhiên đối diện cửa nhà ga Osaka đã leo lên núi này, mang theo bảy người bạn đồng hành, giống như bảy vị tài thần vậy. Buổi trưa, khi chúng tôi đang thưởng thức món cháo thập cẩm ngẫu hứng từ gạo lứt, thì một người trong số họ nói: "Trong đám trẻ con, sẽ luôn có một đứa cười vang vui vẻ khi đi tè mà chẳng bận tâm gì tới thế gian, sẽ có một đứa khác luôn phải đóng vai 'ngựa' khi chơi trò 'cưỡi ngựa' và sẽ luôn có đứa thứ ba khôn lỏi, biết cách lừa trộm lấy đồ ăn vặt buổi chiều của những đứa khác. Trước khi chọn lớp trưởng, người thầy nói chuyện nghiêm túc về những phẩm chất đáng mong ước của một người lãnh đạo giỏi và tầm quan trọng của việc đưa ra một quyết định khôn ngoan. Thế mà khi tổ chức bầu, đứa trẻ hay cười đùa vui vẻ bên vệ đường lại là đứa được chọn."

Mọi người đều thấy ngạc nhiên, nhưng tôi chẳng hiểu sao họ lại cười. Tôi nghĩ đó chỉ là chuyện tự nhiên.

Nếu mọi thứ đều quy về thắng – thua, người ta hẳn sẽ xem đứa trẻ luôn phải đóng vai con ngựa là kẻ thua cuộc, nhưng sự vĩ đại hay tầm thường không áp dụng được vào trẻ con. Người thầy cho rằng đứa giỏi giang thì đáng chú ý nhất, nhưng những đứa khác thấy cậu ta giỏi giang không đúng kiểu, một người sẽ áp bức những người khác.

Nghĩ rằng cái kẻ thông minh và biết chăm lo cho bản thân là xuất chúng, và rằng xuất chúng thì tốt hơn, đấy là chạy theo thang giá trị của "người lớn." Dường như với tôi, kẻ mà cứ việc mình mình làm, ăn tốt ngủ tốt, kẻ không có gì để phải lo lắng, là kẻ đang sống theo lối mãn nguyện nhất. Chẳng có ai vĩ đại bằng kẻ không cố hoàn thành bất cứ cái gì cả.

Trong truyện ngụ ngôn của Aesop, khi loài ếch đòi thượng đế ban cho chúng một vị vua, ngài gửi cho chúng một khúc gỗ. Lũ ếch chế nhạo khúc gỗ câm đó và khi chúng đòi thượng đế ban cho một vị vua vĩ đại hơn, ngài gửi xuống một con cò. Như câu chuyện diễn tiến thì con cò mổ chết tất cả bọn ếch.

Nếu kẻ đi trước giỏi giang, những người theo sau sẽ phải gian nan và gắng sức. Nếu ta đưa một gã bình thường lên đầu, những người đằng sau sẽ thoải mái hơn. Người ta nghĩ rằng ai đó mạnh mẽ và khôn ngoan thì nổi bật, thế nên họ lựa chọn một vị thủ tướng để kéo cả nước đi theo như một cái đầu máy diesel vậy.

"Kiểu người nào nên được chọn làm thủ tướng?"

"Một khúc gỗ câm," tôi đáp. "Chẳng có ai phù hợp hơn tiên sinh *Daruma*[39]," tôi đáp. "Ông ấy thật là một kẻ thảnh thơi nên có thể ngồi thiền suốt nhiều năm mà không nói một lời nào. Nếu đẩy một cái, ông sẽ lắc lư, nhưng với sự bất phản kháng kiên định ông luôn ngồi thẳng dậy. *Daruma-san* không chỉ có ăn không ngồi rồi, giữ cho tay chân khoanh lại mà thôi. Hãy biết rằng ta *phải* giữ cho chúng ở tư thế khoanh lại, nếu không tiên sinh sẽ lặng lẽ cau có với những ai muốn duỗi thẳng chúng ra."

"Nếu ta mà không làm gì hết thì thế giới sẽ không vận hành được. Thế gian sẽ ra sao nếu không có sự phát triển đây?"

"Tại sao anh lại phải phát triển cơ chứ? Nếu tăng trưởng kinh tế nhảy từ 5% lên 10%, liệu mức độ hạnh phúc có tăng gấp đôi không? Mà tốc độ tăng trưởng 0% thì có gì sai? Chẳng phải

[39] Daruma-san là một loại đồ chơi phổ thông của trẻ con Nhật. Nó là một quả bóng lớn, nặng ở đáy, có hình dạng một vị sư đang ngồi thiền.

đấy đúng ra là một kiểu nền kinh tế ổn định sao? Còn có bất cứ thứ gì tốt đẹp hơn việc sống giản đơn và xem nhẹ mọi sự hay sao?"

Người ta tìm thấy một cái gì đó, học hỏi xem nó hoạt động thế nào, và đưa tự nhiên vào sử dụng, cứ nghĩ rằng đấy là vì muốn tốt cho nhân loại. Cho tới giờ, kết quả của toàn bộ những chuyện đó là hành tinh này đã trở nên ô nhiễm, người ta trở nên hoang mang, và chính chúng ta đã mời đến những hỗn loạn của thời hiện đại.

Tại nông trại này, chúng tôi thực hành cách làm nông "chẳng-làm-gì-cả," ăn các loại ngũ cốc toàn phần và ngon lành, cùng với rau củ và cam quýt. Chỉ cần sống gần gụi với cội nguồn của mọi thứ là đã thấy có ý nghĩa và có sự thỏa mãn căn bản rồi. Cuộc đời là thơ ca.

Người nông dân đã trở nên quá bận rộn khi người ta bắt tay vào nghiên cứu thế giới và quyết định rằng sẽ "tốt" nếu chúng ta làm điều này hay điều nọ. Tất cả nghiên cứu của tôi lại theo hướng là *không* làm điều này hay điều kia. Ba mươi năm ấy đã dạy cho tôi rằng nhà nông hầu như không làm gì cả thì tốt hơn.

Người ta càng làm, xã hội càng phát triển, thì càng có nhiều vấn đề phát sinh. Tự nhiên ngày càng tiêu điều và suy kiệt tài nguyên, sự bứt rứt và phân rã của tinh thần con người, tất cả là do nỗ lực của loài người nhằm hoàn thành cái gì đó. Khởi thủy vốn chẳng có lý do gì phải cải tiến cả, và cũng chẳng cần phải làm gì hết. Chúng ta đã đi đến chỗ không còn cách nào khác ngoài việc tổ chức một 'phong trào' với tinh thần chẳng cần đạt được bất cứ cái gì hết.

SINH RA ĐỂ ĐI NHÀ TRẺ

Một chàng trai trẻ khoác chiếc túi nhỏ trên vai, bước lững thững đến chỗ chúng tôi đang làm việc trên đồng.

“Cậu từ đâu tới?,” tôi hỏi.

“Từ đằng kia.”

“Làm sao cậu tới đây được?”

“Cháu đi bộ.”

“Cậu đến đây để làm gì?”

“Cháu không biết.”

Hầu hết những người tới đây đều không vội vàng hé lộ danh tính hay những câu chuyện trong quá khứ của họ. Họ cũng không nói rõ mục đích của mình. Do nhiều người trong số họ chẳng biết tại sao mình lại đến, mà chỉ đến thôi, nên chuyện này cũng thật tự nhiên.

Thuở ban đầu, con người chẳng hề biết mình từ đâu tới hay mình sẽ đi đến đâu. Nói rằng ta được sinh ra từ bụng mẹ và sẽ quay về với đất chỉ là lời giải thích mang tính sinh học, chứ chẳng ai thực sự biết điều gì tồn tại trước lúc sinh ra hay thế giới nào sẽ đợi chờ sau khi chết.

Sinh ra mà không biết nguyên do, chỉ để rồi nhắm mắt xuôi tay, ra đi vào cõi vô định - con người thật đúng là một tạo vật bi thảm.

Hôm trước, tôi có tìm thấy một chiếc nón cói đan của một nhóm người hành hương đến thăm các đền thờ tại Shikoku bỏ lại. Trên đó có viết những lời sau: “Khởi thủy không Đông chẳng Tây/ Mười phương vô định.” Lúc này, cầm chiếc nón trong tay, tôi hỏi cậu trai trẻ kia lần nữa, cậu ta từ đâu đến, và cậu nói rằng mình là con trai của một tu sĩ Thần đạo ở Kanazawa, và vì việc đọc kinh văn cho người chết suốt cả ngày thật quá ngớ ngẩn, nên cậu muốn trở thành nông dân.

Làm gì có đông với chẳng tây. Mặt trời mọc lên ở đằng đông, lặn xuống ở đằng tây, nhưng đó đơn thuần chỉ là một quan sát thiên văn. Biết rằng ta chẳng hiểu đông là gì, tây là gì thì gần với sự thật hơn. Thực tế thì không ai biết mặt trời từ đâu mà ra.

Trong số hàng chục nghìn kinh sách, bản kinh được cảm kích nhất, hội tụ mọi điều quan trọng chính là Bát Nhã Tâm Kinh. Theo bản kinh này, Đức Phật Thế Tôn tuyên bố: “Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Vật và tâm là một, nhưng tất cả đều không. Con người không sống, không chết, không sinh ra cũng không chết đi, không già không bệnh, không tăng cũng không giảm.”

Một ngày nọ, trong lúc chúng tôi đang gặt lúa, tôi nói với đám thanh niên đang dựa người vào một đống rơm to, “Ta đang nghĩ rằng khi lúa được gieo vào mùa xuân, hạt giống đâm ra những cái mầm sống, và giờ, như khi chúng ta đang gặt đây, nó có vẻ chết đi. Sự thực là cái nghi thức này được lặp lại năm này sang năm khác, nghĩa là sự sống vẫn tiếp diễn trên cánh đồng nơi đây và cái chết hằng năm đó bản thân nó là sự sinh ra hằng năm. Ta có thể nói rằng cây lúa mà chúng ta đang cắt đây vẫn liên tục sống.”

Con người thường nhìn sự sống và cái chết dưới góc nhìn ngắn hạn. Sự sinh ra của mùa xuân và cái chết của mùa thu có ý nghĩa gì với ngọn cỏ này? Người ta nghĩ rằng sống là vui còn chết là buồn, thế nhưng hạt lúa, nằm im trong đất rồi nảy mầm vào mùa xuân, những cái lá và thân của nó héo đi vào mùa thu, vẫn giữ bên trong cái lõi nhỏ xíu của nó niềm vui trọn vẹn của sự sống. Niềm vui của sự sống chẳng rời đi trong cái chết. Cái chết chẳng gì hơn là cái lướt qua

tạm thời. Chẳng phải cây lúa này, bởi lẽ nó sở hữu niềm vui trọn vẹn của sự sống, nên chẳng hề biết tới nỗi buồn khổ của cái chết đấy sao?

Điều tương tự xảy ra với lúa gạo và đại mạch cũng tiếp diễn không ngừng bên trong cơ thể con người. Ngày lại ngày, tóc và móng mọc dài ra, hàng chục nghìn tế bào chết đi nhưng một số lượng nhiều hơn thế lại được sinh ra; dòng máu trong cơ thể một tháng trước không y hệt như dòng máu ngày hôm nay. Khi nghĩ rằng những đặc tính của riêng ta sẽ được truyền tiếp trong cơ thể con cháu là ta có thể nói rằng mình đang chết đi và tái sinh mỗi ngày, ấy thế mà ta vẫn sẽ sống tiếp thêm nhiều thế hệ sau khi chết.

Nếu việc tham dự vào vòng tuần hoàn này có thể được trải nghiệm và thưởng thức từng ngày thì chẳng còn cần thêm điều gì nữa. Nhưng hầu hết người ta lại không thể tận hưởng cuộc sống khi nó trôi qua và đổi thay mỗi ngày. Họ bám lấy sự sống như họ đã từng trải nghiệm nó rồi, và sự bám víu theo thói quen này đem đến nỗi sợ chết. Chỉ chú ý đến quá khứ, là cái đã qua mất, hay đến tương lai, là cái vẫn còn chưa tới, họ quên mất rằng mình đang sống trên trái đất ngay ở đây và ngay lúc này. Vùng vẫy trong vòng luẩn quẩn, họ nhìn cuộc đời của mình trôi đi như trong một giấc mơ.

"Nếu sống và chết là thực tại, thì chẳng phải nỗi khổ đau của con người là chẳng thể nào tránh khỏi sao?"

"Không có sống hay chết."

"Sao bác lại có thể nói thế được?"

Bản thân thế giới là một chỉnh thể các sự vật hiện tượng trong dòng chảy trải nghiệm, thế nhưng tâm trí con người lại phân tách các hiện tượng thành những cặp nhị nguyên như sống và chết, âm và dương, hư và thực. Cái tâm trí đó đi đến chỗ tin vào tính hợp lệ tuyệt đối của những gì các giác quan cảm thụ được, và rồi, lần đầu tiên, vật chất như nó vốn là biến thành những khách thể như kiểu con người thông thường vẫn nhìn nhận về chúng.

Các hình tướng của thế giới vật chất, các khái niệm về sống và chết, sức khoẻ và bệnh tật, niềm vui và nỗi sầu khổ, tất cả đều phát xuất từ tâm trí con người. Trong bản kinh trên, khi Đức Phật nói rằng tất cả đều không, ngài không chỉ phủ nhận tính hiện thực nội tại của bất cứ thứ gì được dựng lên bởi trí năng của con người mà ngài cũng tuyên bố rằng những cảm xúc của con người chỉ là ảo tưởng.

"Ý bác *tất tật* đều là ảo tưởng. Không chừa thứ gì?"

"Không chừa thứ gì ư? Rõ ràng là khái niệm 'hư không' vẫn còn tồn tại trong tâm trí cậu," tôi nói với chàng trai trẻ. "Nếu cậu không biết mình từ đâu tới hay mình sắp đi đâu, vậy cậu làm sao có thể chắc chắn là mình đang ở đây, đang đứng trước mặt ta? Sự hiện tồn này là vô nghĩa ư?"

"..."

Buổi sáng một ngày kia, tôi có nghe một bé gái lên bốn hỏi mẹ của mình: "Tại sao con sinh ra trên đời này vậy ạ? Để đi nhà trẻ sao?"

Đương nhiên là mẹ của cô bé chẳng thể thành thật mà nói rằng, "Đúng, đúng đấy con, giờ con đi học đi." Thế nhưng, ta có thể nói rằng con người ngày nay được sinh ra là để đi nhà trẻ.

Cho tới tận lúc học lên đại học, người ta vẫn học hành một cách chăm chỉ để hiểu cho được tại sao mình lại sinh ra đời. Các học giả và triết gia, thậm chí có phá hỏng đời mình trong cái nỗ lực ấy, vẫn nói, họ sẽ thấy mãn nguyện khi hiểu được chỉ một điều này thôi.

Ban đầu, con người chẳng có mục đích gì cả. Còn giờ, mơ tưởng ra mục tiêu này mục tiêu nọ, họ vùng vẫy cố gắng tìm cho ra ý nghĩa cuộc sống. Đấy là cuộc đấu vật chỉ-một-người. Chẳng có mục tiêu nào để người ta phải suy nghĩ về nó hay phải lên đường tìm kiếm cả. Tốt hơn hết, ta cứ đi hỏi đám trẻ con xem liệu một cuộc đời không mục đích thì có vô nghĩa hay không.

Kể từ thời điểm bước chân vào nhà trẻ, nỗi sầu khổ của con người bắt đầu. Vốn là một tạo vật vui vẻ, nhưng con người đã tự tạo ra một thế giới hà khắc và giờ phải vùng vẫy để thoát ra.

Trong tự nhiên, có sự sống và cái chết, và tự nhiên đầy ắp niềm vui.

Trong xã hội loài người, có sống và chết, nhưng con người thì sống trong khổ đau.

NHỮNG ĐÁM MÂY TRÔI DẠT VÀ ẢO TƯỞNG CỦA KHOA HỌC

Sáng nay, tôi đang rửa những hộp đựng cam bên bờ sông. Khom người trên một phiến đá phẳng, tay tôi cảm nhận được cái giá lạnh của con sông vào thu. Lá đỏ của những cây sơn dọc bờ sông nổi bật trên nền trời thu xanh trong. Tôi choáng ngợp trước vẻ tráng lệ không ngờ của những nhành cây tương phản với nền trời.

Bên trong cái cảnh tượng tình cờ này, toàn bộ thế giới trải nghiệm đều hiện diện. Trong dòng nước chảy, dòng thời gian trôi, bờ trái và bờ phải của con sông, ánh mặt trời và những bóng râm, những chiếc lá đỏ và bầu trời xanh – tất cả đều xuất hiện bên trong cuốn sách thiêng liêng, lặng câm này của tự nhiên. Còn con người là một nhành lau mỏng manh đang suy nghĩ.

Một khi đã thắc mắc tự nhiên là gì, anh ta hẳn phải thắc mắc tiếp "cái gì đó" là gì, và cái con người đang thắc mắc về "cái gì đó" là cái giống gì. Anh ta dấn bước, có thể nói vậy, vào một thế giới của những câu hỏi khôn cùng.

Trong việc cố gắng đạt được sự hiểu biết sáng tỏ về 'cái gì đó,' cái đang rót đầy con người anh ta với những thắc mắc, cái đang làm anh ta kinh ngạc, anh ta có hai con đường khả dĩ để đi. Con đường thứ nhất là nhìn sâu vào chính mình, vào cái kẻ đang đặt ra câu hỏi, "Tự nhiên là gì?" Con đường thứ hai là xem xét tự nhiên tách biệt khỏi con người.

Con đường thứ nhất dẫn tới địa hạt của triết học và tôn giáo. Nhìn một cách lơ đãng, không có gì lạ khi thấy nước chảy từ cao xuống thấp, nhưng không hề thiếu nhất quán khi nhìn dòng nước như đang đứng im còn cây cầu thì như đang trôi.

Trái lại, nếu đi theo con đường thứ hai, thì cảnh tượng đó sẽ bị chia thành một tập những hiện tượng tự nhiên khác nhau: nước, tốc độ của dòng chảy, những con sóng, gió và những đám mây trắng. Tất cả chúng, một cách riêng rẽ, sẽ trở thành các đối tượng để khảo sát, dẫn đến những câu hỏi xa hơn, nó mở rộng ra vô tận theo mọi hướng. Đấy là con đường của khoa học.

Thế giới này đã từng giản đơn. Ta hiếm khi để ý trong lúc đi ngang qua ta bị ướt vì quệt phải những giọt sương, trong lúc đang thơ thẩn trên đồng cỏ. Nhưng kể từ lúc người ta quyết định giải thích giọt sương này một cách khoa học, họ đã tự đặt bẫy mình trong địa ngục khôn cùng của trí năng.

Các phân tử nước được tạo thành từ những nguyên tử hydro và ô-xy. Đã có lúc người ta nghĩ rằng các hạt nhỏ nhất trong thế gian này là các nguyên tử, nhưng rồi họ khám phá ra rằng có một hạt nhân bên trong nguyên tử. Giờ họ lại phát hiện ra rằng bên trong hạt nhân có những hạt thậm chí còn bé hơn. Trong số những hạt hạt nhân này, có hàng trăm loại khác nhau và chẳng ai biết sự khảo sát về thế giới tí hon này sẽ kết thúc ở đâu.

Người ta nói rằng cái cách mà các electron xoay quanh với vận tốc siêu nhanh bên trong nguyên tử thì cũng y hệt như đường bay của các sao chổi trong ngân hà. Đối với nhà vật lý hạt nhân, thế giới của các hạt cơ bản cũng bao la như bản thân vũ trụ. Thế nhưng, người ta đã chứng minh rằng bên cạnh chính thiên hà mà chúng ta đang sống đây, còn có vô số những thiên hà khác. Vậy nên trong mắt nhà vũ trụ học, toàn bộ thiên hà của chúng ta lại trở nên nhỏ tí teo.

Sự thật là những người nghĩ rằng một giọt nước thì đơn giản hay một hòn đá thì nằm yên bất động và trơ ì – họ là những kẻ ngốc hạnh phúc, còn các khoa học gia biết rằng một giọt

nước là cả một vũ trụ lớn lao và hòn đá là một thế giới sôi động của những hạt cơ bản tuôn chảy như những quả tên lửa - họ lại là những kẻ ngốc tài giỏi. Nhìn đơn giản, thế giới này có thực và nằm trong tầm tay. Nhìn phức tạp, thế giới trở nên trừu tượng và xa vợi đến kinh người.

Các nhà khoa học sung sướng ăn mừng khi những viên đá được mang về từ mặt trăng chẳng hiểu được mặt trăng bằng những đứa trẻ hay hát nghêu ngao "trăng bao nhiêu tuổi trăng già..." Basho[40] có thể thấu được sự diệu kỳ của tự nhiên bằng việc ngắm ánh trăng tròn phản chiếu trên mặt hồ tĩnh lặng. Tất cả những gì các khoa học gia làm được khi đi vào không gian và chập chững trên đôi giày đi ngoài không gian của mình là làm mờ đi chút xíu vẻ tráng lệ của mặt trăng trước hàng triệu tình nhân và trẻ con trên trái đất.

Làm thế nào mà người ta lại nghĩ rằng khoa học mang lại lợi ích cho loài người cơ chứ?

Ngày xưa trong ngôi làng này, hạt ngũ cốc được nghiền thành bột nhờ cối đá xoay chầm chậm bằng tay. Rồi đến cối xay nước, có động lượng lớn hơn nhiều mà chiếc cối đá hồi xưa chẳng thể nào sánh nổi, được dựng lên để sử dụng sức mạnh của dòng chảy. Vài năm trước, một cái đập được xây dựng để sản xuất điện năng và một nhà máy xay xát vận hành bằng điện cũng được cất lên.

Các bạn nghĩ cỗ máy tân tiến đó làm lợi cho loài người ở chỗ nào? Để nghiền gạo thành bột, trước tiên nó được đánh bóng – nghĩa là làm thành gạo trắng. Tức là người ta xay thóc, loại bỏ phần mầm và vỏ cám, vốn là nền tảng cho sức khoẻ, và giữ lấy phần còn lại[41]. Và vì thế, kết quả của công nghệ này là phá vỡ nguyên hạt gạo thành những thứ phẩm không đầy đủ. Nếu thứ gạo trắng quá dễ tiêu hoá đó trở thành món ăn chính hàng ngày, chế độ ăn này sẽ bị thiếu hụt dinh dưỡng, và người ta sẽ cần phải dùng tới những thực phẩm bổ sung. Cối xay nước và nhà máy xay xát đang làm thay phần việc của dạ dày và của ruột, hệ quả là làm cho những cơ quan này trở nên lười biếng.

Nhiên liệu cũng tương tự như vậy. Dầu thô hình thành khi mô gỗ của những cái cây thời xa xưa bị chôn vùi sâu dưới lòng đất, biến tính do áp suất và nhiệt độ cao. Chất này bị moi hút lên khỏi sa mạc, đưa tới cảng bằng đường ống, sau đó được vận chuyển bằng tàu tới nước Nhật rồi được lọc thành xăng và dầu hỏa tại một nhà máy lọc dầu lớn.

Các bạn nghĩ cái nào thì nhanh hơn, ấm hơn và tiện hơn, đốt thứ xăng này hay các cành tuyết tùng, cành thông lấy được ở ngay trước cửa nhà?[42] Nhiên liệu vẫn là chất liệu thực vật. Có điều dầu hoả và xăng thì phải đi theo một chặng đường dài hơn để tới được đây.

Giờ thì người ta đang nói rằng năng lượng hoá thạch là không đủ, rằng chúng ta cần phải phát triển năng lượng hạt nhân. Để tìm ra quặng uranium hiếm, nén nó thành nhiên liệu phóng xạ và đốt nó trong một lò hạt nhân khổng lồ thì không dễ như việc đốt những cái lá khô bằng diêm. Hơn nữa, đốt lửa trong lò sưởi chỉ để lại mỗi tro, nhưng sau một vụ đốt hạt nhân, chất thải phóng xạ vẫn còn nguy hiểm trong nhiều ngàn năm.

Cùng một nguyên lý như vậy tác động lên nông nghiệp. Trồng một cây lúa mập mạp, mềm oặt trong một cánh đồng ngập nước, ta sẽ có một cái cây dễ dàng bị côn trùng và bệnh tật tấn công. Nếu các giống lúa "cải tiến" được sử dụng, người ta sẽ phải dựa vào sự trợ giúp của các loại thuốc diệt côn trùng và phân bón hoá học.

Trái lại, nếu ta trồng một cây lúa nhỏ nhắn, chắc khoẻ trong một môi trường lành mạnh, những hoá chất này sẽ chẳng còn cần thiết nữa.

Cày xới một cánh đồng lúa ngập nước với một cái cày hay máy kéo, đất trồng sẽ trở nên thiếu dinh dưỡng. Kết cấu đất bị huỷ hoại, giun đất và các loài động vật nhỏ khác bị tiêu diệt,

[40] Một nhà thơ *haiku* nổi tiếng của Nhật Bản (1644 – 1694).

[41] Trong tiếng Nhật, con chữ để chỉ phần thừa ra – phát âm là *kasu* – bao gồm hai thành tố mang ý nghĩa lần lượt là "màu trắng" và "gạo". Con chữ để chỉ vỏ cám – phát âm là *nuka* – cấu thành từ "gạo" và "sức khoẻ."

[42] Hiện nay, phần lớn thế giới đang phải đối mặt với việc thiếu củi đốt. Ẩn trong luận điểm của ông Fukuoka là nhu cầu trồng cây. Rộng hơn, ông Fukuoka đang gợi ý tới những đáp án giản dị và trực tiếp cho những nhu cầu của cuộc sống hàng ngày.

đất trở nên rắn và mất sinh khí. Một khi điều này xảy ra, thửa ruộng này *buộc* phải được cày lật đất mỗi năm.

Nhưng nếu một phương pháp được đưa vào sử dụng, trong đó đất tự nó canh tác lấy, thì chẳng cần tới cái cày hay máy móc canh tác nữa.

Sau khi các chất hữu cơ và vi sinh vật trong lớp đất đầy sinh khí bị đốt kiệt, việc sử dụng các loại phân bón tác dụng nhanh trở nên cần thiết. Nếu phân bón hoá học được đem dùng, cây lúa sẽ sinh trưởng nhanh và cao, nhưng đám cỏ dại cũng vậy. Thế là người ta dùng tới thuốc diệt cỏ và cho rằng nó hữu ích.

Nhưng nếu cỏ ba lá được gieo cùng với ngũ cốc, và toàn bộ rơm rạ cùng các phần hữu cơ dư thừa được đem trả về bao phủ bề mặt ruộng thì có thể trồng các vụ mùa mà không cần tới thuốc diệt cỏ, phân bón hoá học hay phân mùn vi sinh ủ sẵn.

Trong làm nông, có rất ít công đoạn là không thể bỏ. Phân ủ, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt côn trùng, máy móc - tất cả đều không cần thiết. Nhưng nếu người ta tạo ra những điều kiện trong đó chúng trở nên cần thiết thì khi đó sẽ phải cần tới sức mạnh của khoa học.

Tôi đã thể hiện trên những thửa ruộng của mình rằng làm nông tự nhiên cho sản lượng ngang ngửa với những thửa ruộng áp dụng khoa học hiện đại. Nếu những thành quả của nông nghiệp phi-tác-động cũng tương tự so với cách làm của khoa học, mà chỉ cần một khoản đầu tư cho lao động và tài nguyên bằng một phần mười, thế thì ích lợi của khoa học công nghệ nằm ở đâu?

THUYẾT TƯƠNG ĐỐI

Nhìn ra ánh nắng rực rỡ của bầu trời thu, bao quát những cánh đồng xung quanh, tôi thấy kinh ngạc. Ngoại trừ những thửa ruộng của tôi còn thì ruộng nào cũng có máy thu hoạch lúa hoặc máy liên hợp đang chạy qua chạy lại. Trong ba năm vừa qua, ngôi làng này đã thay đổi đến không nhận ra được nữa.

Đúng như dự đoán, những thanh niên trên núi chẳng hề ganh tị với việc chuyển sang sử dụng máy móc này. Họ thích thú thu hoạch trong yên bình, im lặng với chiếc liềm tay kiểu cũ.

Tối hôm đó, lúc chúng tôi sắp dùng xong bữa tối, tôi chợt nhớ lại bên tách trà, thời xa xưa đã lâu lắm rồi trong ngôi làng này, vào thời mà nhà nông vẫn phải cày ruộng bằng tay, có một người bắt đầu sử dụng con bò. Ông ta rất tự hào có thể hoàn tất công việc cày bừa nặng nhọc kia một cách dễ dàng và nhanh chóng. Hai mươi năm trước, khi chiếc máy cày đầu tiên xuất hiện, tất cả dân làng đã họp lại với nhau và tranh luận nghiêm túc xem cái nào tốt hơn, con bò hay máy móc. Hai hay ba năm trôi qua, họ thấy rõ rằng cày bằng máy thì nhanh hơn, và không cần xem xét xa hơn những tiêu chí về thời gian và mức độ tiện lợi, nông dân đồng loạt bỏ việc sử dụng súc vật kéo như trước đây. Nguyên do đơn thuần chỉ là làm sao cho xong công việc nhanh hơn người nông dân ở ruộng kế bên.

Người nông dân không nhận ra rằng mình thuần tuý đã trở thành một thừa số trong công thức tăng tốc độ và hiệu suất của nông nghiệp hiện đại. Ông ta để cho gã bán thiết bị nông nghiệp làm tất tật việc tính toán hộ mình.

Thuở ban đầu, người ta hay nhìn lên bầu trời đêm đầy sao và cảm thấy kính sợ trước sự bao la của vũ trụ. Còn giờ thì những câu hỏi về thời gian và không gian được phó mặc hoàn toàn cho các nhà khoa học xem xét.

Người ta nói rằng Einstein được trao giải Nobel vật lý là do độ khó hiểu của thuyết tương đối mà ông ta đưa ra. Nếu lý thuyết của ông ta giải thích được một cách rõ ràng các hiện tượng về tính tương đối trong thế giới này và vì thế giải phóng loài người khỏi sự câu thúc của thời gian và không gian, mang lại một thế giới thoải mái, yên bình hơn thì nó đáng để tán dương. Tuy nhiên, lời giải thích của ông ta lại rối rắm, và nó khiến cho người ta nghĩ rằng thế giới này phức tạp ngoài mọi khả năng hiểu biết. Đáng ra nó phải được trao giải "quấy rối sự bình yên của tinh thần con người" thì đúng hơn.

Trong tự nhiên, thế giới của sự tương đối chẳng hề tồn tại. Ý niệm về các hiện tượng tương đối là một cấu trúc được trao cho trí năng con người trải nghiệm. Những con vật khác sống trong thế giới của thực tại không chia cắt. Chừng nào người ta còn sống trong thế giới tương đối của trí năng, người đó sẽ đánh mất tầm nhìn về thời gian vượt trên thời gian và không gian vượt trên không gian.

"Các cậu có thể đang thắc mắc là tại sao ta có thói quen lúc nào cũng chỉ trích các khoa học gia thế này," tôi nói, ngừng lại để nhấp một ngụm trà. Đám thanh niên ngẩng đầu lên mỉm cười, những gương mặt bừng sáng và lấp lánh trong ánh lửa. "Đấy là bởi vì vai trò của khoa học gia trong xã hội cũng tương tự như vai trò của trí phân biệt trong tâm trí của chính chúng ta."

MỘT NGÔI LÀNG
KHÔNG CHIẾN TRANH LẪN HOÀ BÌNH

Một con rắn ngậm con ếch trong miệng nó rồi lỉnh vào trong đám cỏ. Một cô gái hét toáng lên. Một chàng trai dũng cảm biểu lộ cảm giác ghê tởm và ném một hòn đá về phía con rắn. Những người khác phá ra cười. Tôi quay sang phía chàng trai vừa ném hòn đá. "Cậu nghĩ làm như thế thì sẽ được gì?"

Diều hâu săn rắn. Chó sói tấn công diều hâu. Một người giết con sói đó, và sau này lại phải đầu hàng trước con vi-rút lao. Vi khuẩn sinh sôi trong xác chết của con người, và các loài thú, cây cỏ lại phát triển mạnh nhờ những chất dinh dưỡng sử dụng được do hoạt động của bọn vi khuẩn. Côn trùng tấn công cây cối và lũ ếch lại ăn côn trùng.

Thú vật, cây cối, các vi sinh vật – tất cả đều là một phần trong vòng tuần hoàn của sự sống. Duy trì sự cân bằng phù hợp, chúng sống một cuộc đời được kiểm soát một cách tự nhiên. Con người có thể chọn cách nhìn thế giới này hoặc như một hình mẫu của "cá lớn nuốt cá bé" hoặc như một hình mẫu của sự cộng sinh và cùng có lợi. Dù theo cách nào, đấy cũng chỉ là một cách diễn giải tuỳ tiện, là cái gây ra sóng và gió, mang tới sự rối loạn và lộn xộn.

Đám người lớn nghĩ rằng con ếch đáng thương, và động lòng trắc ẩn vì cái chết của nó, còn thì họ khinh miệt con rắn. Cảm xúc này trông có vẻ tự nhiên, chỉ là một điều hiển nhiên, nhưng có phải thực sự là như thế không?

Một thanh niên nói, "Nếu sự sống được xem như một cuộc thi trong đó kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, thế thì bề mặt của trái đất này sẽ trở thành một địa ngục đầy cảnh tàn sát, huỷ diệt. Nhưng không thể tránh khỏi việc kẻ yếu phải hy sinh để kẻ mạnh được sống. Việc kẻ mạnh chiến thắng và tồn tại còn kẻ yếu chết đi là một quy luật của tự nhiên. Sau hàng triệu năm, các tạo vật bây giờ còn sống trên trái đất đều là những kẻ chiến thắng trong cuộc đấu tranh sinh tồn. Ta có thể nói rằng sự sống sót của loài thích nghi nhất chính là ý muốn của tự nhiên."

Một người thứ hai nói, "Dù sao thì đối với những kẻ chiến thắng chuyện có vẻ là như vậy. Theo cách nhìn của tôi thì thế giới này là một thế giới của cộng sinh và cùng có lợi. Dưới gốc cây lương thực trên cánh đồng này, cỏ ba lá và rất nhiều giống cỏ dại khác nhau đang sống cuộc sống cùng có lợi. Dây thường xuân quấn quanh những cây lớn; rêu và địa y sống bám vào thân và cành cây. Dương xỉ lan bên dưới tán rừng. Chim và ếch, cây cối, côn trùng, những con thú nhỏ, vi khuẩn, nấm – tất cả các sinh vật đều đóng những vai trò thiết yếu và được hưởng lợi từ sự tồn tại của nhau."

Người thứ ba nói, "Thế giới này là một thế giới của kẻ mạnh xơi kẻ yếu, đồng thời cũng là một thế giới của sự cộng sinh. Những kẻ mạnh hơn không lấy đi nhiều hơn lượng thức ăn cần thiết; mặc dù nó tấn công các sinh vật khác nhưng sự cân bằng tổng thể của tự nhiên được duy trì. Ý muốn của tự nhiên là một quy tắc cứng rắn, duy trì sự bình yên và trật tự trên trái đất này."

Ba người và ba quan điểm. Tôi phủ định hoàn toàn cả ba quan điểm này.

Bản thân thế giới chẳng bao giờ đặt câu hỏi liệu nó dựa trên nguyên lý về tính cạnh tranh hay là về hợp tác cả. Khi nhìn từ khía cạnh tương đối của trí năng con người mới có những kẻ mạnh và kẻ yếu, mới có lớn và nhỏ.

Hiện nay, chẳng có ai nghi ngờ sự tồn tại của cách nhìn tương đối này, nhưng nếu chúng ta giả định rằng tính tương đối trong nhận thức của con người là sai lầm – ví dụ như không hề có to hay nhỏ, không có trên hay dưới – nếu chúng ta nói không có quan điểm nào như thế hết, thì những giá trị và phán xét mà con người trân trọng sẽ sụp đổ.

“Chẳng phải cách nhìn thế giới như vậy là sự bay bổng rỗng tuếch của trí tưởng tượng hay sao? Trong thực tế, có những nước lớn và những nước nhỏ. Nếu có nghèo đói và thịnh vượng, mạnh và yếu, thì hiển nhiên sẽ có những tranh chấp, và hệ quả là, có kẻ thắng người bại. Thay vào đó, chẳng phải ta có thể nói rằng những góc nhìn tương đối này và những cảm xúc phát sinh là thuộc về con người và do đó thuộc về tự nhiên, rằng chúng là một đặc quyền riêng có của việc làm người hay sao?”

Các loài động vật khác có đánh nhau nhưng chúng không gây chiến. Nếu ta nói rằng việc gây chiến, vốn phụ thuộc vào các ý niệm về mạnh và yếu, là “đặc quyền” đặc biệt chỉ có ở loài người, thế thì cuộc sống là một trò khôi hài. Bi kịch của loài người nằm ở chỗ không biết rằng đó là một trò khôi hài.

Những kẻ sống an bình trong một thế giới không có những mâu thuẫn và phân biệt là đám trẻ nhỏ. Chúng cảm nhận sáng và tối, mạnh và yếu, nhưng không hề phán xét. Dù cho rắn và ếch có tồn tại thì đứa trẻ đó cũng không có hiểu biết nào về mạnh và yếu. Có niềm vui ban sơ của sự sống ở đó, nhưng nỗi sợ hãi cái chết vẫn còn chưa xuất hiện.

Yêu và ghét, cái hiện lên trong mắt của người lớn, ban đầu không phải hai thứ tách biệt nhau. Chúng là cùng một thứ được nhìn từ đằng trước và từ đằng sau. Yêu là chất liệu cho ghét. Nếu ta lật ngược đồng xu tình yêu, nó trở thành căm ghét. Chỉ bằng cách bước vào thế giới tuyệt đối không diện mạo, ta mới có thể tránh khỏi lạc lối trong cái nhị nguyên của thế giới sự vật hiện tượng.

Con người phân biệt giữa Mình và Cái Khác. Chừng nào cái tôi còn tồn tại, chừng nào còn có một “cái khác,” người ta sẽ không thoát khỏi yêu và ghét. Cái tâm yêu quý, cái tôi tinh quái sẽ tạo ra kẻ thù để căm ghét. Đối với con người, kẻ thù đầu tiên và vĩ đại nhất chính là cái bản ngã mà họ vô cùng yêu quý.

Loài người chọn cách tấn công hoặc phòng thủ. Trong cuộc vật lộn phát sinh sau đó, họ kết tội bên kia là chủ mưu gây ra xung đột. Chẳng khác nào vỗ hai tay xong rồi tranh cãi xem tay nào tạo ra tiếng, tay phải, hoặc tay trái. Trong mọi cuộc tranh cãi, chẳng có đúng, chẳng có sai, cũng chẳng có tốt hay xấu. Mọi phân biệt có ý thức đều nổi lên cùng một lúc và tất cả đều sai lầm.

Việc dựng lên một pháo đài vốn đã sai ngay từ đầu. Mặc dù ông ta đưa ra cái cớ là để bảo vệ cho thành phố, thì lâu đài được bảo vệ đó vẫn chỉ là thứ ra đời từ ý thích riêng của vị lãnh chúa, và dựa vào đấy ông ta tìm mọi cách áp đặt quyền lực lên vùng đất xung quanh. Nói rằng mình lo ngại bị tấn công và rằng việc xây pháo đài là để bảo vệ thành, kẻ bạo ngược có cớ để tích trữ vũ khí và khoá cổng thành lại.

Hành động phòng thủ đã là một kiểu tấn công rồi. Vũ khí dùng để tự vệ luôn luôn tạo cớ cho những kẻ muốn gây chiến. Họa chiến tranh xuất phát từ việc củng cố và phóng đại sự phân biệt vô nghĩa giữa mình và người khác, giữa mạnh và yếu, giữa công và thủ.

Chẳng có con đường nào khác dẫn tới hoà bình ngoài việc tất cả mọi người phải ra khỏi cánh cổng của tòa lâu đài nhận thức mang tính tương đối, bước xuống thảo nguyên, rồi quay trở về với cái tâm của bản tính phi cưỡng bức. Thế có nghĩa là, mài sắc lưỡi liềm thay vì lưỡi gươm.

Người nông dân từ thời xa xưa vốn là những con người khoan hoà, nhưng bây giờ thì họ lại cãi lý với nước Úc về thịt, tranh chấp với nước Nga về cá, và phụ thuộc vào nước Mỹ về khoản lúa mì và đậu nành.

Tôi cảm thấy như thể người Nhật Bản chúng ta đang sống dưới bóng che của một cái cây lớn, và trong cơn bão tố, chẳng có nơi nào nguy hiểm hơn là dưới một gốc cây to. Và chẳng có điều gì ngu ngốc bằng việc núp dưới một “cái ô che hạt nhân,” là cái sẽ trở thành mục tiêu đầu tiên trong cuộc chiến tiếp theo. Hiện giờ chúng ta đang cày cấy đất đai dưới bóng cái ô đen tối đó. Tôi cảm thấy như thể một cuộc khủng hoảng đang tới gần cả từ bên trong lẫn bên ngoài.

Hãy rũ bỏ những khía cạnh bên trong lẫn bên ngoài. Nông dân ở khắp mọi nơi trên thế giới về gốc rễ đều như nhau cả. Ta có thể nói rằng, chìa khoá đi đến hoà bình nằm gần ngay với mặt đất.

CUỘC CÁCH MẠNG MỘT-CỌNG-RƠM

Trong số những thanh niên trẻ đến sống trong những cái chòi trên núi này, có những người, nghèo cả về thể xác lẫn tinh thần, những người đã từ bỏ mọi hy vọng. Tôi chỉ là một lão nông, buồn vì thậm chí một đôi xăng-đan cũng chẳng có để cho họ – nhưng vẫn có một thứ tôi *có thể* trao cho họ.

Một cọng rơm.

Tôi nhặt lên vài cọng rơm vương phía trước căn chòi và nói, “Chỉ từ một cọng rơm này thôi một cuộc cách mạng có thể được khai mào.”

“Loài người sắp bị huỷ diệt tới nơi mà bác vẫn hy vọng có thể bám víu vào một cọng rơm ư?”, một thanh niên hỏi, trong giọng nói có đượm chút cay đắng.

Sợi rơm này có vẻ nhỏ nhoi và nhẹ bẫng, và hầu hết người ta không biết nó thực sự nặng thế nào. Nếu người ta biết giá trị thực sự của cọng rơm này thì một cuộc cách mạng của nhân loại có thể diễn ra, sẽ trở nên đủ mạnh để dịch chuyển đất nước này và cả thế giới.

Thời tôi còn là một đứa trẻ con, có một người đàn ông sống ở gần đèo Inuyose. Dường như tất cả những gì ông ấy làm là chất than củi lên lưng ngựa đi một chặng đường dài chừng hai dặm từ trên đỉnh núi tới cảng Gunchu. Ấy thế mà ông ta trở nên giàu có. Nếu ta hỏi bằng cách nào, người ta sẽ kể cho ta nghe rằng trên quãng đường trở về nhà từ cảng, ông ta đã nhặt nhạnh những cái móng ngựa bện bằng rơm bỏ đi và phân gia súc bên vệ đường rồi bỏ vào ruộng của mình. Phương châm của ông ấy là: “Đối xử với một cọng rơm như thứ quan trọng, và không bao giờ đi bước nào vô ích.” Điều đó biến ông thành một người giàu có.

“Ngay cả khi bác đem đốt cọng rơm này, cháu không nghĩ là nó có thể tạo ra được một tia lửa đủ để khởi đầu cho một cuộc cách mạng đâu.”

Một cơn gió nhẹ thổi xào xạc qua những cái cây trong vườn, ánh nắng lấp loáng giữa đám lá xanh. Tôi bắt đầu nói về việc dùng rơm trong việc trồng lúa gạo.

Cũng gần bốn mươi năm rồi kể từ khi tôi nhận ra rơm quan trọng như thế nào trong việc trồng lúa gạo và đại mạch. Vào lúc bấy giờ, đi ngang qua một ruộng lúa ở tỉnh Kochi bị bỏ hoang và không canh tác trong nhiều năm, tôi trông thấy những cây lúa non khoẻ mạnh nảy mầm xuyên qua đám cỏ dại quấn vào nhau và rơm chồng chất trên mặt ruộng. Sau nhiều năm tìm hiểu ý nghĩa của chuyện đó, tôi ra mặt cổ vũ cho một phương pháp trồng lúa gạo và lúa mạch hoàn toàn mới.

Tin rằng đây là một cách làm nông tự nhiên và mang tính cách mạng, tôi đã viết về nó trong sách vở và tạp chí, và nói về nó trên truyền hình với radio hàng chục lần.

Nghe thì có vẻ đấy là một chuyện vô cùng đơn giản, nhưng nông dân thì quá cứng nhắc trong suy nghĩ của mình về việc rơm phải được sử dụng như thế nào, nên không có vẻ là họ sẽ dễ dàng chấp nhận thay đổi. Rải rơm tươi lên ruộng có thể là mạo hiểm bởi lẽ đạo ôn và thối thân là những căn bệnh luôn hiện diện trong rơm của cây lúa. Trong quá khứ, những căn bệnh này đã từng gây ra thiệt hại lớn, và đấy là một trong các lý do chính mà người nông dân luôn phải ủ rơm thành phân mùn vi sinh trước rồi mới đưa trở lại ruộng. Trước đây đã lâu, việc nghiêm túc loại bỏ rơm lúa gạo đi là cách làm phổ biến để đối phó với bệnh đạo ôn, và đã có những lúc ở Hokkaido, việc đốt rơm còn được quy định trong luật.

Những con sâu đục thân cũng chui vào trong rơm để qua được mùa đông. Để tránh sự quấy phá của những con côn trùng này, nông dân quen với việc ủ rơm thật kỹ suốt cả mùa đông dài để đảm bảo rằng nó sẽ phân huỷ hoàn toàn khi mùa xuân đến sau đó. Đấy là lý do tại

sao nông dân Nhật luôn luôn giữ cho đồng ruộng của mình gọn gàng và ngăn nắp đến vậy. Kiến thức thực tế từ cuộc sống hàng ngày cho thấy rằng nếu người nông dân để mặc rơm nằm bừa bộn quanh ruộng, họ sẽ bị trời phạt vì sự cẩu thả của mình.

Sau nhiều năm thử nghiệm, bây giờ ngay cả những chuyên gia kỹ thuật cũng xác nhận thuyết của tôi, rằng việc trải rơm tươi lên ruộng sáu tháng trước khi gieo hạt giống là hoàn toàn an toàn. Điều này đảo lộn toàn bộ những ý tưởng trước đây về chủ đề này. Nhưng sẽ phải mất nhiều thời gian cho đến khi người nông dân lĩnh hội được việc sử dụng rơm theo cách này.

Trong nhiều thế kỷ, người nông dân đã tìm cách cố gắng gia tăng việc sản xuất phân mùn. Bộ Nông nghiệp đã từng chi tiền để khuyến khích việc sản xuất phân mùn, và các cuộc triển lãm về phân mùn mang tính thi thố được tổ chức như những sự kiện hằng năm. Người nông dân đi đến chỗ tin vào phân mùn như thể nó là một vị thần bảo hộ cho đất. Hiện giờ, một lần nữa lại có phong trào làm ra nhiều phân mùn hơn, làm ra loại phân mùn "tốt hơn," với giun đất và "phân mùn giống." Chẳng có lý nào để mong chờ người ta sẽ dễ dàng chấp nhận đề xuất của tôi rằng phân mùn vi sinh ủ sẵn là không cần thiết, rằng tất cả những gì ta cần phải làm chỉ là vãi rơm tươi chưa bị cắt vụn lên khắp ruộng.

Trong chuyến đi lên Tokyo, nhìn ra ngoài cửa sổ con tàu Tokaido, tôi trông thấy sự biến dạng của làng quê Nhật Bản. Nhìn vào những cánh đồng mùa đông, thấy diện mạo của chúng đã hoàn toàn thay đổi chỉ trong mười năm, tôi cảm thấy một cơn giận không tài nào diễn tả nổi. Quang cảnh trước kia về những thửa ruộng ngăn nắp trồng đại mạch xanh ngắt, hoàng kỳ Tàu và những cây cải dầu trổ hoa chẳng còn thấy ở đâu nữa. Thay vào đó là rơm đốt dở, chất chồng thành đống và để mặc cho ướt sũng dưới mưa. Việc chỗ rơm này bị xem nhẹ chính là bằng chứng cho sự bừa bãi của cách làm nông hiện đại. Sự cằn cỗi của những cánh đồng này tiết lộ sự cằn cỗi trong chính tinh thần người nông dân. Nó đòi hỏi ở những vị lãnh đạo chính phủ tinh thần trách nhiệm, và chỉ ra một cách rõ ràng sự thiếu vắng của một chính sách nông nghiệp có hiểu biết.

Cái người mà nhiều năm trước đã nói về "cái chết khoan dung" cho việc trồng ngũ cốc mùa đông, về "cái chết không ai ngó ngàng tới" của nó – lúc này ông ta nghĩ gì khi trông thấy những thửa ruộng trống trơn này? Nhìn thấy những cánh đồng Nhật Bản cằn cỗi vào mùa đông, tôi không thể nhẫn nhịn thêm được nữa. Với cọng rơm này, tôi, tự thân tôi, sẽ bắt đầu một cuộc cách mạng!

Đám thanh niên nãy giờ vẫn lặng im lắng nghe, lúc này phá lên cười.

"Cuộc cách mạng một-người! Ngày mai chúng ta hãy lấy một gùi lớn hạt đại mạch, lúa và cỏ ba lá rồi lên đường, vác nó trên vai, giống như thần Okuninushi-no-mikoto[43], và vãi những hạt giống này lên khắp những cánh đồng của Tokaido."

"Đấy không phải là cuộc cách mạng một-người," tôi cười, "nó là cuộc cách mạng *một-cọng-rơm*!"

Bước ra khỏi căn chòi vào ánh nắng ban chiều, tôi đứng lại hồi lâu và chăm chú nhìn những cây cối trong vườn xung quanh, nặng trĩu những quả chín, nhìn những con gà đang bới trong đám cỏ dại và cỏ ba lá. Và rồi tôi bắt đầu chuyến xuống thăm đồng quen thuộc của mình.

[43] Vị thần chữa lành trong thần thoại của Nhật Bản, người đi khắp nơi và tung phước lành từ một chiếc gùi lớn mà ông ta đeo trên vai.

Bạn đọc thân mến,

Chẳng có nơi đâu tốt đẹp hơn thế gian này. Nhiều năm trước đây, tôi đã nhận ra rằng con người chúng ta thế nào thì cứ như thế ấy là đã tốt rồi, và thế là tôi chỉ việc tận hưởng cuộc sống của mình. Tôi đã chọn một con đường vô lo quay về với tự nhiên, không bị ràng buộc bởi tri thức và sự nỗ lực của loài người. Từ đó tới giờ, cuộc đời tôi đã trôi thêm được năm chục năm. Tôi có được một số thành công, nhưng có cả những thất bại. Nhiều giấc mơ thời trẻ của tôi vẫn chưa thành. Tôi biết thời gian tôi còn được ở trên thế gian này là có hạn.

Giờ tôi đã nghỉ hưu, sống trong một túp lều trên núi giữa vườn cam. Tôi đã đóng cửa nông trại, không đón khách thập phương nữa để trân trọng hơn thời gian mình còn lại. Điều tuyệt nhất của việc sống cuộc đời nghỉ hưu trên núi, tách khỏi những tin tức về thế giới bên ngoài, là ở chỗ tôi có được một cảm nhận khác về thời gian. Tôi hy vọng rằng, khi thời gian trôi đi, tôi sẽ có thể trải nghiệm một ngày giống như một năm. Khi đó, giống như dân bộ lạc tôi đã gặp ở Somalia, tôi sẽ chẳng còn biết mình bao nhiêu tuổi nữa.

Những ngày này, tôi gắng tưởng tượng rằng mình đã một trăm tuổi... hoặc thậm chí hai trăm tuổi. Tôi hy vọng đến lúc qua đời, tâm trí lẫn thân thể của tôi vẫn còn ở tình trạng tốt. Khi xuống ruộng hoặc lên vườn, tôi tự nhủ với mình: chớ có hứa hẹn gì cả, hãy quên ngày hôm qua đi, đừng nghĩ về ngày mai, nỗ lực hết mình vào công việc của từng ngày và không để lại dấu vết nào trên trái đất này hết. Với tôi, hạnh phúc chỉ đơn giản là được làm việc vui vẻ trên nông trại của mình, nó chính là Vườn Địa Đàng. Con đường làm nông tự nhiên sẽ vĩnh viễn không bao giờ là hoàn thiện. Tự nhiên không bao giờ có thể được thấu hiểu hoặc cải tạo nhờ vào nỗ lực của con người. Cuối cùng thì, để hoà làm một với tự nhiên, để được sống cùng Thượng đế, người ta không thể giúp người khác, ngay cả nhận sự giúp đỡ từ họ cũng không. Chúng ta chỉ có thể tự mình đi con đường của mình.

Đường lớn chẳng hề có cổng, tôi chẳng thấy cái nào
Yên bình trên Thiên đường, chốn trần gian là tiếng thì thào
Ai đã khiến cơn gió đi hoang?
Sang bên trái, dạt qua bên phải
Hết thủ lại công
Chẳng biết đâu là tốt xấu
Chiếc quạt thổi cả hai phía, lóng ngóng như nhau

Độc bước trong vườn, tôi thấy một túp lều dựng tạm
Một ngày là cả trăm năm
Đám cải củ, cải cay bung nở
Năm hai nghìn rồi ánh trăng sẽ mờ
Đã tận lực chốn này, giờ ta bắt đầu phiêu du chốn mới
Chuyến du hành thoáng chốc, ai biết là tới đâu

Đầu xuân 1986

PAUL DOUMER NÓI VỀ NGƯỜI VIỆT

Paul Doumer là Toàn quyền Đông Dương từ năm 1897 tới năm 1902 và sau này là tổng thống Pháp, từng so sánh người Việt với các dân Miên, Lào, Thái và các dân khác (ở Đông Nam Á). Ông bảo rằng "Phải sang đến tận Nhật Bản người ta mới thấy được một giống dân tương xứng và giống với người Việt. Cả hai giống người Việt và Nhật, theo ông, đều thông minh, chăm chỉ và can đảm."

Vào thời điểm Doumer phát biểu nhận định trên đây, dân tộc Việt Nam đang ở trong hoàn cảnh thất thế nhục nhã, trong khi dân tộc Nhật Bản đang tột đỉnh vinh quang, vừa đại thắng Nga.

Thế nhưng bây giờ, người Việt Nam liên tục nhắc đến người Nhật Bản như một hình mẫu tiêu biểu về việc "sống": sống tốt, sống đẹp. Và mỗi khi người Nhật làm một điều gì đó tốt đẹp thì người Việt Nam lại bảo nhau: Ở Việt Nam ấy à, còn lâu nhé!

Đã hơn trăm năm trôi qua kể từ khi Paul Doumer ca ngợi người Việt.

Chúng tôi muốn tin Paul Doumer, và chúng tôi muốn từng bước Hiện Thực điều đó cùng với các bạn, để điều Paul Doumer từng nói về chúng ta sớm thành sự thật.

Chúng tôi mong muốn cuốn sách đến được với thật nhiều người Việt Nam, kể cả những người không có điều kiện mua sách, cũng không có điều kiện truy cập tới mạng internet và máy vi tính, nhất là các nông dân và những người ở vùng sâu vùng xa.

Vì thế, chúng tôi mong các bạn, sau khi đọc bản ebook này, nếu bạn thấy nó hữu ích và bạn có điều kiện tài chính, thì hãy ủng hộ bằng cách mua sách giấy để gửi tặng các đối tượng trên.

Sách có thể mua tại các điểm bán ở link này Mua sách Cuộc-Cách-Mạng-Một-Cọng-Rơm ở đâu?

Hoặc email về books@xanhshop.com; điện thoại 0909.000.202 để hỏi thông tin.

XanhShop.com

NGƯỜI ĐỌC NÓI GÌ

1. Nếu mình biết đến Fukuoka sớm hơn, chắc hẳn cách dạy con của mình có nhiều cái khác so với những gì mình đã làm.

– Mai Hồng (http://goo.gl/d3NXND)

2. Cuộc chiến giữa cọng rơm và bình hóa chất diệt cỏ đã bắt đầu từ lâu trước khi mình ra đời. Chắc chắn khi mình chết đi, nó vẫn chưa kết thúc. Nhưng mình chọn đứng về phía cọng rơm vì ít ra mình sẽ chứng kiến cuộc chiến lâu hơn, trong tình trạng khỏe mạnh hơn!

– Trần Quốc Khánh (http://goo.gl/BMcWZy)

3. Ngộ ra một điều quá thú vị: rằng cuộc sống thâm thúy ở không đâu xa. Thiền Định, chỉ là thở vào thở ra. Cải thiện sức khỏe cho một thế hệ chỉ từ nuôi con sữa mẹ. Cải thiện môi trường ô nhiễm từ "cọng rơm."

– Trần Thị Trung Thuận (https://goo.gl/kMUo49)

4. Cuộc Cách Mạng Một Cọng Rơm là sự tự do và minh triết của một người nông dân khi nói về công việc của mình, chứ không phải tính khắc khổ của một nhà lý thuyết khi giải thích triết học, hay sự cay nghiệt của một kẻ lánh đời, khi giễu cợt kẻ khác.

Chính sự tự do và minh triết nơi những bài học thực tế này, theo tôi, đã làm nên cuốn sách và tạo ra niềm hạnh phúc cho người đọc sách - ít ra, đó là niềm hạnh phúc mà tôi đã cảm nhận được.

– Nghệ sĩ thị giác Nguyễn Như Huy (http://goo.gl/jPQYeh)

5. Đây là cuốn sách mà mọi người, những ai mà hàng ngày vẫn phải ăn gì đó để sống, thì đều nên đọc. Đọc không phải để trở thành nông dân, làm nông nghiệp mà là để hiểu hơn về tự nhiên, để đừng đòi hỏi những thứ mà tự nhiên không thể có, nên phải can thiệp bằng hoá chất.

– Phạm Nhung (http://goo.gl/TnHtLf)

6. Gấp cuốn sách lại, em thấy mình yêu cuộc sống này biết bao. Em không còn phân biệt sướng hay khổ, giàu hay nghèo, thông minh hay dốt nát, lao động chân tay hay trí óc. Em không còn ghi nhớ trong đầu ăn dặm cho trẻ sẽ phải như thế nào? Giáo dục sớm cho bé ra sao? Cụ Fukuoka dạy: Không bỏ mặc thiên nhiên cũng không cải tạo thiên nhiên. Em ngộ ra 'con cái cũng là một thực thể của thiên nhiên.'

– Nguyễn Phương Nhi (trích từ email gửi về cho XanhShop)

7. "Cuộc cách mạng một-cọng-rơm" giống như một cuốn kinh Phật được viết bằng ngôn ngữ trồng trọt, kỹ thuật nông nghiệp hết sức giản dị, hấp dẫn. Ông như thể một vị Lạt Ma đắc đạo giảng giải, khai mở cho người đọc vậy. Hiểu được như ông, sống và thực hành cuộc sống như ông có lẽ ai cũng thành Phật.

– Nhiếp ảnh gia Na Sơn (http://goo.gl/ajPXGx)

8. Cuộc Cách Mạng Một-Cọng-Rơm là bản tuyên ngôn của Masanobu Fukuoka về nghề nông, về việc ăn uống và về những hạn chế của tri thức con người. Nó đưa ra một thách thức mang tính căn bản cho những hệ thống toàn cầu mà chúng ta đang trông cậy vào để có thực phẩm. Đồng thời, nó cũng là cuốn hồi ký tâm linh của một con người mà phương pháp canh tác của ông phản ánh một niềm tin sâu sắc vào tính toàn thể và cân bằng của thế giới tự nhiên.

– New York Review Books

9. Cách tiếp cận không-làm-gì-cả của Fukuoka trong làm nông không chỉ mang tính cách mạng xét về mặt nuôi trồng thực phẩm mà nó còn áp dụng được cho các khía cạnh khác của đời sống (sự sáng tạo, nuôi dạy con trẻ, chủ nghĩa hành động, sự nghiệp, v.v…). Hơn bao giờ hết, thông điệp bao quát của ông là rất cần thiết khi chúng ta tiến hành tìm kiếm những cách thức mới để tiếp cận môi trường, xã hội và sự sống nói chung. Đã đến lúc tất cả chúng ta gia nhập vào phong trào "bất-hành-động" này cùng với ông.

– Keri Smith, tác gia, How to be an Explorer of the World

10. Từ rất lâu, trước cả Michael Pollan của nước Mỹ thì Masanobu Fukuoka đã nhìn ra mối liên hệ giữa nông nghiệp thâm canh, các thói quen ăn uống không lành mạnh và cả một nền kinh tế mang tính hủy diệt dựa trên dầu mỏ.

– Harry Eyres, The Financial Times

11. Không cày đất, không làm cỏ, không phân bón, không phân mùn vi sinh từ bên ngoài đưa vào, không cắt tỉa cũng không dùng hóa chất. Cách tiếp cận tối giản của ông cắt giảm thời gian lao động xuống còn một phần năm so với các cách làm nông thông thường. Thế nhưng, sản lượng lại sánh ngang với các phương pháp tiêu tốn nhiều tài nguyên hơn…

– New Internationalist

12. Cuộc Cách Mạng Một-Cọng-Rơm cho thấy vai trò then chốt của kiến thức 'sinh thái học nông nghiệp' Bản Địa trong việc phát triển các phương thức làm nông bền vững.

– Sustainable Architecture

13. Đó như là một sai lầm hệ thống và không biết đâu là điểm dừng, khi mà lòng tham và nhu cầu của con người dường như vô tận. Và sai lầm hệ thống thì đôi khi chỉ được sửa chữa triệt để bằng cách thay thế chính hệ thống đó!

– Thời báo kinh tế Sài Gòn (http://goo.gl/9qIyGj)

14. Trong cộng đồng những người làm nông nghiệp trên mạng, dễ dàng thấy những trao đổi hừng hực máu lửa như trồng cây gì, bón phân gì, nuôi con gì, cho ăn gì để nhanh chóng làm giàu. Nông nghiệp với mục đích làm giàu, tự bản thân nó đẻ ra nhiều thứ phục vụ cho mục đích đó: bài toán đầu tư, bài toán thu hồi vốn, bài toán tiếp thị, đóng gói, phân phối, kinh doanh, tích hợp các kiến thức và sản phẩm của khoa học để nâng cao năng suất, trồng và cho ra sản phẩm nông nghiệp nghịch vụ, giải quyết bài toán sâu hại và bệnh của cây trồng, vật nuôi...

Tôi, như một kẻ mới toanh không kiến thức, không trải nghiệm, mém chút nữa là bị lạc hẳn vào trong đó không đường ra. Thật may là trước khi sa chân vào trận đồ bát quái đó, đứa bạn thân tặng cho tôi cuốn sách này. Cuốn sách với nội dung cực kỳ giản dị nhưng vô cùng sâu sắc, giúp tôi kịp nhận ra sự vô nghĩa và sai trái của những cách làm nông nghiệp hiện đại; hiểu được chân bản chất của nông nghiệp theo phương pháp tự nhiên và hơn thế nữa, giúp tôi củng cố thêm nhận thức của mình về Thật và Ảo trong cuộc sống; về sự hữu hạn của kiếp người; về sự kỳ lạ trong những nỗ lực ồn ào của loài người liên tục đẩy cuộc sống về hướng này theo hướng kia, mà thật sự chẳng ai biết là để làm gì, để đi tới đâu.

(http://goo.gl/tDa1eM)

15. Loạt bài của nhà báo Hoàng Hải Vân trên ThanhnienOnline

(http://goo.gl/qrgruj

http://goo.gl/NmUIBD

http://goo.gl/ESIfdm

http://goo.gl/a50wWs

http://goo.gl/JUPOVG

http://goo.gl/kakxhV

http://goo.gl/bHH3b9)

16. Làm nông nghiệp xanh, cho đến hôm nay vẫn là một khẩu hiệu thời thượng. Dĩ nhiên, phía sau cái khẩu hiệu thời thượng đó, xanh đôi khi là một thứ khởi sinh lắm thói tật tiêu chuẩn hình thức, nhân danh nọ kia để đi đến cái đích cuối cùng là những bài toán thị trường giữa thời đại tiêu dùng. Một khi nông nghiệp được đặt lên chiếc tàu lượn của nền kinh tế, nó không còn là nó, người nông dân không còn thấy vui với công việc của mình, triết lý tốt đẹp của nghề nông đã bị phá hủy.

(http://goo.gl/3GHd31)

17. Có vẻ không thực tế, nếu kì vọng những tư tưởng của Fukuoka và những người đồng ý chí với ông có thể đổi chiều xu hướng phi tự nhiên ấy của phần đông nền nông nghiệp thế giới.

Cũng giống như một người được truyền dạy một cuốn kinh hay. Việc người ấy đọc hay không, hiểu được tới đâu, làm theo nhường nào, và gặt hái được gì cho bản thân, chỉ phụ thuộc vào người cầm cuốn sách mà thôi.

– Hạt Vừng (http://goo.gl/FNdT1N)

18. Đọc lướt qua vài dòng đầu, bạn có thể cảm thấy không hiểu nổi nhân vật này. Vì ông Masanobu Fukuoka ngạo nghễ phán xét các phát minh vĩ đại của loài người là phát minh sau khắc phục lỗi của phát minh trước đó, cứ thế con người mỗi ngày thông minh hơn nhưng vẫn không đủ sống như tổ tiên loài người trước đây.

Tôi là 1 trong số đó, tâm lí ban đầu khi đọc sách tôi còn lo sợ mình sẽ bị ảnh hưởng tư tưởng "tự nhiên" đến "không làm gì" trong nông nghiệp của ông mà "tự nhiên" và "không làm gì" trong cuộc sống của mình mất. Nhưng không, càng đọc tôi càng thấm thía cái qui luật đơn giản của cuộc sống.

Sách không đơn thuần là sách về nông nghiệp mà sách còn mang đến cho người đọc cảm được cách nhìn thế giới, cách hiểu thế giới, cách để có 1 cuộc sống đơn giản và hạnh phúc.

– Trần Như Ngân (http://goo.gl/X4lUo2)

19. Nếu có ai bảo tôi nhận xét về ông thì tôi xin nói ông là một người cực đoan. Tuy nhiên, cái triết lý cực đoan ấy mang lại cho ông sự hạnh phúc tột cùng và thật sự nếu tất cả chúng ta đều thực hiện được những gì ông nói thì thế giới sẽ hạnh phúc biết bao. Tôi ngưỡng mộ ông vì điều đó.

– Nguyễn Vũ Thanh Phúc (https://goo.gl/fgUoPP)

20. Sẽ có nhiều điều về cách sống, nhân sinh quan mà ta sẽ suy ngẫm lại khi đọc tác phẩm này. Mỗi người sẽ thu được quả ngọt khác nhau. Nhưng chắc chắn "cuộc cách mạng – một cọng rơm" không chỉ để đọc dăm ba lần, mà cần nghiền ngẫm lâu dài. Bởi dù là bản dịch từ tiếng anh, nhưng câu chữ vẫn rất ngắn gọn và cô đọng, và cần thời gian để hiểu sâu sắc tư tưởng của ông.

(http://goo.gl/lmCnnE)

21. Tôi đến với cuốn sách với mong muốn được biết thêm kiến thức về nông nghiệp tự nhiên và mong tìm được lời giải đáp cho sơ đồ Mạn Đạt La mà tôi đã từng nhìn thấy qua internet. Nhưng tôi còn được nhiều hơn thế nữa, qua từng trang sách, tôi đã có dịp dừng lại, nghĩ và ngẫm về chính những thực phẩm hiện nay tôi đang ăn và mối tương quan của nó về những quan hệ trong xã hội, luật nhân quả.

Tôi nhận ra chỉ cần thay đổi suy nghĩ và hành động thì có thể thay đổi được giá trị của chính chúng ta. Cũng như một cọng rơm bé nhỏ góp phần thay đổi thành phần của đất.

Còn bạn thì sao?

(https://goo.gl/wc6aDg)

22. Tuy còn đôi chỗ đối lập với ông về tư tưởng, nhưng tôi vẫn luôn ngưỡng mộ những con người như ông Fukuoka, hay ông Jiro – nghệ nhân sushi mà mình được xem qua 1 bộ phim tài liệu. Họ luôn xác định cho mình những nguyên tắc sống, kiên trì theo đuổi một cách bền bỉ để chứng minh điều đó trong công việc, cuộc sống, biến nó thành triết lý sống và không bao giờ hài lòng, tự mãn với thành quả, Làm được như vậy, mỗi người đã bước gần hơn tới thành công cho dù đi trên con đường nào đi nữa.

– Hoàng Tân (https://goo.gl/7FHRgJ)

23. Khi bắt đầu đọc quyển sách này, tôi cho rằng việc lắng nghe, im lặng dõi theo từng trang sách là điều hoàn toàn cần thiết. Sẽ có người bật cười khi nghe ông nói rằng "Thế giới này chẳng có gì sất" hay "Einstein đã nhận Nobel vật lý vì sự phức tạp. Trang 137." Chính sự hồ nghi đã khiến bạn cố gắng tách bạch mọi thứ trước khi nhìn nhận mọi thứ như vốn có của nó, những chiếc lá cần về lại với đất để nuôi dưỡng cây và tự nhiên là một hệ thống thay vì bạn cố gắng làm thay việc của tự nhiên đó là bón phân.

– Trần Hoàng Phúc (https://goo.gl/RAFY8s)

24. Cuộc cách mạng của Masanobu là một cuộc cách mạng sâu xa hơn rất nhiều so với quán tính tư duy thông thường. Nó là con đường của một người đã hoà làm một với tự nhiên, đã thông hiểu tự nhiên đến mức phó mặc, đến mức không còn cần một chút cố gắng nào. Con đường này không mới: Lão Tử đã thực hành nó, các bậc thầy minh triết tự cổ chí kim đều thực hành nó. Song thực tế là, xuyên qua nhiều nghìn năm, số người thực sự hiểu và bước đi trên con đường này là vô cùng ít ỏi, nếu so với số đông còn lại. Điều này dễ hiểu, bởi đa số sẽ va phải câu hỏi quá lớn của tư duy: làm sao anh có thể LÀM bằng cách KHÔNG LÀM gì được? KHÔNG LÀM chẳng phải là LƯỜI BIẾNG, HÈN NHÁT hay sao?

Những người không còn bị ràng buộc bởi tâm trí và hiểu biết nhỏ bé của mình đều biết rằng câu trả lời là KHÔNG.

– Đỗ Hữu Chí – họa sĩ Bút Chì (https://goo.gl/Pkkpxl)

25. Phải nói rằng cuốn sách này quá đỗi phong phú và sâu sắc về nội dung khiến người đọc muốn hiểu cặn kẽ được một trang thôi thì cũng phải bỏ công ra tìm hiểu rất nhiều lĩnh vực khác nhau và có một sự liên kết chắc chắn giữa chúng. Việc này cũng giống như một người muốn tận hưởng được trọn vẹn một miếng cơm gạo lứt thì hắn phải kiên nhẫn nhai đi nhai lại tầm từ 70 đến 100 lần vậy!

– Vũ Thanh Hoà (http://goo.gl/aQnY8n)